

THÁNG 9-10-1955  
*set/loc*

# VĂN - HÓA

NGUYỆT - SAN

CO-QUAN VĂN-HÓA VIỆT-NAM

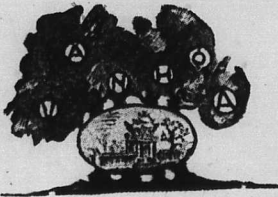


*Lưu loan*  
*Trần Chí Sĩ*  
*1-11*  
NY IN CA  
ANGLO  
IMPRIMERIE  
FANTASIA  
GAO-VAN-SANH  
GIAM-BOC  
DAI-LU TRAN-HUNG-DAO SAIGON



SAIGON

BỘ QUỐC-GIA GIÁO-DỤC XUẤT-BẢN



GIÁ BÁN TOÀN QUỐC  
1 số . . . . . 24  
1 năm (10 số) . . . . . 240







## THỐNG-NHẤT NGÔN-NGỮ

**T**ừ Nam chí Bắc, quốc-ngữ của ta hiện được dùng khắp nơi trong nước ; đó là một điều vô cùng quý-giá, nhất là khi ta biết rằng ở nhiều xứ, ngôn-ngữ thay đổi hẳn từ miền nọ sang miền kia. Tuy nhiên, sự thống-nhất đã có ấy, còn một vài khuyết-diểm ; tính-cách đại-đồng kia còn ít nhiều tiêu-dị, mà ta có thể tóm-tắt như sau :

- đối với một số từ-ngữ, phát-âm và chính-tả chưa được duy-nhất.
- các thổ-âm cần phải giải-thích rõ-ràng,
- các từ-ngữ chuyên-môn, nhất là về địa-lý, khoa-học, triết-học, và kỹ-thuật, cần được ấn-dịnh cho toàn-quốc.

Vì vậy, Bộ Quốc-gia Giáo-dục đã triệu-tập tại thủ-đô Saigon, một Hội-nghị, để tìm cách hoàn-bị sự thống-nhất ngôn-ngữ. — Hội-nghị đã khai mạc ngày 5-9-56, hồi 8 giờ, tại trường Cao-dăng Sư-phạm, dưới quyền chủ-tọa của ông Bộ-trưởng. Nhân-viên, gồm có các nhà chuyên-môn, các giáo-sư, và các tác-giả từ-diễn, đã nhóm-hợp, và chia làm ba ban : ban nghiên-cứu phát-âm và chính-tả, ban nghiên-cứu các từ-ngữ địa-phương, và ban nghiên-cứu các từ-ngữ chuyên-môn văn-học hay khoa-học. Các tài-liệu và đề-nghị sẽ được tập-trung, để làm căn-bản cho chương-trình nghị-sự của một Đại hội-nghị Thống-nhất ngôn-ngữ toàn-quốc, mà Bộ Quốc-gia Giáo-dục sẽ triệu-tập sau này.

Bản-báo nhiệt-liệt hoan-nghênh sáng-kiến của Bộ, vì ai nấy đều hiểu rằng : ngôn-ngữ cần phải thống-nhất và hoàn-bị hơn, để thành một dụng-cụ sắc-bén trong việc canh-tân và thống-nhất quốc-gia ; và chúng tôi hân-hoan dâng dưới đây, bản diễn-văn khai-mạc Hội-nghị của Ông Bộ-trưởng Nguyễn-dương-Đôn, — một huấn-từ đầy ý-nghĩa, có thể làm nguyên-tắc cho các ngành hoạt-dộng văn-hóa.

o°o

Thưa quý-Vị,

Mời đây, một tin-tức văn-hóa, đăng trên báo-chi, đáng cho các thức-giá lưu-tâm, chú-ý. Một nhóm văn nghệ-sĩ Nhật-bản đang tìm cách giới-di hóa Nhật-ngữ, một thứ chữ viết, mà chính họ đã nhận thấy tính-cách phức-tạp, làm trở-ngại cho sự trao-đổi tư-tưởng ở trong nước hay ngoài nước. Họ đã đề một bản phác-trình tới Bộ Giáo-dục, đề-nghị lấy mẫu-tự La-mã thay thế cho hàng ngàn chữ được sử-dụng ở Nhật hiện thời, và họ đã được nhà hữu-trách mang vấn-đề ra nghiên cứu. Một Quốc-gia vào hàng tân-tiến nhất ở Á-đông và ở hoàn-cầu, cũng băn-khoăn về quốc-ngữ của mình, cũng luôn luôn tra-u-giỏi và bồi bổ quốc-ngữ ; thế thì nước nhà, đã có một thứ quốc-ngữ thuần-tiện, lại chẳng nên cố làm cho quốc-ngữ ấy ngày một hoàn-hảo, rõ-ràng và tinh-oi hơn, ngõ hầu bổ-cứu chút ít khuyết-hiếm còn lại hay sao ?

Văn-hóa là tinh-hoa của đất nước, là một sức mạnh hùng-hậu của dân-tộc. Cho nên ngôn-ngữ và văn-tự, nền-tảng của văn-hóa, đáng được toàn thể quốc-dân và nhất là các nhà tri-thức, tận tâm săn-sóc. Một học-giá nước nhà đã nói, không có gì là quá đáng : « Nước ta sau này, hay hoặc dở, cũng là nhờ ở chữ quốc-ngữ. » Trên lãnh-vực quốc-tế, chẳng nhân thường phân-nàn về sự ngôn-ngữ bất đồng, một trở-lực lớn-lao gây nên bao sự hiểu-lầm. Còn gì đáng tiếc bằng người cùng một nước, mà chỉ vì sinh ở miền này hay miền khác, mà giọng nói khác nhau, có những tiếng nói, những chữ khác nhau, thành có khi không hiểu nhau được. Thực ra, sự khác tiếng khác giọng ấy, rất ít trong tiếng Việt, không như ở nhiều xứ khác, có nơi người hai tỉnh trong một nước, dù học thức tới mực nào, cũng đành phải bút-đàm mới hiểu nhau được, vì không cùng chung một tiếng nói. Vậy trong tiếng Việt, ta còn chờ gì mà chẳng nêu ra và giải-thích, những chỗ sai-biệt rất ít ỏi, để toàn thể đồng-bào, dù ở hoàn-cảnh nào, dù quê-quán ở đâu, cũng có thể hiểu biết nhau hơn. Thống-nhất về ngôn-ngữ và tinh-thần, tức là làm

cho nhân-dân thêm tình đoàn-kết và tương-thần tương-ái. Như ông Giám-đốc Nha Văn-hóa vừa nói, sự cố-gắng này lại rất hợp-thời, vì sau cuộc di-cư lớn-lao hồi năm kia, đồng-bào Nam-Bắc đã có dịp chung sống hàng ngày.

Vậy, tôi trân-trọng cảm-on quý Vị, vì tha-thiết với nền Văn-hóa nước nhà, đã sốt-sắng đến tham-dự Hội-nghị hôm nay, với một mục-đích và ý-chí rõ-rệt : Thống-nhất Ngôn-ngữ.

Các Vị sẽ hợp-thành những tiểu-ban để thảo-luận, nghiên-cứu, khảo-sát, và ấn-định những nguyên-tắc chắc-chắn về chính-tả và cách phát-âm, về việc so-sánh các tiếng đồng âm và đồng nghĩa, về các thô-âm có thể phổ-biến trong toàn-quốc, về việc giới-thiệu các nhân-vật nhận soạn-thảo từ-điền cùng các tập danh-từ về các ngành kỹ-thuật hay các ngành học chuyên-môn. Các Vị sẽ tập-trung những tài-liệu xác-đáng, và cụ-thể, để làm căn-bản, cho một Đại-Hội-nghị Văn-hóa toàn-quốc, mà Bộ Quốc-gia Giáo-dục rồi đây sẽ triệu-tập.

Công-cuộc thống-nhất ngôn-ngữ này nằm trong một chương-trình hoạt-dộng văn-hóa rộng-rất của Bộ, — chương-trình có thể tóm-tắt trong ba nguyên-tắc chính :

— giữ-gìn nền văn-hóa cổ-truyền, một nền văn-hóa phân-ảnh các đặc-tính của giống-nòi, và đã sinh-xuất ra biết bao anh-hùng liệt-nữ ;

— đón nhận những tài-liệu của văn-hóa thế-giới, thấu nạp những cái hay, cái đẹp từ bốn phương đưa lại, khiến cho cái căn-bản tinh thần của dân-tộc thêm phần phong-phú ;

— vừa phát-huy nền văn-hóa quốc-gia, vừa góp phần vào nền văn-hóa chung của nhân-loại.

Muốn đạt các mục-dịch rộng-rãi kia, Bộ Quốc-gia Giáo-dục sẽ mở-mang Nha Văn-hóa, đặt thêm các phòng nghiên-cứu và xuất-bản, phụ-trách việc sưu-tầm các tài-liệu trong nước hay ngoài nước, rồi biên-soạn thành tùng-thư hay tạp-chí, để phổ-biến trong toàn quốc các kiến-thức cần-thiết cho một quốc-gia tân-tiến. Đồng-thời, sẽ có các cơ-quan phụ-trách việc soạn-thảo từ-điền, khảo-sát văn-phạm và các danh-từ chuyên-môn, cùng nghiên-cứu việc thiết-lập mọi Hội Văn-Hóa quốc-gia, khởi điềm cho một Hàn-Lâm-Viện.



Trong khi chưa kịp thiết-lập các cơ-quan vừa kể, Bộ phải nghiên-cứu ngay các vấn-đề khần-yếu ; và công-việc của Hội-nghị thống-nhất ngôn-ngữ hôm nay, là một trong các công việc sơ-khai của chương-trình hoạt-động văn-hóa. Các vị là những người thợ phá đường cắm mốc, đề sau này rặng văn, bề học được khai thác, mà nảy-nở ra những hoa thơm cỏ lạ, xứng đáng với nước Việt-Nam mới.

Bước đầu đã khó-khăn, vấn-đề ngôn-ngữ lại là một vấn đề vô-cùng tế-nhĩ, đòi hỏi nhiều kiến-thức và kinh-nghiệm. Thật vậy, ngày nay, các học-giả đều công-nhận rằng : tập-tục là chủ-nhân ông của ngôn-ngữ. Các vị đã thừa rõ ràng : nhà văn-phạm hay ngôn-ngữ học không thể giống như các nhà lập-pháp, thường phải tư nghĩ ra những luật-lệ hợp-lý và hợp-tình, để nhân-dân sẽ noi theo. Trái lại, họ phải luôn luôn theo dõi cách dùng chữ, đặt câu đã được phổ-thông trong nước, đã được một số đông dân-chúng hoan-nghehnh, áp-dụng, để căn-cứ vào đó mà tìm ra các luật-lệ văn-phạm hay ngữ-pháp, những luật-lệ vẫn tiềm-tàng trong ngôn-ngữ thông thường, mà ta phải tìm ra, nêu ra một cách xác-đáng, tinh-vi và rõ-rệt.

Nhưng công-việc dù phức-tạp, cũng cần phải thực-hiện ; vì như trên đã nói, nó là căn-bản của nền văn-hóa quốc-gia và một nguồn cảm-thông đề gấy nên tinh-thần đoàn-kết, cần-thiết cho sự thống-nhất quốc-gia.

Với lòng tin-tưởng ấy, tôi chúc Quý-vị thành-công rực-rỡ, và trân-trọng khai-mạc cuộc Hội-nghị đầu tiên, nhằm mục-tiêu thống-nhất ngôn-ngữ.

Chuyện lạ năm châu.

## KHOA-HỌC VÀ KỸ-THUẬT TẠI ANH-QUỐC.

Với chủ ý gây-dựng những thể-hệ bác-học và chuyên-gia cho mà ; sau, 17 hãng kỹ-nghệ tại Anh quốc, đã gom-góp một số tiền là 1.500.000 bảng Anh, để khuyến-khích việc dạy các môn khoa-học tại nhà trường. Số tiền này sẽ dùng để tăng-cường việc dạy hai môn lý và toán tại các trường trung-học, xây thêm trụ-sở, tối-tân hóa các phòng thí-nghiệm, và sắm thêm các dụng-cụ thí-nghiệm.

NGHI BA

(Rút ở tài-liệu Unesco)



Phối-đoàn Việt-Nam tại Hội-Nghị Giáo-dục liên-thiệp-quốc, Genève (Thụy-sĩ)  
(từ 9 đến 17-7-1956)

Từ trái sang phải : Ô. Võ-văn-Lúa, Giám-Đốc nhà Văn-Hóa ; — Ô. Bùi-phương-Chi, Tổng-Giám-Đốc nhà Học-Vụ, trưởng-phái-đoàn ; — Ô. Nguyễn-văn-Tình, giáo-sư.

(Xem bài Địa-vị Toán-học trong nền Giáo-dục mới).

# NHÀ NGUYỄN VỚI TRUNG-QUỐC

hay một ngộ-nhận tai-hại

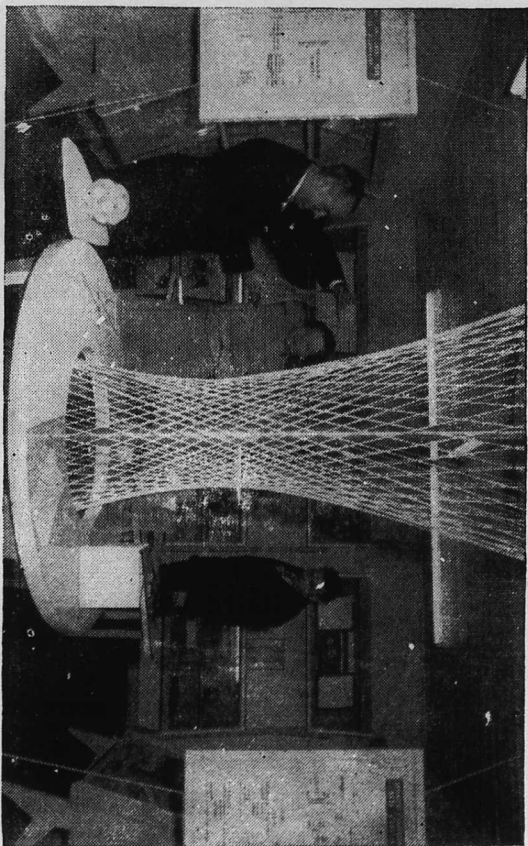
của PHẠM-CƯƠNG

**M** AI tới đời Tự-Đức (1.847 — 1.883), triều-dinh cũng như đại đa số đồng-bào ta, vẫn lầm tưởng rằng : Trung-Quốc đã lên tới một trình-độ văn-minh tuyệt đích, không còn nước nào, dù là các nước Âu Tây, — có thể sánh kịp. Song, những biến-chuyển thương-tâm của thời cục đã khiến cho nhân-dân tỉnh-ngộ, và từ ngót một thế-kỷ nay, nước nhà đã luôn luôn sửa chữa các lỗi lầm xưa, bằng cách thu-nạp những tinh-hoa trong các tân-trào...

## I. — Sự giao-hào lúc sơ-khai :

Sau khi đã chiếm được Phú-Xuân, Nguyễn Vương đã lên ngôi Tôn ngày 1-6-1802, (tháng năm năm Nhâm tuất), đặt niên hiệu là Gia-Long. Họ Nguyễn nghĩ ngay đến việc ngoại giao với Trung-Quốc, và tìm hết cách làm cho vua Thanh bỏ nhà Tây-Sơn, mà công nhận mình. Muốn đạt mục-đích ấy, Gia-Long sai Trịnh-hoài-Đức đem hoàn lại Tông-dốc Lương-Quảng án và sắc do nhà Thanh trước kia đã phong cho vua Quang-Trung, mà Quang-Toản bỏ lại ở Phú-Xuân, trong khi vội-vả chạy ra Bắc-hà. Gia-Long lại cho giao trả các tướng Tàu-ô, do Tây Sơn đã thu-nạp, để quấy nhiễu miền duyên-hải Trung-hoa, hầu sửa-s soạn việc chiếm lại Lương-Quảng.

Cuối năm 1802, sau khi lấy được xứ Bắc và đổi tên là Bắc-thành, Gia-Long không dợi Trịnh-Hoài-Đức về, lại sai một sứ đoàn thứ hai qua Trung-Quốc, do Binh-Bộ Thượng-Thư Lê-quang-Định dẫn đầu. Lê quang-Định đã đệ triều-dinh Bắc-Kinh một tờ biểu trần-tình, trong đó Gia-Long đã viết : «... Nhân dân đã bắt Nguyễn-quang-Toản và yêu cầu chúng tôi thay thế nhà Lê. Kính cặn cho dâng phương-vật để tỏ lòng thành, chúng tôi trộm mong mưa móc thấm đến phương xa, để được liệt vào hàng phiên-phục. Trong khi chúng tôi gửi biểu trần tình, thì tâm hồn lo sợ, theo khói hương bay tới Thiên đình... »



PHƯƠNG-PHÁP CU-THỂ-HÓA CÁCH DẠY TOÁN-HỌC

(Phòng trưng bày của nước Bỉ tại Genève)



Hai lần, sứ giả đều đã thu được những kết-quả mong muốn. Đối với Nhà Tây-Sơn, vua Thanh chê rằng : Nguyễn Huệ và Quang Toản là chur hầu mà thu-nạp cón-đồ, phẩm Thiên Triều, thật là đáng trách... Rồi năm 1803, vua Gia-Khánh nhà Thanh sai Ân-sát sứ Quảng Tây là Tê Bô Sâm đến Thăng-Long, phong vương cho Thế-Tồ. Sứ chép rằng : vua Gia-Long xin đặt quốc hiệu là Nam-Việt, song xét ra : nước Nam-Việt xưa về đời nhà Triệu, gồm cả hai tỉnh Quảng-Đông và Quảng-Tây, nên nhà Thanh không muốn thừa nhận tên ấy, và đảo lại là Việt-Nam cho khỏi lăm. Trong bản thề sách (1), của vua nhà Thanh có mấy đoạn :

«... Nay sai Tê Bô Sâm, Ân-sát-sứ, đệ ấn bạc, mạ vàng, có hình lạc-đà, đến Thăng-Long, tuyên đọc thề sách này, phong Nguyễn-phúc-Ánh làm Việt-Nam Quốc-Vương, để giữ phận triều cống...

Chúng ta chăm giáo-hóa để muôn dân được hưởng hòa-bình».

Gia-Long thân hành ra Bắc-thành làm lễ nhận ấn sắc, rồi năm 1809, bắt đầu sai sứ dâng cống-phẩm (2).

Năm 1821, Minh-Mệnh cũng chịu Trung-Quốc phong vương, rồi mãi tới đời Tự-Đức, các vua nhà Nguyễn vẫn theo tục-lệ, thường sai sứ sang triều-cống.

## II. — Một ngộ-nhận tai-hại :

Vì say-mê nền văn-học Trung-quốc, chỉ biết chuộng từ chương thơ phú, vì hiểu lầm đạo Khổng Mạnh, sinh ra quá ư nệ cổ, nhất thiết không chịu lĩnh hội các tân trào, nên một số đồng bào ta, mãi tới cuối thế-kỷ thứ XIX, vẫn chỉ biết có văn-minh Tàu, chỉ khâm-phục người Tàu, còn cho các dân tộc khác là không đáng kể, không có gì là hay, là mạnh, đáng cho ta bắt chước, noi theo... Đó là một điều tai-hại, khiến nước nhà đã chậm tiến trong khi người Nhật đã sớm tỉnh ngộ, tiếp sức với nền khoa-học tối-tân.

Tự-Đức (1847-1883) đã quá ư sùng thượng văn-chương Tàu, thành sao láng cả vấn đề chính-trị. Năm 1849, vua Đạo-Quang cho Ân-sát tỉnh Quảng-Tây là Lao-Sùng-Quang làm sứ-thần, mang thề-sách phong cho Tự Đức là Việt-Nam Quốc Vương, đề vâng lai triều cống. Sứ-thần ngoại quốc đến Huế lần ấy là lần đầu. Vốn là thi-sĩ, Sùng-Quang đã tiếp xúc

(1) Bản sách bằng lụa sắc, có thêu hình rồng.

(2) Xem bài "Cuộc bang-giao giữa Việt-Nam và Trung-Hoa", đã đăng trong Văn-Hóa Nguyệt-San số 9, tháng 2, 3 năm 1956.

với các nhà thơ nước ta, nhất là Tùng Thiện-Vương và Tuy Lý Vương, hai vị hoàng thân đã nổi danh trên chốn tạo-dan. Khi trở về nước, Lao-Sùng-Quang đã tuyên bố với các bằng-hữu ở Quảng Tây : « Thi đảo Tùng Tuy thất Thịnh Đường (1) » tức là thơ đến hai nhà này thì thơ của Thịnh Đường bên Tàu cũng mất tiếng. Tự Đức càng tự-tin, cho văn thơ là phương sách thần-diệu, dù thu phục nhân tâm trong địa hạt nội trị, cũng như trên trường ngoại giao ! Nguyễn-trường-Tộ, — một nhà ái-quốc tinh-thông cả Pháp-văn và Hán-tự, đã từng qua thăm Pháp và Ý vào khoảng 1860, — luôn mấy lần tha-thiết làm sớ xin mở-mang kinh-tế, chỉnh-đốn binh-bị, và nghiên-cứu ngoại-giao, nhưng Tự Đức nhất thiết không nghe, đến nỗi Nguyễn-trường-Tộ đã phẫn ứat và ốm hận cho tới phút cuối cùng.

Năm 1883, sau khi Hà-Nội đã thất thủ lần thứ hai, và Hoàng-Diện tuân-quốc, triều-dinh vẫn tin-tưởng ở sức mạnh của nước Tàu, bên sai Phạm-thận-Duyệt sang Thiên-Tân cầu cứu. Điều mỉa-mai hơn cả, là không những Trung-Quốc tự vệ cũng chưa xong, còn giúp được ai, mà họ còn có ý thừa dịp định sang xâm-chiếm nước ta, chứ đâu có thực tình viện trợ. Một chứng cứ hiển nhiên, là thấy Pháp hạ thành Hà-nội, tổng đốc Lương-Quảng Trương-thụ-Thanh vội-vả làm sớ tâu vua nhà Thanh : « Nước Việt-Nam và nước Tàu tiếp giáp nhau, mà hiện nay thế lực Việt-Nam rất suy hèn, không thể tự chủ được: Vậy ta nên mượn tiếng sang đánh giặc, mà mang quân xâm chiếm mấy tỉnh thượng-du, đợi khi có biến, ta lấy thêm những tỉnh ở phía Bắc Hồng-Hà... ». Bởi vậy, triều-dinh Thanh mới nhân dịp nước ta cầu cứu, sai bọn Tạ-kính-Buru, Đường-cảnh-Tùng kéo quân sang đóng ở Bắc-Ninh, và Sơn-tây, sau lại hạ lệnh cho Bắc-chánh Quảng-Tây là Từ-diện-Húc đem binh sang tiếp-ứng.

Thấy quân Tàu tới đóng ở nhiều tỉnh ngoài Bắc và luôn luôn có những cuộc đánh úp, viên toàn-quyền Harmand liền tìm cách dùng võ lực để bắt triều-dinh Huế liên kết với nước Pháp, không nhận viện trợ Trung-Quốc nữa. Ngày 18-8-1883, một mặt binh-sĩ Pháp ra đánh xứ Bắc, một mặt Toàn Quyền Harmand và Thiếu-Tướng Courbet đem 7 chiếc tàu chiến vào đánh cửa Thuận-An, phá vỡ thành Trấn-Hải. Nhân đó, mới có hòa ước Harmand, 25-8-1883 ; nước Việt-Nam phải chịu nhận nước Pháp bảo-hộ, và khi giao thiệp với ngoại-quốc, thì phải do nước Pháp chủ-trương. Đó là qui-kết dĩ-nhiên, khi trong nước đã lăm-lở, đi nhờ một dân-tộc vừa yếu thế, vừa thiếu lòng thành-thực.

(1) Văn như Siêu, Quát vô Tiền Hán,  
Thi đảo Tùng, Tuy thất Thịnh-Đường.

### III.— Cuộc đoàn-tuyệt trong thế-lệ triều-cống :

Triều-đình ta đã bị áp-bức ký hòa-ước Harmand năm 1883, nên, trong thực-tế, vẫn dung-túng đề quân Tàu đóng tại các tỉnh thượng-du như Lạng Sơn, Cao Bằng, Lào Kay. Chính-phủ Pháp bèn nhận thấy rằng : can thiệp với nước ta chưa đủ, phải cần tiếp xúc thẳng với các nhà cầm-quyền Trung-Quốc. Buổi đầu, người Pháp dùng phương-sách ngoại-giao. Nguyên lúc đó, Hải quân Trung tá Pháp Fournier quen biết một người Đức tên là Détring, một dân Đức làm quan bên Tàu, coi việc thương chính ở Quảng-Đông, lại giao-du thân-mật với Lý-Hồng-Chương, tòng đốc Trực Lệ. Trung-Tá Fournier bèn nhờ Détring đứng làm môi giới cho việc điều đình Pháp Hoa. Thế là, một hòa-ước đã được ký ngày 11-5-1884, giữa Lý Hồng-Chương thay mặt chính-phủ Tàu và Fournier đại diện chính phủ Pháp. Theo hòa-ước này, Trung-Quốc công nhận bản giao ước của nước Pháp tại Việt-Nam, bằng lòng để Pháp được tự-do xếp đặt mọi việc ở Việt-Nam, và thỏa-luận rút quân đóng ở Bắc-Kỳ về. Hòa-ước Fournier lập xong, chính-phủ Pháp điện cho Patenôtre, công-sứ Pháp ở Bắc-kinh, lúc đó qua Saigon, — yêu-cầu ra Huế sửa lại hòa ước Harmand (25-8-1883). Hòa-ước Patenôtre ký ngày 6-6-1884, chỉ đòi có mấy khoản của hòa-ước Harmand, đề sáp-nhập tỉnh Bình-thuận, khi ấy còn thuộc Nam-kỳ, và ba tỉnh Thanh-Hóa, Nghệ-An, Hà-Tĩnh, khi ấy thuộc Bắc-Kỳ, — vào phạm vi Trung-Kỳ. Nhân dịp, Patenôtre, hội-hợp các đình-thần nước ta, rồi yêu-cầu đem chiếc ấn của Tàu phong cho vua Việt-Nam, thụt bể nấu lên mà hủy bỏ. Thế là, theo nguyên-tắc, nước Nam đã hoàn toàn không lệ thuộc vào Trung-Quốc. Sự triều-cống, mối bang-giao, thiết lập từ thế-kỷ thứ X, dưới đời nhà Đinh, đã kết-thúc, và chính-thức không còn nữa.

Tuy nhiên, dù đã có hòa-ước Fournier (11-5-1884), quân Tàu vẫn không chịu rút lui khỏi miền thượng-du Bắc-kỳ. Cả hai bên Pháp Hoa đều phải dùng võ lực, trả lời nhau bằng súng đạn, rồi khi cả hai đều thấy chiến-tranh không có lợi, thì mới có thể thành-thực giảng-hòa. Mới hay, ngoại-giao chỉ thắng-lợi khi có sức mạnh làm hậu-thuần. Thật vậy, một mặt, binh-sĩ Pháp phải tiếp-tục chiến-tranh ở thượng-du Bắc-kỳ chống lại quân Tàu, một mặt chính-phủ bên Pháp điện truyền cho Patenôtre đòi nước Tàu đến 80 triệu phật lạng binh phí, hạn cho trả làm 10 năm, và hạ lệnh cho Hải quân Trung tướng Courbet khởi sự đánh Phúc-Châu tức tỉnh-lỵ Phúc-Kiến. Bản phá Phúc-Châu xong, Trung-tướng ra vây đánh đảo Đài-Loan.

Về phía Trung-Quốc, vào khoảng đầu năm 1885, quân Tàu sau khi giao chiến nhiều lần đã hạ được thành Lạng-Son, khiến du-luận bên Pháp sôn-sạo, và Thủ-Trưởng Jules Ferry phải từ chức.

Hai bên đối-phương đều thấy chiến-tranh có phần nguy-hại mới lại thảo-luận để đi tới hòa ước Thiên-Tân, ký ngày 9-6-1885 giữa Lý-Hồng-Chương và Patenôtre. Trong các điều khoản, nước Tàu nhận cuộc bảo-hộ của Pháp ở Việt-Nam, tức là phải rút quân về nước. Trái lại, nước Pháp trao trả các nơi mà hải-quân đã chiếm giữ ở mặt bể, và bãi bỏ khoản đòi bồi-thường binh-phí.

Đến đây, sự lệ-thuộc của nước ta đối với Trung-Quốc mới đoạn-tuyệt, trong thực-tế cũng như về nguyên-tắc.

Ác mộng Bắc-thuộc đã chấm dứt, và có lẽ đó là lần đầu tiên mà nước ta đã thức-tỉnh, không còn u-mê, chỉ biết có văn-hóa Trung-Quốc, uy-thể của Trung-Quốc, không còn tự nấp bóng dưới sức mạnh hữu danh vô thực của lân-bang Trung-Quốc !

Vấn hay, nước ta, thời ấy, chỉ thoát lệ triều-cống, để rơi vào ách bảo-hộ ; nhưng toàn dân đã tranh-đấu không ngừng, và hiện nay, nhờ có ánh huy hoàng của nền Cộng-Hòa, đã cứu-vãn được độc-lập của non sông.

*Chuyện lạ năm châu.*

### TÁI-TẠO MỘT NGÔI CHỢ CỎ TẠI ATHÈNES (HI-LẠP)

Hội Nghiên-Cứu Văn-Minh Hi-lạp của Mỹ-Quốc vừa mới báo-cáo là chiếc cỏ-trụ quan Attale đã được tái-tạo được một nửa. Đó là một công-trình kiến-trúc hai tầng, có nhiều trụ chống, dùng làm chợ, và do Attale đệ nhị, vua xứ Pergame, xưa kia, tặng thành Athènes, để kỷ-niệm thời-kỳ vua đó theo học tại kinh-đô Hi-lạp.

Số tiền cần dùng để xây lại chiếc cỏ-dài đó, đã do viện Rockefeller và nhiều tư-nhân hoặc đoàn-thể tại Mỹ-Quốc, quyên tặng. Công-trình kiến trúc sẽ hoàn tất vào khoảng sang năm (1957), và sẽ dùng làm viện bảo-tàng, để chứa những cổ-vật tìm thấy tại Athènes, trong những cuộc phát-quật mới đây của các nhà khảo-cổ.

NGHI BA

(Rút ở tài liệu Unesco)



# VĂN-HÓA, VĂN-HỌC và VĂN-TỰ<sup>(1)</sup>

của Linh-mục J. M. THÍCH

**A** I dám bảo rằng : Việt-nam ta không phải một nước văn-hóa ?  
I dám nói rằng : Văn-hóa cổ hữu của Việt-nam ta không phải là văn-hóa nho giáo ?

Ai cả gan phủ-nhận rằng : Văn-hóa nho giáo là nhờ văn học nhà nho, mà văn học nhà nho là nhờ văn tự cổ truyền gọi là chữ nho vậy ?

Văn tự nào, văn học này.

Văn học nào, văn hóa này.

Trong bài này, tôi xin định nghĩa ba danh từ trên và kết thúc câu chuyện là ta phải trọng môn hán tự.

## I. — VĂN-HÓA, ĐỊNH-NGHĨA

Văn. Văn là gì ?

Theo định nghĩa của Phan-kế-Binh thì văn là vẻ đẹp.

Vẻ đẹp là cái đẹp đã tỏ vẻ ra ngoài.

又 Văn đây chỉ về nhân văn và đối với chữ chất 質 như :

- Văn trong bức vẽ, bức thêu ;
- Văn trong bản nhạc, khúc ca ;
- Văn trong điệu múa ;
- Văn trong pho tượng ;
- Văn trong nghề chạm trổ ;
- Văn trong việc kiến trúc ;
- Văn trong câu thơ, đoạn phú ;
- Văn trong lời ăn tiếng nói.

Người xưa còn nói văn trong lễ-nhạc, xạ ngự thư số,

Và nói đến văn hóa cũng phải nói đến thuần phong mỹ tục nữa.

(1) Đầu-đề bài diễn-thuyết của tác-giả, tại trường Cao-dăng Sư-phạm, 1956.

Hóa. Hóa là gì ?

Người xưa định nghĩa là : tự hữu nhi vô viết hóa = từ chỗ có đi đến không, gọi là hóa.

Nhưng đây chỉ là nửa nghĩa chữ hóa thôi. Đây hóa chỉ là tiêu mất đi, mà chưa hóa thành cái gì. Kỳ thực, chữ hóa gồm có nghĩa tiêu cực và tích cực nữa. Như nói : « Cá gáy hóa rồng » thì cá gáy không còn cá gáy nữa, ấy là nghĩa tiêu cực. Nhưng cá gáy đã hóa thành rồng, ấy là nghĩa tích cực.

Định nghĩa văn hóa, ta nên hiểu đúng nghĩa tích cực hơn tiêu cực.

*Văn-hóa.* Văn-hóa là gì ?

Như đã thấy trên, văn là một danh từ ; hóa là một động từ, và động từ này có nghĩa chủ động và thụ động.

Vậy văn hóa có nghĩa là : a) Dùng văn mà cảm hóa được người, b) Nhờ văn mà mình được cảm hóa.

Cho nên văn-hóa trước là đề tu thân, sau là đề tề gia, trị quốc.

Văn-hóa cũng có lẽ sánh với đạo Đại-học, cốt đề minh đức, tân dân<sup>1</sup> chỉ ư chí thiện.

Hai chữ chí thiện trong sách Đại học ta phải hiểu có ba nghĩa, không phải chí thiện một đức dục mà thôi, mà lại có nghĩa chữ chân 真 về mặt trí dục, lại có nghĩa chữ mỹ 美 về mặt giáo dục nữa.

Có chân mới có thiện, có thiện mới có mỹ.

Có chân, có thiện, có mỹ thì văn hóa mới hoàn bị.

Chúng ta chỉ nên tìm văn-hóa thế ấy thôi.

*Văn-hóa và văn-minh* : Nhà cách mệnh Trung-hoa Lương-khai-Siêu phân biệt văn minh hình thức và văn minh tinh thần.

Tôi tưởng văn minh tinh thần chính là văn-hóa vậy.

Nhiều dân tộc tân tiến chỉ có văn minh hình thức, họ chỉ trọng học thức, hay khoa học thôi. Cho nên nói được chỉ có văn minh mà chưa có văn hóa.

Có nhiều dân tộc xưa, tuy không có văn minh khoa học hay mà có tinh thần đạo đức, thì đã có văn-hóa thật. Hiện nay các văn-hóa xưa hãy còn lại, thì ở Tây Âu có văn-hóa La Hy, ở Á-đông có văn-hóa Phật-giáo và văn-hóa Không-giáo.

Ở đây ta lại phải hiểu văn-hóa không phải là tôn-giáo : ta chỉ chọn văn-hóa nhân loại (trước hết) riêng và chung cho dân tộc Việt-Nam ta. Nếu cần tôn-giáo, ta cần phải chọn lựa kỹ càng hơn nữa.

Vậy, ta phải có đủ cả hai thứ : văn-hóa và khoa-học, theo quan-niệm kể trên.

*Chọn văn-hóa nào* : Văn-hóa Nho-giáo, đã có sẵn, ta đại gì mà gạt bỏ đi. Và chẳng, nó đã góp phần vào việc xây-dựng một nền văn hóa hoàn-toàn Việt-Nam rồi. Ngoài ra văn-hóa nào ở thế-giới, ta cũng nên biết, để lấy những cái hay, cái đẹp mà Việt-hóa đi. Có thể, văn-hóa nước nhà mới phong-phú, dồi-dào, và luôn luôn tiến-triền.

Nho-giáo dạy ta biết thiên đạo chi thường và nhân tính chi cương-cái thường của đạo trời, cái cương của tính người : cái cương thường của thiên lý nhân tâm không phải cái gì cao xa lắm, nhưng không lạc vào lối dị đoan tà thuyết.

Kinh thi dạy tư vô tà.

Kinh thư dạy tinh nhất chấp trung.

Kinh lễ dạy vô bất kính.

Kinh dịch dạy biết nghĩa tùy thời.

Kông-tử dạy trung thứ.

Mạnh-tử thuyết nhân nghĩa.

Đại-học dạy tu, tề, trị, bình.

Trung dung dạy bất thiên bất dịch.

Cái thường của đạo nho không kinh nhân nên lại được cửu trường : cái thường không lạ đời thì được lâu dài từ Nghiê-n-Thuấn Khổng Mạnh truyền cho đến nay, đến vạn thế.

## II. VĂN-HÓA NÀO, VĂN-HỌC NẤY.

*Văn-học. Định-nghĩa.* Bằng đã giữ văn-hóa nho giáo, thì phải giữ văn học của nho giáo nữa.

Trước xin định nghĩa văn-học.

Văn học nghĩa là học văn. Thế thì văn học, khác khoa-học.

Và lại, học văn không phải học từ chương. Cái văn ta học là văn tái đạo, văn phụ nhân nghĩa là cái văn đưa đạo đến, cái văn giúp làm điều nhân.

Từ xưa ta đã có văn học đó.

Bình tĩnh mà xét, muốn cách mệnh chóng thành công thì nên mượn phương pháp khoa học. Nhưng muốn thành công bền vững lâu dài thì phải củng cố nền văn học cổ hữu của nước nhà, cha ông ta còn lưu lại.

Tuy hữu gia hào, bất thực bất tri kỳ chi dã.

Tuy hữu chi đạo, bất học bất tri kỳ thiện dã.

Của ngon có ăn mới biết là ngon. Đạo lành có học mới biết là tốt.

Nhưng nếu các ngài không được nếm mùi ngon lành của nho học, thì xin các ngài xem kết quả của cây văn hóa nước Việt, trong đó có một phần nho-giáo đã biến đổi, đã Việt hóa, và xin trọng, xin quý cái văn học quốc-gia đừng để cho mất đi.

Cái gia sản, cái quốc bảo Việt-nam ta còn có đây, cũng nhờ văn học quốc-gia ấy.

Cái chí quật cường của dân tộc ta cũng nhờ văn học ấy.

Các bậc anh tài lỗi lạc nội giống ta, cũng nhờ văn học ấy nung đúc ra.

Thời gian đã đào thải cái gì mục nát, như phong-kiến, cái gì bất công như chế độ thực, cộng, thì ta càng thấy rõ cuộc cách mệnh của họ Ngô đã chọn lọc để giữ lại cái gì thuần túy của văn hóa xưa và cái gì tinh vi cho văn học nay vậy.

Đây tôi nghe các ngài sẽ nói : Thế là văn học thì phải học quốc văn chứ.

Thưa phải. Quốc văn là căn bản văn học nước nhà, nhưng hán-văn lại rất hữu ích cho quốc-văn.

Không đợi chứng minh nhiều lời. Mở sách quốc văn, ta liền gặp chữ nho khắp đây nơi, hơn chữ la-tinh trong sách Pháp nữa kia. Người Pháp học chữ la-tinh để làm giàu cho tiếng Pháp. Thì ta càng phải học hán văn để bồi-bổ cho quốc-văn.

Nhưng hán văn không chỉ cần cho từ ngữ quốc văn, còn cần về mặt triết lý, luân lý nữa.

Các ngài sẽ nói : Muốn học triết lý luân lý cõ điển thì dịch ra chẳng dễ hơn sao. Bây giờ tứ thư họ dịch đã gần hết, cứ đó mà học cũng được rồi.

Xin trả lời : Phương ngôn Ý có câu : « Tradire : trahire : » Tôi xin dịch : « Dịch giả dịch đã ; Dịch nghĩa là đời ; đời chứ mà lắm khi đời nghĩa nữa 译者易也.



Và có hai cách dịch. Một là như ông Trương-Vĩnh-Ký xưa đã dịch Đại học Trung dung cả âm cả nghĩa mà vẫn giữ chữ nho làm chánh văn, như vậy là cốt để giúp học chữ Hán, thì khỏi sợ tam sao thất bản.

Còn nếu dịch ra tiếng khác mà không có chính hán, văn, thì đầu có âm có nghĩa cũng không sao khỏi sai lạc, nhất là những người học không thâm, hiểu không tường. Đây chỉ nói tứ thư, còn đến ngũ kinh lại càng khó dịch ra bằng bất kỳ thứ sinh ngữ nào khác.

### III. — VĂN-HỌC NÀO, VĂN-TỰ NẤY

*Văn Tự, Định Nghĩa.* Người ta đã định nghĩa chữ ngôn và chữ tự thế này :

Ngôn giả tâm chi thanh ;

Tự giả tâm chi tích ;

« Tiếng nói là thanh âm của lòng ; chữ viết là hình tích của tiếng nói ».

Nhất là chữ nho với sáu cách viết :

- 1) Tượng hình : như chữ nhật nguyệt ;
- 2) Giả tá : như linh với lệnh, trường với trưởng ;
- 3) Chỉ sự : như chữ thượng, chữ hạ ;
- 4) Hội ý : như chữ nhân, chữ tín ;
- 5) Chuyên chú : như chữ khảo và chữ lão ;
- 6) Hải thanh : như chữ từng chữ bá.

Như vậy, đối với chữ Hán, nghĩa lý trong thiên hạ qui về văn tự, và tất cả văn tự trong thiên hạ qui về sáu cách viết.

Vua Phục-hy đã bày ra chữ viết thế ấy để thay thế cách chính-trị thất nút, đáng coi là một ông thánh (theo nghĩa nhà nho).

Xét cách viết thì thấy chữ nho khác chữ La-mã mà các nước Tây-Âu và bây giờ các nước tân tiến đều dùng mà viết.

A và B là chữ mà không có nghĩa, sắp lại Ba còn có nhiều nghĩa để lẫn lộn : ba bốn, hay bốn ba, hay ba hoa, hay bảy ba, khó cho người ngoại quốc.

Còn như người Việt-nam ta dùng văn La-mã mà học chữ nho thì càng lẫn lộn rối ren lắm.

Một tỷ dụ : chữ thiên có nhiều cách viết, có nhiều nghĩa,

Thiên là trời 天,

Thiên là đời 天,

Thiên là ngàn 千,

Thiên là thiên vị 偏,

Thiên là đảng ruộng từ nam qua bắc 阡.

Nếu không thấy chữ, chỉ đọc tiếng, thì có nhà giáo dục có tiếng (tôi xin miễn nói tên) đã viết trong một bài đăng báo France-Annam : người Việt an đất trọng « trời », thay cho « đời » 安土重天 ; còn chích văn là 重遷, (chữ kinh Thư).

Các giáo sĩ người Âu giảng đạo mấy trăm năm bên Tàu đã tìm đủ phương pháp để học chữ nho mau chóng, thì cũng phải chịu học hán văn bằng học hán tự. Cha Couvreur, Cha Wieger đã dịch tứ thư ra tiếng Pháp mà không dám dịch ngũ kinh, vì dịch không nổi. Cha Zottoli đã có công dịch ngũ kinh ra chữ La-tinh gọn gàng hơn, dễ theo thứ tự vị trí câu chữ nho, nhưng các Cha cũng phải giữ chính văn chữ nho bên cạnh thì mới dễ đọc, dễ hiểu, dễ nhớ.

Dễ đọc nhờ hai luật hải thanh và chuyên chú ;

Dễ hiểu nhờ hai luật hội ý và chỉ sự ;

Dễ nhớ nhờ hai luật tượng hình và giả tá.

Và lại trong chữ viết đã chia theo bộ, như thực vật có chừng 16 bộ, động vật có gần 25 bộ,

Thuộc về chữ nhân có đến 30 - 20 - 15 = 65 bộ,

Các dụng cụ chừng hơn . . . . . 30 bộ,

Hết thấy chừng 96 bộ chia theo vật loại.

Thêm các bộ chấm, , , ngang 一, số | , phết / , móc J v.v. tự vị chữ hán gồm có 218 bộ, phần nhiều như cách người Pháp gọi : classifications scientifiques (xem các bộ thực vật, đủ thấy).

Ai có đọc sách thuốc Tàu thì càng thấy cách viết chữ hán có hệ thống khoa-học và càng học càng vui.

Ai có học kinh thi thì biết các câu phong dao rất có ý vị.

Ai có học kinh thư mới thấy cái chính trị đạo đức của các đời Đường, Ngu, Hạ, Thương, Chu.

Ai có học kinh Dịch mới biết rõ nghĩa tùy thời.

Ai có học tứ thư, mới thấy đạo Không Mạnh, trung thứ nhân nghĩa giảng giải rõ ràng minh bạch lắm.

Không tử thường nói :

Bất học lễ vô dĩ lập,

Bất học thi vô dĩ ngôn,

Giả ngã sở niên tốt dĩ học dịch.

Khả dĩ vô đại quá hi.

*Cát khố nên quý* : Các ngài sẽ nói : Học chữ Hán khó quá !

Thì các ngài chịu khó mà học đi đã. Cái khó mà nên quý thì sao lại bỏ đi !

Dục đắc minh châu tu cự hải.

Yêu, cầu mỹ ngọc tất danh sơn, và câu Dương thị Qui sơn khuyên các học giả :

Chỉ bảo tại cao thâm.

Bất dạn cần thâm hà.

Cửa báu như châu ngọc ở chốn cao sâu ; đừng sợ khó học trèo non lặn bể.

Và các ngài cũng biết khi học sinh ngữ có nhiều tật ta phải tránh ; mà các tật ấy tóm lại một chữ nhắc, nghĩa là không muốn chịu khó : (la loi du moindre effort.)

Người xưa cũng vì lười nhắc đọc, hay vì nhiều thầy Tàu dạy đọc mỗi người mỗi khác, nên đã đọc chữ Tàu mà người Tàu không hiểu.

Nhưng cũng may nhờ học chữ viết nên cũng giữ được nghĩa lý không sai.

Mà bây giờ có nhiều chữ đọc theo tiếng ta và hóa nên tiếng ta rồi, thì chỉ học cách viết mà không cần học nghĩa lắm.

Như mấy chữ Đại-học, sinh-viên, Giáo-dục, chương trình, cách-mạng v.v.

Khó ở cách đọc chăng ? — Thì cứ hai luật hài thanh và chuyên chú mà đọc.

Khó ở cách nhớ chăng ? — Thì cứ hai luật tượng hình và giả tá mà nhớ.

Khó ở cách hiểu chăng ? — Thì cứ hai luật hội ý và chỉ sự mà hiểu.

Và nếu biết phân tự loại gồm có những bộ thuộc về mỗi loại thì

sẽ dễ đọc, dễ hiểu, dễ nhớ, mà khó quên ; phương pháp ký ức nhờ bấy nhiêu điều kiện, các thầy giáo đã từng học từng biết vậy.

Tôi xin giới thiệu bộ tứ tự kinh sắp xuất bản như « cổ sự quyền lâm » chia bốn mục ; Thiên, Địa, Nhân, Vật.

Còn về học văn, thì nên học văn cổ điển hơn. Bạch thoại sẽ học sau không khó.

Tôi xin giới thiệu pho tiện huê Hán thư, ba quyển cho lớp đệ thất, gồm có trăm bài trên trăm trang giấy chừng hơn nghìn chữ.

Cho mấy lớp trên xin dùng sử Bắc, sử Nam, cổ văn, Đường thi, mà nhất là tứ thư cho cấp trung học, ngũ kinh cho đại học. Về mục học kinh truyện, cần phải học phải nói nhiều hơn.

Còn văn phạm thì có tập văn pháp tiện lắm tôi đã in xong, 36 trang văn tắt nhưng cũng đủ cho thầy dạy giảng giải mẹo luật chữ Hán theo phương pháp mới của các Cha Dòng Tên (Jésuites) trường đại học Chấn-dương ở Thượng-hải.

Ở đây tôi xin Bộ Giáo-dục khuyến khích cùng cho cô động học Hán tự trong các trường trung học : đặt một ban tu thư cho sách giáo khoa, một ban tu nghiệp cho các thầy dạy Hán văn và quốc văn trong các trường trung học.

Tôi đã học tập gõ đầu tre ở trường tiểu học gần mười năm, ở trung học Thiên-hựu và Tiểu Chung-viện Cửa-tùng cùng Khải-Định liên ba mươi năm, nay Hán tự ở Văn-khoa đại học, tôi không dám nói lời gì tăng bực quá đáng các điều sở đắc từ lúc thơ ấu ở trong gia-đình, muốn đem hết nhiệt thành để phụng sự quốc dân, mong cách mệnh chóng thành công thêm vinh quang cho Tổ-quốc.

Ngu giả thiên lý tất hữu nhất đắc : người đại suy nghĩ nghìn điều, chắc có một điều trúng.





## ĐÓA HOA QUỲNH VỚI MÙA THU

NGUYỄN-CÔNG-HUÂN



Miền Bắc, tiết thu đem lại cho ta hoa cúc.

Nắng hè gay gắt, sang thu cũng dịu theo cùng thời tiết, và hoa Sen thơm đẹp, tiêu biểu cho người quân tử, đến thu, cánh hồng cũng tàn, nhị vàng cũng rữa... *Sen tàn Cúc lại nở hoa...* Nói đến Cúc, ta nhớ đến quê hương tuy gần mà xa, tuy ở đầu rẫy Hoành-Sơn mà phân cách thiên vạn dặm, con sông Bến-hải có là bao, mà lòng ta tưởng như hai thế-giới.

Bao giờ ta trông thấy những vườn Cúc rung-rinh, bông vàng chen hoa trắng và lẫn dưới lá xanh, ở những mảnh vườn nằm trên bờ hồ Lăng-Bạc, nơi thôn quê Quảng-bá, Nhật-tân, Yên-phụ.

Ta vọng tới Cổ-Đô yêu dấu, với những đóa hoa Cúc vàng, trắng, uyển chuyển, có tên đẹp, như Nguyệt-hạ cúc, Lập-biên cúc, Tây-thi cúc, Bồ cúc, Hoàng mao hay Bạch mao. Ta liên tưởng đến các cụ xưa kia, khi ăn dật đã chơi hoa cúc, như Trương-hán-Siêu làm tề tướng đời Trần, khi về hưu, dựng nhà trên núi Non-Nước, trồng vườn cúc, rồi sớm chiều vui thú cùng hoa, cái thú hoa biểu hiệu của lòng trung-chính bất diệt.

Dưới trời Nam, khí hậu nồng nực, hoa cúc đâu có nở tung bừng như nơi đất Bắc ?

Thấy thu đến, muốn tìm cúc cũng khó như tìm lá vàng của mùa thu... Nhưng vắng hồng Hạc, vắng Cỏm Vòng, vắng Cúc, ta còn thấy một thứ hoa nở về tiết thu, dù trong Nam hay ngoài Bắc, ấy là Hoa Quỳnh.

Với sự phân chia đất nước, ta thiếu Cảnh Giao, nhưng ta còn Hoa Quỳnh. Hoa Quỳnh, thứ hoa to và trắng, chỉ nở về đêm, ấy là hoa gì ?

Ấy là hoa của cây Quỳnh. Cây Quỳnh thuộc về loại xương rồng, thân cây đẹp như tàu lá, nên gọi là điệp-thê và khoa học đặt cho tên là *Phyllocactus Phyllanthoides* và *Phyllocactus crenatus*. Cũng như hoa Cúc, hoa Quỳnh xưa kia được các nhà hiền triết Á-Đông coi như tượng trưng của

sự ăn dật, không cần khoe hay, khoe đẹp với đời, nên tìm đêm mà nở, nhưng nở dưới bóng trăng vàng vặc của trời thu. Mà trung thành với Trăng, nên hoa chỉ nở khi trăng mọc, và tàn rũ khi trăng tà ...

Các cụ khi xưa, đến tiết thu, lúc thấy Hoa Quỳnh nở, thường cùng nhau hội họp dưới trăng, rồi này bầu rượu, này túi thơ, xướng họa, lấy sự nở ngậm ngùi của hoa làm «thời khắc biểu» mà làm xong một vần thơ. Thường thường, từ lúc hàm tiếu đến lúc hoa nở độ một giờ, rồi từ lúc nở đến lúc tàn, cũng không quá một giờ. Nở đầu giờ Thân thì đến đầu giờ Dậu hoa đã tàn rồi. Thời khắc quá mau ấy, bắt buộc thi sỹ phải thông cảm nhanh và tìm vần cũng nhanh. Ấy vì cái đặc tính của Hoa Quỳnh chỉ nở về đêm, từ canh, lá, hoa hình dung yếu diệu, cánh hoa trắng như bông. hương thơm ngào ngạt, mà biết bao thi sỹ Đông-Phương đã lưu tâm đến cây cảnh nên thơ kia, và cứ đến trung thu, dưới trăng trắng bạc của tháng tám, khi hoa Quỳnh hàm tiếu, thì lòng thi-nhân lại rung-động cảm-hoài.

Nói chuyện hoa Quỳnh gặp dịp tiết thu miền Nam nước Việt làm tôi nhớ đến bài thơ vịnh hoa Quỳnh của Tiểu-Hoa-Nhân đã đọc cho Tân-Đà nghe, khi lang du tỉnh Sơn-Tây :

*Thu tới trăm hoa đã nhạt màu,  
Hoa này hơn-hở đón chào Ngâu.  
Hương trời trải gió còn thơm nức,  
Sắc nước dầm mưa vẫn trắng phau.  
Lần bóng kìm ô khi nắng hạ,  
Chờ vầng ngọc tỏ lúc canh thâu.  
Hỡi ai tri-kỷ cùng hoa đó,  
Có đợi Hằng-nga lại trước lầu ?*

### Kỷ-niệm Trần-Hưng-Đạo

*Đông-A là mặt onh-hùng,  
Đức Trần-Hưng-Đạo oai-phong tuyệt vời.  
Đánh Nguyên mấy trận lợi-bời.  
Một đời danh-tướng, muôn đời ân-nhân.  
Năm năm, kỷ-niệm đến Trần,  
Hai mươi tháng tám, muôn dân một lòng.  
Khi thiêng còn ở non sông,  
Cửa Hàm-Tử quyết không dong giặc Hồ.  
Xâm-lăng ai kẻ mưu đồ,  
Bạch-Đằng sông đó, nọ mồ sạt-lang.*

TU-TÀI TẾ-XUYỀN

# CHU-MẠNH-TRINH

một nhà văn phong-nhã (1862-1905)

của VÂN-CƯƠNG

**C**HU-MẠNH-TRINH là một trong những thi-sĩ cận-đại, có thể tiêu-biểu được sự phong-nhã của nhà Nho. Tinh-tình tư-tưởng của ông làm ta liên-tưởng đến hường-lạc chủ-nghĩa của Hy-Lạp, đến phát lãng-mạn của nước Pháp, hoặc đến quan-niệm tình-cảm của Đỗ-Mục đời Đường. Lời thơ của ông, không những có một giá-trị văn-chương đặc-sắc, mà còn là một tài-liệu quý giá, để ta nhận-định một trạng-thái tinh-thần.

o°o

Chu-mạnh-Trinh, tự là Cán-thần, hiệu là Trúc-vân, đã sinh năm Nhâm-tuất, niên-hiệu Tự-Đức thứ XV (1862), tại làng Phú-thị, phủ Khoái-châu, tỉnh Hưng-Yên, Bắc-Việt. Thân-phụ ông là Chu-duy-Tĩnh, thi đỗ cử-nhân, và làm quan đến Ngự-sử. Thuở nhỏ, ông theo học nghiêm-thần, rồi đến tập văn bài ở nhà cụ Phạm-hy-Lương, mà sau này, ông đã là tế-tử.

Năm Canh-thìn, niên-hiệu Tự-Đức (1880), ông thi hương đậu Tú-tài, năm Bính-tuất, niên-hiệu Đồng-Khánh (1886), ông đỗ Giải-Nguyên; và năm Nhâm-thìn, niên-hiệu Thành-Thái (1892), ông thi hội trúng cách, vào thi đình, đỗ Đệ-tam-giáp Tiến-sĩ.

Năm sau, tức năm 31 tuổi, ông được bổ Tri-phủ Lý-nhân (Hà-nam). Nhậm chức mới được mấy tháng, gặp tang phụ-thần, ông về đình-gian. Hết hạn, ông thăng Á-sát sứ tỉnh Hưng-Yên, rồi sau đã qua làm Á-sát các tỉnh Hà-nam, Bắc-ninh và Thái-nguyên.

Năm Thành-Thái thứ XV (1903), ông đã cáo quan về nghỉ ở quê hương. Năm 1905, ông đã mắc bệnh mã-đao, phải trích mỗ, rồi vì thế mà

mất, thọ 44 tuổi; nên nhiều nhà Nho tin rằng: ông đã dự-cảm phút lâm-chung ấy, trong câu thơ: « Phong trần liêu với lưới dao con » (1).

I.—**Thơ nôm**: Cũng như các bậc nhà Nho thuở trước, ông chỉ làm thơ nôm, trong những trường-hợp đặc-biệt cảm-hứng; vì thời đó, ít ai đã nghĩ đến việc tra-u-giải quốc-văn. Song, một sự tình cờ đã làm cho ông soạn tập « Vịnh Kiều », để lưu lại cho đời sau, những vần thơ bất-hủ, vừa nhẹ-nhàng, thánh-thót, vừa thanh-cao, ý-nghị. Có lẽ đó là tập thơ vịnh Kiều, hay nhất từ trước đến giờ.

Nguyên ông Lê-Hoan, lúc bấy giờ là tuần-phủ Hưng-Yên, muốn thiết-lập một cuộc ngâm-vịnh, như những nhà hào-hoan bên Trung-quốc. Các sĩ-phu tham-dự, đều chiếu theo hai chiều nhà hào-hoan bên Trung-quốc. Các sĩ-phu tham-dự, đều chiếu theo hai mươi hồi trong quyển Thanh-tâm tài-nhân bằng chữ Hán, mỗi hồi vịnh một bài thơ, hoặc bằng chữ Nho, hoặc bằng chữ nôm, ai làm cả hai thứ cũng được. Mỗi bài phải phù-hợp với hai câu mào đầu trong hồi. Trên đầu mỗi tập thơ vịnh, sẽ có một bài tựa theo lối văn tứ lục, và một bài thơ đề-từ.

Ban khảo-đuyệt, định hơn kém, gồm có cụ Tam-nguyên Yên-dồ Nguyễn-Khuyến, và cụ Văn-Đình Dương-Lâm.

Kết-quả, Chu Mạnh-Trinh được quán quân về tập thơ nôm, và Châu Thấp-Hy, một vị cử-nhân lỗi-lạc, làng Đào-xá, phủ Khoái-châu, được quán quân về tập thơ Hán. Riêng bài thơ đề-từ của Chu-Mạnh-Trinh, hiện nay không còn bút-tích gì.

Ngoài ra, ông đã soạn một bài ca, vịnh cảnh Hương-sơn, — một áng văn tuyệt-bút; nhưng đó cũng lại do một sự ngẫu-nhiên mà có. Thật vậy, sau khi cáo quan về nghỉ, ông đã bầu rượu túi thơ, đi khắp đó đây, để ngắm xem những thắng cảnh của non sông đất nước. Ông đã cảm-súc trước vẻ đẹp của Hương-sơn, — tức là núi Hương-tích thuộc phủ Mỹ-Đức,

(1) Câu này vốn ở trong bài thơ vịnh Kiều, khi Kiều-nhi có ý quyên sinh:

*Sa chân trôi đã xuống thuyền buồn,  
Cả giận thôi thôi phải hết khôn.  
Non nước chắc gì lời ước cũ,  
Phong trần liêu với lưới dao con.  
Hoa lay dưới trướng hồn man-mác,  
Gió thổi bên tai tiếng ngọt ngon.  
Cho biết tay già là tở bợn,  
Dù ai bóp bẹp cũng vo tròn.*



tình Hà-dông, Bắc-Việt, — nên đã cùng các nhà từ-thiện, đứng lên trùng-tu chùa Thiên-trù ở đó, và theo kiểu-mẫu chính do tay ông phác-họa. Nhân dịp này, ông đã đối cảnh sinh tình làm ra bài vừa kể.

Thấy vậy, ta không khỏi ngậm-ngùi luyện-tiết, mà tự-như : nếu không có cuộc ngậm vịnh ở chốn Nguyệt-hồ, lại không có cuộc du ngoạn nơi sơn-cước, thì có lẽ ngay các văn thơ vịnh Kiều, và bài ca Hương-sơn cũng không có ; văn-học sử-nước nhà đã thiệt cả mấy áng văn tuyệt-tác. Và chẳng, giá Chu Mạnh-Trình không mất sớm, thì biết đâu ngọn bút tài-tình kia lại chẳng có nhiều dịp khác, để dệt gấm thêu hoa.

Trước tình-trạng ấy, kẻ trí-thức ngày nay lại càng tự thấy phải trau giồi quốc-văn, và bồi-bồi nền quốc-học, để bồi-cứu những khuyết-diểm do thành kiến đã gây nên, thành-kiến coi thường cả tiếng mẹ đẻ.

II.— **Tính-tình phong-nhã** : Chu Mạnh-Trình là một khách phong lưu giàu tình cảm, đã suốt đời say mê những vẻ đẹp của trần-gian. Dù tinh thông Nho-giáo, Phật-giáo và Lão-giáo, ông vẫn không thể đóng vai quân-tử, để an bản lạc đạo, hoặc rút hết tình duyên, coi trò đời là bề khô, hoặc tự đặt mình ra ngoài tạo-vật, mà hưởng cái thú thiên-nhiên,

« Cái thân ngoại-vật là tiên trên đời ».

Không, ông chỉ là một khách tài-hoa, một tâm-hồn nghệ-sĩ, muốn tận-hưởng những kỳ-thanh diễm-sắc nơi trần-thế. Cầm kỳ thi họa, cái gì ông cũng sành, cũng giỏi.

Vốn là giống đa tình, ông rất phải rung-dộng trước những cảnh-ngộ éo-le của nàng Kiều, một giai-nhân đa sầu đa cảm. Sự ngẫu-nhiên đã chẳng mù-quáng, khi đưa ông tới Tao-dàn bên hồ Bán-nguyệt. Ta hãy đọc mấy đoạn trong bản dịch Bài tựa truyện Kiều, là đủ rõ :

*Bàn cho thực phải, tình cũng nên thương.*

*Lạt xem như bút mực tài hoa, đoạn trường mười khúc, trúc tờ phong nhã, hồ cầm một trượng, cầu thần vắng giọng tiêu-táo, bóng ngọc tường chừng nảo-nuột ; hoa ghen thua thắm liễu hờn kém xanh. Váy nên khách chung-tình say chuyện phong-lưu, trăm năm cũ còn ghi tên tuổi hão. Người chép sách tiếc vì tài sắc, nghìn thu sau còn nhặt phấn hương thừa.*

*Than ôi ! một bước phong trần, mấy phen chìm nổi ; trời tình mù-mịt, bề giận mênh-mông. Sợi tơ mảnh theo gió đưa đi, cánh hoa rụng chọn*

*gi đất sạch. Ai dư nước mắt, khóc người đời xưa. Thẽ mà giống đa tình lưỡng những sầu chung, giọt lệ tâm-dương chan-chứa, lòng cảm cứa ai xui thương muốn, nghe câu Ngọc thụ nảo-nùng. Cho hay danh-sĩ giai-nhân, cùng một kiếp hoa nghiêm nặng nợ ; ngán nỗi non xanh đất đỏ, đề riêng ai lưu-lạc đau lòng. Ta cũng nói trich, thương người đồng điệu. Cái kiếp không hoa làm-cầm, con hồn xuân mộng bóng-không...*

*Bây giờ kẻ còn dài chưa hết, hạt ba tiêu như thánh-thốt mưa thu...*  
(theo bản dịch của Đoàn-Quỳ)

Phải chăng vì vậy, mà các bài vịnh Kiều hay nhất, vẫn là các bài mô-tả hay thương-tiết những vẻ tươi sắc đẹp. Đây là lúc Kiều mới gặp chàng Kim, giữa cảnh xuân man-mác :

*Mùa xuân ai khéo vẽ nên tranh,  
Nở-nức đua nhau hội Đạp-thanh.  
Phận bạc ngậm-ngùi người chín tuổi,  
Duyên may đun-dù khách ba sinh.  
Dãy hoa nép mặt gương lồng bóng,  
Ngàn liễu giơng cương sóng gợn tình.  
Man-mác vì ai thêm ngán nỗi,  
Đường về chiêng đã gác chênh chênh.*

Duyên ví với phận, ba sinh đối với chín tuổi, đã là tài-tình. Nhưng hai câu luận mới thật là kỳ diệu ; nó tạo thành một bức hoạt-họa vô cùng diễm-lệ : một bên, là các cánh liễu, hầu như ăn nhip với cương ngựa, mà lá-lướt theo chiều gió, không khác gì những gợn sóng tình..

Rồi, khi Kiều bị Sở-Khanh lừa dối, thì :

*Những nghĩ chim lồng chấp cánh bay,  
Họa khi vận rủi có hồi may.  
Làng nho người cũng coi ra vẻ,  
Bọn xô ai ngờ mắc phải tay.  
Hai chữ tin nhàn trao gác nguyệt,  
Một roi vó kỷ tặc đường mây.  
Mẫu-đơn vùi-dập cơn mưa gió,  
Cát nợ yên hĩa khéo đọa-đầy.*

Trong bài này, các câu thăm-thía nhất là câu đầu với hai câu kết, bọc bạch nổi trác-ân đối với Kiều-nhi :

*Những nghĩ chim lông chấp cánh bay...*

*Mẫu-đơn vùi dập cơn mưa gió,  
Cát nọ yên-hoa khéo đọa-đầy.*

Ta cũng nên nhớ rằng : Tam-Nguyên Yên-Đồ đã chế mấy vần kệ trên, về một tiêu-tiểu, mà phê rằng :

*Rằng hay thì thật là hay,  
Nho đối với xò, lão này không ra.*

Tới khi Từ Hải đã sa cơ, thời nhà thi-sĩ cũng nhắc nhớ tới nàng Kiều, bằng những lời vô cùng cảm-kích :

*Sao bỗng đem thân bỏ chốn-trường ?  
Ba quân xao-xác ngọn cờ hàng.  
Sá chi bèo bọt trôi, vì nước,  
Thẹn với non sông thiếp phụ chàng,  
Cung oán ni-non đàn bạc-mệnh,  
Duyên may dun-dứt lưới Tiền-đường.  
Mười lăm năm ấy người trong mộng,  
Chàng những là đày mới đoạn-trường,*

Trước động Hương-tích, những lời ca hay nhất của Chu-Mạnh-Trinh cũng là những lời phác-họa cảnh đẹp, màu tươi :

*Đá ngủ sắc long-lanh như gấm dệt.  
Thăm-thẳm một hang lồng bóng nguyệt,  
Gập-gheñh mấy lối uốn thang mây...*

Ông còn soạn một bài lục bát, nhan-đề là : «Hương-Sơn Hành-trình », trong đó, những vần điệu-luyện đều là những nét bút của nhà nghệ-sĩ :

*Thuyền lan chèo quẻ khoan bơi,  
Kìa Ngưu-cốc đó là nơi hữu tình.*

*Khác chi Lãng-uyên Bồng-hồ,  
Vui chung tám cõi, bốn mùa xuân riêng.*

*Nghìn xưa âu cũng thế này,  
Trần tiên nửa bước, chia tay ngại-ngùng.*

III.— Những phút đào-thoát ; Cũng có lúc, tính hiên-ngang và chí tang-bồng đã nổi dậy trong tâm-hồn, khiến ông nghĩ tới cuộc đời phóng-khoáng, tự-do, ngoài vòng lễ-nghĩ phong-kiến, nên ông đã viết :

« Giá thử...quan lại công bằng, án viên-ngoại tử ngay tình oan-«  
« ường, thì chắc rằng biên-thùy một cõi nghênh-ngang, ai xui được  
« anh-hùng cỡi giáp (theo bản dịch của Đoàn-Quỳ).  
học :

« Sao bỗng đem thân bỏ chốn-trường ?

« Ba quân xao-xác ngọn cờ hàng...

Ta thấy ông đã gián-tiếp khen-ngợi chí ngang-tàng của Từ-Hải, và tiếc thay cho kẻ anh-hùng... Nhưng, tính quật-cường ấy chỉ thoáng qua, để rồi lại biến ngay giữa những sự say-mê về cảnh-sắc.

Đối với Phật-giáo cũng vậy, ông đã có những giờ phút nghĩ tới đạo từ-bi hỷ-sả, song vẫn không thể sao thoát tục. Vẫn biết khi vịnh Kiều, thì tất phải đứng vào địa-vị nàng Kiều ; nhưng qua các đồng, ta không khỏi thấy tính-tình tác-giả :

*Nhật-nhèo mùi thuyền bữa muối rau,  
Chường rền, mớ gổ, lại thêm sầu.*

học :

*Câu kinh bối điệp câu thơ họa,  
Giọt nước đọng chi giọt lệ pha.*

Đó đều là những chi-tiểu, ông đã thêu-dệt ra, chứ không hề thấy trong truyện Kiều.

Hơn nữa, tâm-trạng của ông đã bộc-lộ rõ-rệt, trong bài ca vịnh Hương-sơn :

*Bầu trời cánh bụi,  
Thú Hương-sơn, ao-ước bấy lâu nay.  
Kìa non non, nước nước, mây mây,  
Đệ nhất động là đây có phải ?  
Thỏ-thê rừng mai chim cúng trái.  
Lũng-lở khe Yên cá nghe kinh.  
Thoảng bên tai một tiếng chày kinh,  
Khách tang-hải giặt mình trong giấc mộng.  
Này suối Giải-oan, này chùa Cửa-ông,  
Này am Phật-tích, này động Tuyết-quỳnh.  
Nhác trông lên ai khéo họa-hình,  
Đá ngủ sắc long-lanh, như gấm dệt.  
Thăm-thẳm một hang lồng bóng nguyệt,*



Gập-gheñh mấu lới uốn thàng mây.

Chùng giang-sơn còn đợi ai đây,

Hay tạo-hóa khéo ra tay xếp đặt ?

Lần tràng hạt niệm Nam-mô-phật,

Cửa từ bị công-đức biết bao.

Càng trông phong-cảnh, càng yêu.

Trong cả đoạn đầu (10 câu), tác-giả đều nói về đạo Phật. Nào chim cúng trái, cá nghe kinh, nào khách tang-hải giết mình trong giấc mộng, nào sư ở Giải-Oan, nào am Phật-tích, không một ý nào là không hướng về tôn-giáo, xa hẳn đời gió bụi. Thế mà, chỉ nhắc trông lên, đã đủ làm cho thi-nhân trở lại chốn trần-ai tục-lụy. Tác-giả lại thấy tha-thiết đến cảnh-giới hữu-tình, lại nghĩ tới gấm dệt, tới bóng nguyệt lồng hang, tới thàng mây uốn khúc, rồi kết thúc bằng một câu yêu-dương cảnh thế-gian, thật không có gì là trừ tà diệt dục :

Càng trông phong-cảnh, càng yêu.

Đối với thời-cực, ông cũng có giọng mỉa-mai, gay-gắt, hay tiêu-tao. Ta hãy đọc câu :

Tình trong uy phép chẳng qua tiền.

hoặc :

Minh-thịnh nay mừng đời thánh-đế, (!)

Nào phường gát hiếu với quan liêm ?

Phải chăng, ông đã từng nhỏ lệ, vì cảnh non sông, cũng như nàng Kiều đã thương người tri-ký :

Nước non nghìn dặm đôi hàng lệ,

Tâm sự năm canh một bóng đèn.

Tuy-nhiên, những phút se lòng ấy chỉ thoáng qua, để rồi lại nhường chỗ cho các ảnh-hưởng bên ngoài. Chỉ hiên-ngang, mới từ-tâm hay nổi ưu thời mãn thế, chỉ hiện ra trong chốc-lát, để lại tiêu tan sau bóng thi-nhân phong-nhã. Phương-ngôn Âu Tây đã chẳng có câu : « Dù đuổi tính thiên-nhiên đi, nó lại vội-vàng trở lại » Chu-Mạnh-Trình chỉ là một khách tài-hoa, nhưng đã góp vào kho-tàng văn-ngệ, những vần thơ bất-hủ. Ta không nên và không thể, bắt một nghệ-sĩ như ông, làm các việc ngoài sở-trường ấy nữa.

o°o

Thơ nôm Chu-mạnh-Trình thật đáng lưu-truyền muôn thuở, vì nó vừa có giá-trị văn-chương, vừa đánh dấu một thời-kỳ văn-học sử.



# KHO VÀNG BÍ MẬT

TẠI VIỆT-NAM

(tiếp theo V. H. N. S. số 14)

NGUYỄN-CÔNG-HUÂN

CHƯƠNG THỨ MƯỜI MỘT

Phen này rất đổi hân hoan,

Chùa rách tượng vàng, vàng lồng, đầy chum.



trốn rừng xanh núi đỏ, cứ đi, đi mãi, khát cầm hơi nước suối, đói lót dạ quả rừng, ngày len-lỏi kẻ đá gốc cây, đêm ngủ đổ trên cành cao tít.

Một hôm, Học đang ngồi nghỉ bóng thây trong rừng thâm tịch-mịch âm-u, có tiếng đá lăn cây gãy. Học tự nhủ ! thôi lại voi rồi ! Ta trốn trên ngọn cây... Quả nhiên, một đàn voi đi qua, đếm tất cả có đến một trăm con, đủ các hạng, nhón bé già trẻ. Có điều lạ, là ở giữa đàn có một con voi to, mình mốc trắng, ngà dài, được nhiều con khác sát mình vào nhau để đỡ cho đi, khác nào như người ta khênh một bệnh-nhân. Có lẽ là đấm ma voi : Học cứ truyền ngọn cây nọ sang cây kia, để theo dõi. Theo mãi-hại ba ngày, mới đến một khu rừng vô cùng hiem trở, chắc xưa nay chưa có vết chân người. Phải chăng đây là nghĩa địa của voi ? Khi đến nơi, con voi đã chết được đề lên một tảng đá, rồi lú voi sống quỳ chung quanh, gục đầu cắm ngà xuống đất. Mấy con lấy ngà đào một hố to, khi đã xong, thì lấy đầu đẩy xác chết xuống, rồi dùng đất, đá lấp đi. Lú voi chôn xong bạn, đi chung quanh mộ thành hàng chữ nhất, chẳng khác các già chạy đàn, quanh nhiều lần rồi mới từ giã nghĩa-trang, trở về lối cũ.

Đoàn voi đi khỏi, Lương-Học trèo xuống, tò mò đi thăm mộ voi. Học lấy làm mừng rỡ trong nghĩa-địa, có tới hàng nghìn mộ : Thật là một kho ngà voi chưa từng thấy bao giờ. Trước khi rời khỏi chốn này, Lương Học đã tìm cây cỏ thụ để đánh dấu. Cây ấy mọc ngay ở giữa nghĩa-địa, gốc to, bước vòng quanh được hơn ba chục bước, cao độ sáu mươi trượng, cành lá xanh tươi ; cây ấy thuộc về loại vạn niên tùng. Học không quên lấy đá khắc tên mình vào cây, và hai chữ « Hài tượng ».

Ra khỏi nghĩa-địa. Học cứ theo đường voi tiến xuống phương Nam. Một ngày, hai ngày, chỉ toàn rừng cùng núi. Học đã thấy nản lòng. May thay đến chiều ngày thứ ba, chợt thấy có lối người đi, rồi đến nhà người Kinh và Thổ, Mán. Học vào trọ một nhà Kinh : chủ nhà là một cụ già đầu bạc, da mồi, ở với một chú tiểu đồng. Lúc nào cũng thân nhiên, cụ già tiếp Học rất niềm nở. Học cung kính kể cho chủ nhà biết là mình đi lạc đường. Cụ già thấy Học là người có lễ độ, cho ăn uống tử tế và giữ ở lại nghỉ cho khỏi mệt.

Hôm sau, lại sức, Học cùng cụ già đi dạo xem phong cảnh : nào là sông Lạc-Thủy, nào là núi Chí-Lê, nào là Khe Cá, nào là Đồi Chùa...

Nghe cụ già kể tên sông núi, Lương-Học rất mình, nghĩ ngay đến bản đồ « Kho Vàng bí mật ». Học lần-la hỏi khéo cụ già : Sao đời Chùa mà lại không có Chùa ?

Cụ già đáp : Trước kia vẫn có, nhưng từ khi quân gian lấy hết vàng trong bụng tượng, chùa hết thiêng, không ai lễ bái, nên dần dần đổ nát.

Liên-tưởng đến bản đồ của Trọng-Tài trên mảnh bạc, Học nói : Xin cụ cho cháu nghe chuyện lấy vàng vừa kể.

Tim một hòn đá phẳng, dưới gốc cây, hai người ngồi nghỉ chân, đoạn cụ già gật gù đọc câu thơ truyền tụng sau đây, rồi bắt đầu kể :

... *Lơ thơ Chùa rách bên đường,*

*At ngờ lại có tượng vàng ở trong ?*

« Tại miền Nam Trung-Việt, thuộc vùng Phan-Rang Phan-Rí, có nhiều tháp cổ thường gọi là « tháp Chàm », khiến khách du lịch do tính tò-mò khảo cổ phải đề ý. Những tháp ấy rải-rác trên các đỉnh đồi do người Hời tức Chiêm-Thành xây dựng từ xưa ; đây thực là những di-tích của nền văn-minh Chiêm-Thành cũ. Người ta bảo, cũng như có sách chép rằng : trong tháp Hời ngày xưa, có thờ tượng bằng vàng thật. Nay chắc những tượng quý giá ấy không còn ngồi yên sau bao nhiêu cuộc hưng vong biến cải. Bây giờ chỉ còn tro tro tháp không, với những khối đất nung, tượng hình cái tài điêu-khắc và kỳ-công kiến-trúc của một dân-tộc đã từng có một thời-kỳ oanh-liệt.

Tháp có cái to, cái nhỏ, ít cái còn nguyên vẹn, nhiều cái đã bị bàn tay tàn-nhãn của người hay là thời-gian hủy hoại, nên đã biến thành những khối hoang-tàn.

Trong các đồng gạch đồ nát ấy, còn có nhiều thứ giá trị về phương diện khảo cổ, như chữ viết vào gạch, như hình người, hình vật đồ khuôn vào đất nung, như tượng thần, tượng phật.

Ở vùng này trước kia, có người quê-quán Châu Lạc-Thủy, tên là gì không ai nhớ, vào buôn bán ở vùng Chiêm-Thành, đã bắt được một pho tượng cổ bằng đất nung, to bằng quả dưa hấu. Người ấy đã cung kính gửi tượng về quê, đem cúng vào chùa ở nơi đây.

Chùa làm rất sơ sài, cột gỗ lợp tranh, dựng trên một quả đồi thông, cạnh con đường cái. Am thanh cảnh vắng, chỉ có ngày tuần tức là ngày rằm mồng một, sư chùa làng bên cạnh sang tụng kinh niệm phật, còn những ngày khác thì vắng tanh.

Hôm ấy là rằm tháng giêng, có hai người khách thập phương vắng cảnh, một người đàn ông và một người đàn bà đúng tuổi. Lễ phật quanh năm không bằng ngày rằm tháng giêng. Hai người lạ mặt hết lễ ngoài rồi lại lễ trong vọng cung, la-cà đến lúc mặt trời xế mà chưa xong.

Nhà sư, theo lệ thường, tụng kinh xong thì về chùa làng bên, cách đây độ một thoi đường, chú tiểu sau khi thỉnh chuông chiều, cũng xách khăn gói bọc mấy quyển kinh, leo đèo theo thầy về. Khi sư và tiểu đã đi xa, người đàn ông và người đàn bà khi nãy, có lẽ lánh ở khu rừng gần đây, lại trở về chùa.

Thế là ở đây chỉ có hai người, tự tiện đốt đèn, thắp hương, cúng cúng vái vái.

Nhưng, thực ra, hai người đang thăm dò các tượng phật. Chị đàn bà sát mặt vào cửa, lắng tai, đứng canh. Anh đàn ông tay cầm khoan khoét rỗng các pho tượng uy nghi ngồi trên tam bảo. Tượng gỗ đều bị khoét thủng rỗng. Cứ khoan xong rỗng tượng, thì người đàn ông lại thò ngón tay moi vàng yếm tâm ra. Số vàng ở rỗng 10 pho tượng chẳng được là bao, độ non một đồng cân. Trong chùa chỉ còn lại một pho tượng nữa là quân gian không thể nào khoét rỗng được vì dẫn quá, mũi khoan chùn lại, chứ không ăn sâu vào được tí nào. Ấy là pho tượng đất nung, đào được ở gần tháp Chàm và được cung tiến vào chùa năm xưa.

Người đàn ông khẽ gọi người đàn bà vào bảo trèo lên bệ. Hai người hi hục khiêng pho tượng quặng mạnh xuống đất. Tượng va vào hòn đá kê chân cột, vỡ làm đôi, mỗi mảnh lăn ra một nơi. Đoạn, họ lấy búa đập những hòn gạch vuông vẫn xây ở mặt bệ, dưới chỗ đặt các pho tượng. Họ lật từng hòn một, tìm bới kỹ càng, xong chẳng được gì. Chân nân-hai người xuống phải tay, thu xếp khoan búa, sửa soạn ra về.

(Còn nữa)





# MÙA THU TRONG THI CA

của QUỖNH-LÂM

**M**ỖI năm, thu về đem trăng gió về theo, và đồng thời, kêu-gọi trong ký-ức ta biết bao lời thơ điệu nhạc.

Thật thế, có mấy ai là thi-sĩ, dù ở Tây-Phương hay Đông-Phương mà không có đắm ba bài thơ về trời thu, gió thu, mưa thu, và nhất là trăng thu.

Rồi tùy ngoại-cảnh và tâm-trạng của cá-nhân, họ đề cán bút buông theo sự rung cảm của tâm-hồn, gây nên những khúc nhạc réo-rắt, du-dương, đượm vẻ bàng-khuàng thương-tiếc, hoặc say-dắm mơ-màng, hoặc chứa-chan hy-vọng.

## A — MÙA THU TRONG THI CA ẬU-MỸ

Ái đọc thi-văn Pháp, đã từng thấy xao-xuyến khi ngâm bài Thu-khúc giàu nhạc-diệu của thi-sĩ Verlaine :

### Chanson d'Automne

- Les sanglots longs  
Des violons  
De l'automne  
Blessent mon cœur  
D'une langueur  
Monotone.
- Tout suffocant  
Et blême quand  
Sonne l'heure,  
Je me souviens  
Des jours anciens  
Et je pleure.
- Et je m'en vais  
Au vent mauvais,  
Qui m'emporte  
De-ci de-là,  
Parci à là  
Feuille morte.

Cách-Chỉ trong bản dịch sau đây, đã cố đi sát nghĩa, nhưng chưa tả được hết nhạc-diệu :

### Thu-khúc (điệu cò-phong)

- Đàn thu thôn-thức dài,  
Hiu-hắt giọng ai-hoài.  
Lòng ta đau tê-tái,  
Lửng-lơ sầu đầy vơi.
- Bỗng nghe đồng hồ diêm,  
Mặt mày ngáy-ngất say.  
Ta nhớ những ngày cũ,  
Rồi sa lệ trau mày.
- Thôi ta chân cứ bước,  
Mặc gió lốc cuốn bay.  
Nay đây rồi mai đó,  
Như chiếc lá lia cây.

Đối với trăng thu, thi-sĩ Ậu-Mỹ tùy trí tưởng-tượng, đã tả nên những hình-ảnh tượng-trung khác nhau. Nhà thi-hào Victor Hugo lúc thời ví trăng như « chiếc lướt liềm bằng vàng trong cánh đồng sao (1), lúc thì coi « trăng sòe cánh quạt bạc trên mặt nước long-lanh. » (2)

Văn hào Chateaubriand lại tả trăng là « con mắt của đêm trường bao phủ trong tấm màn sương ngân-khí » (3)

Còn văn-hào Goethe nước Đức lại ca-tụng trăng như « con mắt dịu-dàng của người bạn quý » (4)

Thi-sĩ Mỹ Washington Irving, mơ-mộng hơn, lại bảo, « Trăng đương ngủ lịm-lịm », nên mới viết :

« Trăng lịm-lịm buồn ngủ đó ư ? Có hề chi đâu !  
Các ngôi sao của đêm trường.  
Sẽ cho em mượn ánh sáng... » (5)

- (1) Cette faucille d'or dans le champ des étoiles.
- (2) La lune ouvre dans l'onde son éventail d'argent.
- (3) L'œil de la nuit est enveloppé d'une vapeur comme d'une résine d'argent.
- (4) Über mein Geschick,
- (5) What though the moon does Slumber ?  
The stars of the night.  
Will lend thee their light,

Thi-sĩ Pháp Lamartine, mơ theo lối khác, có lúc coi trăng như « cái đĩa bạc » (un disque argenté), có lúc tả trăng như « chiếc đèn vàng » :

Comme une lampe d'or dans l'azur suspendue,

La lune se balance au bord de l'horizon.

(Trăng lơ-lửng gần chốn chân trời, khác nào chiếc đèn vàng trên bầu trời lơng-lẫy).

Leconte de Lisle, một thi-sĩ Pháp, cũng cho trăng giống như chiếc đèn, song đượm vẻ hiu-hắt thê-lương :

Seule, la lune pâle, en éclairant la nue,

Comme une morne lampe, oscillait tristement...

(Trăng mờ soi cung mây, có vẻ hắt-hiu buồn tẻ như ngọn đèn leo-lắt)

Trên đây là vài nét chấm phá về cảnh mùa thu dưới ngọn bút của một số thi-nhân Âu-Mỹ.

#### B — MÙA THU TRONG THI-CA Á-ĐÔNG

Đề tiện dịp so-sánh, xin lược-thuật dưới đây cách diễn-tả và cảm-tưởng về mùa thu của ít nhiều thi-sĩ Á-đông.

Đối với họ, phần nhiều mùa thu đượm vẻ buồn man-mác do cảnh-vật và nhất là do tình-cảm, tạo nên. Thực thế, bạn làng thơ thường đem tình-cảm riêng của mình mà gửi vào cảnh-vật chung quanh, đúng như câu thơ trong truyện Kiều :

« Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ ? »

hay câu ca-dao thường vang dội trong đám bình-dân :

*Khi vui non nước cũng vui,*

*Khi buồn sáo thổi kèn đời cũng buồn.*

Bởi vậy, Đỗ-Phủ, vị thi-thánh đời Đường, đã từng thảo 8 bài thơ « Thu-hứng », được hậu-thế truyền-tụng, khen là tuyệt-bút, nay xin trích một bài sau đây :

Ngọc-lộ điêu thương phong thụ lâm,

Vu-son Vu-giáp khí tiêu sâm.

Giang-gian ba-lãng kiêm thiên đứng,

Tái-thượng phong-vân tiếp địa-âm.

Tùng-cúc lưỡng khai tha nhật-lệ,  
Cô-chu nhất hệ cố viên-tâm.  
Hàn-y xứ xứ thổi dao xích,  
Bạch-đế thành cao cấp mộ-châm.

#### BÀI DỊCH

Lác-dác rừng phong hạt móc sa,  
Ngàn lau hiu-hắt khi thu mờ.  
Lưng trời sóng gợn lòng sông thẳm,  
Mặt đất mây đùn cửa ải xa.  
Khóm cúc thêm tuôn dòng lệ cũ,  
Con thuyền buộc chặt mối tình già.  
Lạnh-lùng giục kẻ tay đao thước,  
Thành quạnh gần xa bóng ác tà.

(Trương-truyền là Phan-huy-Vịnh dịch)

Trăng, gió và mưa thu đều là những nguồn thi-hứng dồi-dào, dễ làm cho thi-nhân nhớ nhà, nhớ nước, nhớ cố-nhân, lòng những bùi-ngùi... Ta thử đọc mấy bài sau đây của mấy nhà thi-sĩ Trung-Hoa sẽ rõ :

#### Lục - thủy khúc

Lục-thủy minh thu-nguyệt,  
Nam-hồ thái bạch-tần.  
Hà-hoa kiều dục ngữ,  
Sầu sát đáng chu-nhân.

Lý-thái-Bạch

#### BÀI DỊCH

##### Khúc hát nước trong

Nước trong rọi bóng trăng thu,  
Bạch-tần hoa nõ, Nam-hồ hát chơi.  
Hoa sen nhường muốn nói cười,  
Chơi thuyền khách lại ngâm-ngùi tình riêng.

Trần-trọng-Kim dịch.

##### Thu-đạ cảm-hứng

Sàng tiền khán nguyệt-quang,  
Nghị thị địa thượng sương.  
Cử đầu vọng minh-nguyệt,  
Đề đầu tư cố-hương.

Lý-thái-Bạch

### BÀI DỊCH

#### Đêm thu cảm-hứng

Đầu giường chợt thấy bóng trăng,  
Mập-mò trên đất, ngỡ rằng srong sa.  
Ngừng đầu trông về gương nga,  
Cúi đầu lưỡng nhứng nhớ nhà bán-khoản.

Trần-trọng-Kim dịch,

#### Trung-thu cảm-tác

Thu-cảnh tiêu kim bán,  
Thiên cao nguyệt bội minh.  
Nam-lâu thù yến thưởng ?  
Ti trúc tấu thanh thanh.

Đỗ-Phủ

### BÀI DỊCH

#### Đêm trung thu cảm tác

Cảnh thu nay đã nửa rồi,  
Trăng thời thêm sáng, trời thời thêm cao.  
Lầu nam ai rót rượu đào ?  
Tiếng tơ tiếng trúc thanh-tao nhịp-nhàng.

Phái-Giang dịch

#### Thu-dạ đăng-lâu

Hồ điệp tiêu-sơ nhiều quận thành,  
Dạ thâm sơn-vũ tác giang thanh.  
Thu-phong nam-mạch vô xa-mã,  
Độc thưởng cao-lâu cố-quốc tình.

Dương-tĩ-Ngạc

### BÀI DỊCH

#### Đêm thu lên lầu.

Hồ bông rềm lá rú quanh thành,  
Trong núi mưa đêm, sóng bập-bềnh.  
Đường vắng ngựa xe, làn gió thổi,  
Lên lầu nhớ nước, dạ buồn tênh.

Quỳnh-Lâm dịch

#### Thu-dạ vọng-nguyệt

Trung-dinh địa bạch, thọ thê nha,  
Lãnh-lộ vô thanh thấp quế hoa.  
Kim-dạ nguyệt minh nhân tận vọng,  
Bất-tri thu-tứ tại thùy-gia ?

Vương-Kiến

### BÀI DỊCH

#### Đêm thu ngắm trăng

Trăng gieo ánh bạc đầy sân,  
Trên cây quạ đậu, hoa dâm srong sa.  
Đêm nay say ngắm trăng ngà,  
Tứ thu lai-láng mái nhà nào đây ?

Văn-Chung dịch

#### Thu-tiết đăng cao

Phong thấp thiên cao, viên khiêu ai,  
Chữ thanh sa bạch, điều phi hồi.  
Vô-biên lạc-mộc tiêu tiêu hạ,  
Bất-tận trường-giang còn còn lai.  
Vạn-lý bi-khu thường tác khách,  
Bách-niên đa-bệnh độc đăng đài.  
Gian-nan khổ hận phần srong mẫn,  
Lạc-đảo tân-dinh trọc từ-bồi.

Đỗ-Phủ

### BÀI DỊCH

#### Mùa thu lên núi

Gió mạnh, trời cao, vượn rúc sâu,  
Bến trong, cát trắng, lượn đàn âu.  
Rào rào lá rụng, cây ai đếm ?  
Cuồn cuộn sông dài, nước đến đâu. ?...  
Muôn dặm quê người, thu nào cảnh,  
Một thân già yếu, bước lên lầu.  
Khó-khăn ngao-ngán bao là nỗi,  
Rượu uống không ngon, chóng bạc đầu.

Nguyễn-khắc-Hiếu dịch



Lại còn bao nhiêu thi-hào khác, như Bạch-cư-Dị, đem thu qua bến Tầm-Dương, nghe tiếng tỳ-bà của người ca-nữ, động lòng thương người rồi lại thương mình, nên xúc-cảm đặt bài «Tỳ-bà-hành» để tặng kẻ hồng-nhan bạc-mệnh, lời văn rất lâm-ly réo-rắt, nay đã được nhiều thi nhân tán-thưởng, và dịch ra quốc-âm dễ tiện cho đào-nương hát lúc đêm vắng trăng tà...

Lại còn những bài phú «Tiền du Xích-Bích» và bài Thu-thanh phú đều là những áng văn kiệt-tác, nổi tiếng trong làng thơ. Bài trên do thi-hào Tô-Đông-Pha đời Tống đã làm, nhân cuộc phiếm-du trên sông Xích-Bích vào buổi sơ-thu (khoảng rằm tháng bảy năm Nhâm-Tuất), rồi cảm hứng suy-luận cho rằng ở đời bi-thán về truyện cổ-kim có ích gì, chỉ bằng tiêu dao với gió trăng, nguồn vô-tận mà Hóa-công đã dành sẵn cho hi-nhân mặc-khách. Bài dưới do thi-sĩ Âu Dương-Tu đời Tống soạn. Nhờ tài-ngệ siêu-việt và trí tưởng-tượng dồi-dào, họ Âu đã coi mùa thu như một vật linh-cảm có đủ hình-sắc, dung-mạo, thanh-âm, lại có đủ cả tinh-thần nghĩa-khí. Kết-luận bài phú này, thi-sĩ liên-tưởng đến mùa thu của đời người, song không oán trách tiếng thu, biết «*thuận-thiên tri mệnh*» theo tinh-thần Khổng-giáo, cam lòng chịu chung luật biến-hóa của Tạo-vật đối với muôn loài, biết đem tiếng rung cảm của lòng, riêng hòa với muôn tiếng trầm-hùng bi-ai của vạn-vật trong bầu trời, bất-luận là tiếng giun đế, hay tiếng thu man-mác trong vũ-trụ bao-la...

Bài phú «Tiền du Xích-bích» đã được nhiều thi-nhân nước ta dịch ra quốc-âm, không kém gì bài trường-ca «Tỳ-bà-hành» nói trên; còn bài «Thu-thanh phú» có Ô. Nguyễn-quảng-Xương phiên-dịch cả bài và đã đăng trong tập Văn-Hóa Nguyệt-San số 5 (năm 1952), vậy trong bài lược-khảo này, xin miễn đăng, và chỉ xin trích-đăng dưới đây phần dịch về mấy đoạn chính và hay nhất ở ba bài vừa kể.

### Tỳ-bà hành

Bến Tầm-Dương canh khuya đưa khách,  
Quạnh hơi thu, lau lách đìu hiu.  
Người xuống ngựa, khách dừng chèo,  
Chén quỳnh mong cạn, nhớ chiều trúc-lì.  
Say những luống ngại khi chia rẽ,  
Nước mênh-mông đượm vẻ gương trong.  
Tiếng tỳ đầu thoảng bên sông,

Chủ khuấy-khỏa lại, khách dùng-dăng xuôi.  
Lần tiếng sẽ hỏi ai đàn tá?  
Bảng tiếng đàn, nấn-nà làm thính.  
Đời thuyền neo hỏi thăm tình,  
Dong đèn chiếu rượu còn dành tiệp vui.  
Môi mọc mắt thấy người bỡ-ngỡ,  
Tay ôm đàn che nửa mặt hoa.

Tần-ngần nhường cảm lời ta,  
Dốn ngồi bắt ngón, đàn đà kịp đây,  
Tiếng rầu-rĩ khác thay đàn trước,  
Khấp mặt nghe tuôn nước lệ rơi.  
Lệ ai chan-chứa hơn người,  
Giang-châu Tư-Mã đượm mùi áo xanh.

(Trương-truyền Phan-huy-Vĩnh dịch)

### Bài phú chơi Xích-Bích

... Gió hây hây mặt sông chẳng gợn,  
Dan tay tiên chước chén trong-phùng.  
Tụng bài «*minh-nguyệt thanh-phong*»,  
Hát chương «*yêu-điệu*» dài lòng tới con.  
Trăng phút chốc sườn non dựng đầu,  
Lửng-lơ chùng sao Đầu sao Ngưu.  
Ngang sông sương trắng một màu,  
Mông-mênh bóng nước liền theo về trời.

... Cửa mình chẳng có thì thôi,  
Dầu nhiều ra nữa, cũng coi bằng thừa.  
Duy có một gió đưa mặt nước,  
Một vầng trăng cao trước sườn non.  
Nghe gió thổi, ngắm trăng tròn,  
Cũng thanh, cũng sắc, cũng đôn, cũng xinh.

Lấy, mà chẳng ai tranh, ai giữ,  
Tiêu-pha đi, mà cứ còn nguyên.  
Ấy kho vô-tận vững yên,  
Mà ta vớt khách từng quen chơi bời...

Vô-danh dịch

### Tiếng Thu

... « Loài thảo-mộc vô-thương vô-cảm,  
Còn có khi chim-đắm điểu-linh ;  
Hưởng hồ người đủ thất-linh,  
Trăm lo, trăm việc, tâm hình khồ đau.  
Ngoài xúc-động, trong hầu cảm-ứng,  
Lòng ưu-tư chẳng xứng tài-năng.  
Cho nên tóc mở đa hồng,  
Chẳng bao lâu đã điềm sương mái đầu.  
Nếu biết thế thì âu đời kiếp,  
Làm đá vàng sánh kịp cỏ cây,  
Tranh vinh với chúng phen này,  
Ngẫm ai là kẻ cướp ngày tuổi xanh.  
Nào có phải đành-hạnh trẻ Tạo,  
Chính tại mình, giận hạo tiếng Thu ».  
Trẻ thơ nghe nói như ru,  
Chẳng rằng, chẳng đáp, đầu rù ngủ say.  
Bốn góc vách nghe bầy giun đẻ,  
Giọng âm-thầm rền-rĩ bên tai,  
Cùng ta thở ngắn than dài...

Nguyễn-quảng-Xương phiên-dịch

(Xem tiếp trang 1689)



## TRUYỆN DÁ-SỬ

I

## NGUYỄN-CAO

Cử-nhân PHẠM-VĂN-HÀNH

**N**GUUYỄN-CAO là một bậc nhà Nho, đã nổi tiếng là có chí khí hơn người.

Ông quê ở làng Cách-Bị, huyện Quế-dương, tỉnh Bắc-ninh. Thân-phụ là cụ Cử-nhân Nguyễn-Hành, một bậc đại-nho đã có tiếng là hay chữ ở vùng Kinh-Bắc. Thi-thư đã sẵn nếp nhà, nên chẳng bao lâu, ông Cao đã là một thư-sinh lỗi-lạc, từ huyện đến tỉnh, không ai là không biết.

Niên-hiệu Tự-Đức thứ 17 (1867), ông ứng-thí tại trường Nam-Định, ba kỳ văn bài đều xuất sắc, và đã đỗ Thủ-khoa trong số 50 cử-nhân trúng-tuyên.

*Làm cho rõ mặt phi-thường,*

*Thì treo giải nhất chi nhường cho ai.*

Vài năm sau, có chiếu-chi nhà vua bổ Tri-huyện. Trong thời-kỳ nhậm chức, ông tỏ ra rất mực công-minh, liêm-khiết; đối với nhân-dân trong hạt, ông đã hết lòng săn sóc, trông nom.

Vì ông cai trị dân có tiếng tốt, lại tài đức có thừa, nên đến năm Tự-Đức thứ 34 (18-85), ông được bổ đi giữ chức Tấn-lý quân-vụ ở Bắc-Kỳ, một chức-vụ rất khó-khăn, nặng-nhọc. Ông cầm-cự với quân ngoại-bang, thu được ít nhiều thắng-lợi, cho tới lúc triều-đình ký hòa-ước đề bãi binh. Được tin, ông liền làm đơn từ chức Tấn-lý, về nhà quê nghỉ ngơi và mở trường dạy học. Thân-sĩ cảm-phục ông, nên đi lại viếng thăm rất nhiều. Nhân đó, ông bị tình-nghi rồi lại bị bắt. Lúc ra đi, ông dấu một con dao nhọn trong người chủ tâm tuấn-quốc, cho khỏi bị nhục trong tay người. Khi giải về đồn, người Pháp hết sức đố-dành, khuyên ông quy-hàng, ông

không chịu, họ bèn dọa nạt, chề ông là không thành thật chỉ muốn gây hấn để hại nước. Ông bèn quắc mắt nói : « Việc làm của ta sáng-sủa như mặt trời, mặt trăng, ai cũng thấu. Các người thù coi bụng ruột ta trong trắng như thế nào ». Nói xong, ông lấy dao mổ bụng, rồi rút ruột ra ngoài dài hàng thước, máu chảy lênh-lánh.

Người Pháp trông thấy rất kinh-ngạc, liền cho băng bó vết thương ; nhưng ông không chịu sưng nhức, trong khi non sông nghiêng ngửa, nên đã rút chỉ buộc mà chết. Kẻ thù đều cảm-phục nghĩa-khí của ông. Còn về đồng-bào thì ai nghe tin, cũng ngậm ngùi, thương tiếc. Thân-sĩ hồi ấy đã có câu đối khố :

Thệ tâm thiên-địa phi trường bạch,  
Thiết xỉ giang-sơn thổ thiết hồng.

### Dịch nghĩa

Thề cùng trời đất phôi lòng trắng,  
Nguyễn với non sông nhuộm máu hồng.

Kẻ viết bài này xin phụ thêm mấy vần thi ca, đề tỏ lòng cảm-kích :

### I

Khô-tuyệt dật giải đã lừng danh,  
Sống chẳng nhục, chí thác cũng vinh.  
Tỉnh Bắc đến nay còn sự-nghiệp,  
Người Tây từ trước khiếp uy-linh.  
Mẹ con một cửa bên lòng đỏ,  
Tiết nghĩa đôi đường rạng sắc xanh.  
Nghìn thu treo gương soi sáng mặt,  
Khắc ghi nghĩa-sĩ chốn Đông-kinh (1).

### II

Trời Nam, một mối cương-lương,  
Bao người lỗi-lạc, can-trường sắt danh.  
Nguyễn-Cao con cụ cử Hành,  
Người làng Cách-Bị Bắc-Ninh tỉnh nhà.  
Thiếu-thời dật giải Thủ-khoa,  
Tiếng tăm lừng-lẫy gần xa mến tài.  
Thanh-vân nhẹ bước thành-thơ,  
Chức phong Tri-huyện quan-giải bước đầu.

(1) Người Nhật có tục mổ bụng tự-sát (harakiri).

Cầm-đường tư-lợi chàng-cầu.  
Câu thơ chén rượu bạn bầu out chung.  
Thanh-liêm nhân-hậu giữ lòng,  
Một phương cam-ưu hoa-phong đợi chờ.  
Quốc-gia hữu-sự bất ngờ,  
Tân-tướng quân-vụ khắc cờ bỏ đi.  
Cầm quân chống giặc một thì.  
Tài kiêm văn vũ ai bì được a ?  
Gặp khi Việt Pháp giáng hòa,  
Giấy tờ đã ký can-qua cũng đình.  
Lòng son vương mới bất-bình,  
Cáo quan tri sĩ, kinh doanh việc nhà.  
Cầm-thư tuế-nguyệt tiêu-ma,  
Mở trường săn sóc một và trẻ thơ.  
Chẳng dè có kẻ tò mò,  
Làm tờ cáo-giác việc to bằng trời.  
Rằng ông khởi-nghĩa bất thờ,  
Dùng nhà giáng-tập làm nơi hội bàn.  
Bấy lâu, vững chí, bền gan,  
Hùm thiêng sa lưới kêu oan được nào !  
Ra đi vội giắt lưới dao,  
Phòng cơ lút nhục chẳng nao tấc thành.  
Ngoại-bang hết sức đổ-dành,  
Quit-hàng thu-phục dinh-ninh mấy lời.  
Ông rằng sáng tựa mặt trời,  
Lòng ngay dạ trắng, có đời nào nghe.  
Sẵn dao chẳng chút e-dè,  
Tự tay cắt ruột máu me chan hòa.  
Vừa cảm-phục vừa sót-sa,  
Quán thù băng bó cho qua nạn này.  
Chỉ khêu ông rút thẳng tay,  
Chỉ vừa rút hết, hồn bay về trời.  
Than ôi ! cũng một kiếp người,  
Đá vàng đã quyết, chẳng đời lòng son.  
Nguyễn-Cao danh-tiếng vẫn còn,  
Nghìn thu tiết-nghĩa, không mòn bia xanh.  
So cùng dũng-sĩ Đông-Kinh,  
Da vàng một giống, tính-tình như nhau.





# LIỆT-NỮ CHỖN THÔN-QUÊ

Đã nói đến ông Nguyễn-Cao, thì không thể bỏ qua được tiêu-sử của bà thân-mẫu ông, vì con ấy tất nhiên phải có mẹ ấy. Nước Việt-Nam ta, ngoài bà Phan-thị-Thuần tuân-tiết theo chồng, còn có thứ-thiếp cụ cử Hành đã hy-sinh để giữ tròn lòng trinh-bạch đối với chồng.

Bà quê ở huyện Quế-Dương, tỉnh Bắc Ninh, không rõ họ tên là gì. Bà kết-duyên với cụ cử Hành từ thuở còn son, cam phận làm tiêu-tính, đối với chồng rất mực kính thuận không hề đơn sai. Bà mới sinh được một mụn con trai tức là Nguyễn-Cao, thì chồng bị bệnh mất. Bà có tư sắc, lại góa chồng sớm, nên nhiều hạng thiếu-niên trong làng nhướng có ý muốn trêu hoa ghẹo nguyệt, nhưng bà nhất-thiết cự-tuyệt, chỉ một niềm thờ chồng nuôi con.

Một hôm qua một con đường vắng, bà bị người lý-trưởng trong làng tước kia đã muốn hỏi bà làm vợ nhưng không thành, đã súc-phạm đến nhũ-bộ của bà. Truyện xảy ra ở chỗ quanh hieu vắng vẻ, không một ai chứng-kiến, bà có thể si và kẻ vô lại, rồi không màng tới nữa. Song với quan-niệm thời ấy và lòng cương trực của bà, bà tin rằng: như vậy là một điều nhơ-nhuốc cần phải gột rửa cho xong. Bà vẫn tỏ vẻ thân-nhiên không hề rí rảng nửa lời, vì còn phải nuôi con thơ mồ côi. Ngày tháng trôi qua, chẳng mấy chốc đã được ba năm, Nguyễn Cao đã biết nói, biết đi,

Nhân ngày đoạn-tang, bà mời họ hàng đến dự-lễ đông đủ, rồi bà kể rõ câu truyện bấy lâu vẫn âm thầm giữ kín, và thêm rằng: « Con tôi nay đã biết đứng, biết đi, xin kính nhờ bà con thân-thích trông nom săn sóc, để tôi chết theo chồng, cho trọn đạo phu-thê và cảnh-tình kẻ bất nghì. » Nói xong, bà đến trước bàn thờ chồng khăn vái nhỏ to, rồi bỗng thấy bà nằm vật xuống đất, tắt thở ngay, nhũ-bộ đã bị cắt.

Thật là :

*Nghìn vàng đáng giá chữ trinh,*

*Bụi nào cho đục được mình ấy vay,*

*Trần-ai để có mấy tay,*

*Mẹ con một cửa tiếng hay muôn đời.*



## MÙA THU TRONG THI-CA

(Tiếp theo trang 1684)

Trên đây đã nói qua về mùa thu trong thi-ca Trung-quốc, nay xin nói-tới mùa thu trong thi-ca Việt-Nam.

Đối với thi-nhân nước ta, nguồn thu-tứ dồi-dào, lai-láng vô-hạn, có lẽ không kém phần nào — nếu không nói rằng hơn—nguồn thu-tứ của các thi-sĩ Trung-hoa. Tháng bảy với mưa ngâu và tết trung-nguyên, tháng tám với trăng thu và các vị anh-hùng dân-tộc Việt-Nam (1), tháng chín với sương thu và tết trùng-cửu cùng lễ quốc-khánh (2), đủ gọi trong tâm-hồn thi-sĩ Việt-Nam bao nỗi nhớ mong, thương tiếc, vui mừng hay ước-vọng chứa-chan...

Nói đến mưa Ngâu, ai không nhớ đến bài ca vợ chồng Ngâu của Tú Xương :

*Tục truyền thóng bảy mưa Ngâu,*

*Con trời lấy chú chẵn trâu cũng phiền.*

*Một là duyên, hai thời là nợ,*

*Sợ xích-thăng ai gỡ cho ra.*

*Vụng-về cũng thề cung-nga,*

*Trăm khôn nghìn khéo chẳng qua mục-đồng.*

*Hay là sợ muện chồng chằm tá ?*

*Hơi dâu mà kén cá chọn canh.*

*Lấy ai, ai lấy cũng đành,*

*Rề trời dâu cả đến anh áo buồm.*

hay bài «Nói vợ chồng Ngâu» của Á-Nam Trần-tuân-Khai viết theo điệu hát vật lồi mới :

*... Lờn Chức-nữ — Cái cầu Ó kia ai cắt dịp trong-phùng ?*

*Đề anh đi đường ấy, mà em đứng trông bên lối này.*

*Ngọn bông lau hieu-hắt trận hơi mây,*

(1) Tháng 8 âm-lịch có rất nhiều lễ kỷ-niệm các vị anh-hùng dân-tộc Việt-Nam như: Nguyễn-Trãi (ngày 16), Trần-hưng-Đạo (ngày 20), Lê-Lai (ngày 21), Lê-Lợi (ngày 22).

(2) Lễ Quốc-khánh của nước Việt-Nam Cộng-hòa nhằm vào ngày 26-10-1956 (tức ngày 23 tháng 9 âm-lịch).

Trông anh, mặt nước chân mây, em lại thần-thờ.

Lời Nguru-lang — Kiếp anh-hùng chi xá kẻ năng mưa,

Thôi em trở lại, để bước giăng-hồ anh quây gánh ra đi.

Trời còn đây, non nước vẫn còn kia,

Còn tri-âm đó, đến hội thu về ta lại gặp nhau,

Ai thương nỗi vợ chồng Ngâu !

Nói đến tết Trung-Nguyên, ai không nhớ đến bài trường-ca  
" Chiêu hồn thập-loại chúng-sinh " của Nguyễn-Du, lâm-ly thống-thiết  
biết chừng nào :

Tiết tháng bảy, mưa dầm sùi-sụt,

Toát hơi may, lạnh buốt xương khô,

Não người thay buổi chiều thu,

Ngân lau nhuộm bạc, lá khô rụng vàng.

Thương thay thập-loại chúng-sinh,

Hồn đơn phách chiếc, lênh-đênh quê người.

Hương lửa đã không nơi nương tựa,

Hồn mồ-côi lăn-lửa bao năm...

Nói đến thu-tâm và thu-cảm, ai không nhớ đến tập " Cung-oán ngâm  
khúc " của Nguyễn-gia-Thiều đầy nỗi u-hoài của người cung-nữ :

Trái vách quế, gió vàng hiu-hắt,

Mảnh vũ-y lạnh ngắt như đồng.

Oán chi những khách tiêu-phòng,

Mà xui phận bạc nằm trong má đào.

Khi trận gió lung-lay cành bích,

Nghe rì-rào để mách ngoài xa.

Mơ hồ nghĩ tiếng xe ra,

Đốt phong hương hủ mà hơ áo tàn.

Ai nghe tiếng để rạn rì rì,

Giọng bi-thu gọi kẻ cô-phòng...

hoặc tập " Thu-dạ lữ-hoài-ngâm " (1) đầy nỗi cảm-thương của tác-giả  
Đình-nhật-Thận đã bị kiểm-thức một hồi ở chốn Thần-kinh :

...Người đối-cảnh trăng soi hoa nở,

Cảnh trên người ngọn gió rung cây.

Nốt-niêm ai tỏ ai hay,

Cùng ai trăng gió đêm này thương thu.

Thơ nhấ-át bốn câu lẻ vắn,

Rượu ly-hoạt ba chén làm khudy :

Một đèn ở chốn thu-trai,

Não lòng đất khách ngậm-ngùi người xưa.

Nói đến thu xưa hoặc thu nay, ai không nhớ đến những bài thơ  
tuyệt-tác Thu-diều, Thu-âm và Thu-vịnh của Nguyễn-Khuyên (2) gọi những  
nỗi buồn vơ-vẩn, nhẹ-nhàng và kín-đáo, hoặc tập thơ-văn khúc chông « Giọt  
lệ thu » của Trương-Phổ, mỗi câu là một giọt lệ, mỗi chữ là một tiếng  
thở dài, trong khi lòng riêng còn vương mối sầu trường :

Trời thu âm-đạm một màu,

Gió thu hiu-hắt thêm rầu lòng em.

Trăng thu bóng ngả bên thềm,

Tình thu ai để duyên em bẽ-bàng ?

Hoặc bài thơ « Đêm thu cảm-hoài » của bà Cao-thị Ngọc-Anh (3) áp-  
ù mỗi sầu của người sương-phụ :

Hiu-hắt hơi may, bóng xế tà,

Phòng không tựa lẳng xóm giếng ca.

Ba thu mưa gió, mơ lòng sợ,

Muốn dậm đường trường, mỗi mắt xa.

Đèn điện sáng choang, lạ đất cũ,

Chòm mây trắng xóa, ấy nhà ta.

Ngân-ngờ muốn mượn gương đài ngọc,

Soi tận chân trời một chút ai.

(1) Tập thơ này nguyên-tác là Hán-văn, được nhiều người truyền-tụng, và do một  
thi-sĩ vô-danh diễn-dịch.

(2) Những bài này đã đăng trong Văn-Hóa nguyệt-san số 14 (năm 1956).

(3) Bà là con gái Cụ Cao-xuân-Dục, em ruột ông Cao-xuân-Tiểu, con dâu cụ Nguyễn-  
trọng-Hiệp, một nhà đại-thê-gia, quán ở Nghệ-An. Bà góa sớm, thủ-tiết nuôi con, (đều đã  
thành tài), hiện nay vẫn còn sống, tuổi ngót tám mươi mà vẫn minh-mẫn khang-cường. Bà  
là tác-giả tập thơ " Khuê-sầu thi-thảo ", gồm các bài thơ viết bằng Hán-văn và quốc-văn.

Thi-sĩ Tân-Đà đối với thu sang, cũng có một tâm-sự nào lòng. Mỗi độ thu về, trông gió thu bay chiếc lá, thi-sĩ lại thấy lòng riêng thôn-thức vì ai :

— Trận gió thu-phong rụng lá vàng,

Lá rơi hàng xóm, lá bay sang.

Vàng bay mấy lá nằm hồ nửa,

Hồ-hững ai xui thiếp phụ-chàng ?

Thấy gió thu gợn làn sóng biếc, Tân-Đà cũng thấy rào-rạt nổi lòng ;

Gió thu thổi lạnh ao bèo,

Tiểu công bác mẹ như điều đất dấy.

Năm nay anh vẫn thế này,

Sang năm anh lại như ngày năm xưa.

Và từ lúc thu về tới lúc thu đi, Tân-Đà đã thấy chan-chứa trong lòng những nỗi bi-thu :

Tà vào thu đến nay,

Gió thu hiu-hắt,

Sương thu lạnh,

Trăng thu bạch,

Khói thu xây thành.

Lá thu rơi rụng đầu ghềnh,

Sóng thu đưa lá bao ngành biệt-ly.

Nhạn về, én lại bay đi,

Đêm thì vượn hốt, ngày thì ve ngâm.

Lá sen tàn-tạ trong đầm,

Nặng mang giọt lệ âm-thâm khốc hoa,

Sắc đầu nhuộm ở quan-hà,

Cỏ vàng cây đỏ, bóng tà-tà dương,

Nào người cố-lý tha-hương,

Cảm-thu ai có tư-lường chững ai ?

o°o

Đọc thơ mới gần đây nói về thu, ta cũng nhận thấy những vần say-sưa và ngây-ngất của Lưu-trọng-Lưu, trong tập « Tiếng Thu » :

... Em không nghe mùa thu,

Dứt trăng mờ thôn-thức ?

Em không nghe rạo-rực,

Hình-ảnh kẻ chinh-phu

Trong lòng người cô-phụ ?

Em không nghe rùng thu,

Lá thu kêu xào-xạc ?

Còn nai vàng ngo-ngác,

Đạp trên lá vàng khô ?

những vần nhớ thương cũng của Lưu-trọng-Lưu khi nghe giọt mưa thu :

Mưa chi, mưa mãi !

Lòng biết thương ai,

Trăng lạnh về non không trở lại...

Mưa chi mưa mãi !

Lòng nhớ-nhung hoài !

Nào biết nhớ nhung ai ?

Mưa chi mưa mãi !

Buồn hết nửa đời xuân,

Mộng vàng không kịp hái !

Mưa chi mưa mãi !

Nào biết trách ai !

Phá hoang đời trẻ dại.

Mưa chi, mưa mãi !

.....

hoặc những vần rầu-rĩ của Quách-Tấn, lúc « Đêm thu nghe quạ kêu » :

Bồn-chồn thương kẻ nương song bạc,

Lặng-lẽ sầu ai rụng giếng vàng ?

Tiếng dột lưng mây đồng-vọng mãi,

Tình hoang-mạng gọi tứ hoang-mang...

những vần thể-lương của Xuân-Diệu năm xưa, trong bài « Đây mùa Thu tới » :

Rặng liễu đìu-hiu đứng chịu tang,

Tóc buồn buồn xuống lệ ngàn hàng,

Đây mùa thu tới, — mùa thu tới,

Vết ao mơ phai, dột lá vàng.

hoặc chua-xót như nỗi « Buồn thu » của Hàn-Mặc-Từ :

Áp-úng không ra được nửa lời,

Tình thu bi-thiết lắm, thu ơi !



hoặc bảng-khuàng như mỗi « Cầm thu » của Hồng-Anh nữ-sĩ :

*Tim-tim không-gian mùa lý-tưởng,  
Ru hồn thi-sĩ ngả quê-hương ;  
U-hoạt lên phim — trắng say nhịp,  
Nhạc gió thanh-thanh, mộng mở đường...*

hoặc phần-khởi trước cảnh « Thu về » của Thanh Thanh :

*Em không nghe mùa thu,  
Trong lòng dân náo-nức ?  
Em không nghe rạo-rực,  
Hình-ảnh nước non thiêng,  
Trong những ngày độc-lập !*

hoặc chứa-chan hy-vọng như mấy vần của Hồng-Hoa nữ-sĩ :

*Em thấy mùa thu đầy lá rụng,  
Đất vàng đón nhật lá thu rơi.  
Rời dáng nhưa sống tràn hương mới.  
Trong vạn mồm non hé nụ cười...*

Đối với trăng thu và nhất là trăng trung-thu, nguồn thu-tứ xưa và nay cũng rạo-rạt chẳng kém gì. Nhà thơ trào-phúng Trần-tế-Xương, mỗi khi tết Trung-thu tới, lại nhắc-nhở trẻ em ngắm trăng thu :

*Nào trẻ em đâu thức để trông :  
Kia ông trăng mọc ở đằng Đông !  
Nhìn lâu cho biết tròn hay méo,  
Trông kỹ mà xem đục ói trong.  
Lấy ảnh khắp người đầu chẳng tỏ,  
Làm gương trên đất để soi chung,  
Trung-thu này hẳn hơn thu trước,  
Chẳng biết rằng ai có biết không ?*

Còn chính thi-sĩ thì lại thần-thơ và dí-dỏm hỏi trăng :

*Ta lên ta hỏi ông trăng,  
Họa là ông có biết chăng sự đời ?  
Ông to ông ở trên trời,  
Hắn ông soi khắp nước người, nước ta,  
Năm châu cũng một ông mà,  
Kề ra thì lại mỗi nhà một ông...*

Nữ-thi-sĩ Hồ-xuân-Hương cấu-tứ lại khác. Nàng dùng những vần thơ ói-ăm, kỳ-ảo mà coi trăng thu như một trái chín cây, ai mà không say đắm thêm-thường :

*Một trái trăng thu chín mồm mòm,  
Này vầng quế đỏ, đó lòm-lòm.  
Giữa in chiếc bích, khuôn còn méo,  
Ngoài khép đôi cung, cánh vẫn khò.  
Ghét mặt kẻ trần đưa soi-móc,  
Ngứa gan thằng cuội đứng lom-khòm.  
Hỡi người bê quế, rằng ai đó ?  
Đó có Hằng-nga, ghé mắt dòm.*

Có lẽ khát-khao cảnh-vật kỳ-ảo này, nên thi-sĩ Tản-Đà ngắm trăng-thu Tây-Hồ (Hà-nội) đã cảm-vịnh :

*Đêm thu buồn lắm, chị Hằng ơi !  
Trần-thế em nay chán nữa rồi !  
Cung quế đã ai ngồi đó chứa ?  
Cành đa xin chị nhắc lên chơi.  
Có bầu có bạn, can chi túi,  
Cùng gió cùng mây, thế mới oui.  
Rời cứ mỗi năm, rằm tháng tám,  
Tựa nhau trông xuống thế-gian, cười...*

Rồi thi-sĩ, liên-tưởng đến truyện cổ kim gần xa, đã từng suy nghĩ đến sự ảo-hóa của tạo-vật :

*Đêm thu trăng sáng một trời,  
Một mình ngồi tưởng sự đời nghĩ quanh.  
Nghĩ aho muốn vật hóa-stnh,  
Ở trong vũ-trụ cái hình ra chi !  
Trăng kia tròn được mấy khi,  
Hoa kia nở được mấy thì, hỡi hoa ?  
Gái kia quá lứa đã già,  
Con làm rút ruột thời là rộng non.  
Khúc sông bồi lấp nên cùn,  
Đâu xanh bãi bờ, đá mòn nước khe.*

*Cho hay những khách trần-hoàn,  
Nghìn thu ở lại thế-gian mấy mà !*

Trông lên một mảnh trăng tà,  
Soi chung kim-cổ, biết là những ai ?  
Đối với một vị tiết-phụ treo cao giá ngọc như Ngọc-Anh nữ-sĩ, trăng  
thu lại được ngoạn-thưởng một cách trang-trọng tuyệt vời :

Đan quế nghìn năm vốn hấy còn,  
Càng cao càng tỏ lại càng tròn.  
Hóa-nhi tính đất cùng chung tuổi,  
Tinh-dầu bầy hàng biết mấy con.  
Lấy vẻ thanh-cao treo giá ngọc,  
Đem gương trịnh-bạch dãi lòng son.  
Gác thêu lâu sách đêm thu vắng,  
In chữ đồng-tâm với nước non. (1)

Đối với một bậc nho-tướng anh-hùng, sẵn có tâm-hồn thi-sĩ và thắm-nhuần tư-tướng Lão-Trang như Nguyễn-công-Trứ, cảnh trăng gió đêm thu lại là một kho vô-tận thiên-nhiên :

Gió trăng chứa một thuyền đầy,  
Cửa kho vô-tận biết ngày nào rơi ?

(Vịnh Tiền Xích-Bích)

Cửa trời trăng gió kho vô-tận,  
Cầm hạc tiêu-dao đất nước này.

(Thú ân-dật)

Dập-diu trăng mạn gió lèo,  
Lòng ngắm vãn-thủy, bơi chèo yên-ba.

(Vịnh Tây-Hồ)

Còn đối với bình-dân Việt-Nam hiện nay di-cư vào Nam hay Trung Việt, đối cảnh trăng thu soi tỏ sơn-hà, cảm-tưởng có khác hơn nhiều. Họ ngậm-ngùi vì đất nước chia đôi, song vẫn tin-tưởng ở thiên-mệnh, tin-tưởng ở tương-lai của đất nước, tin-tưởng ở sự thống-nhất và hùng-cường của Tổ-quốc, nên mới có những câu :

Kìa trông bóng thỏ, còn in một,  
Sao để vầng trăng, nở sẽ đôi.

(1) Bài này do bà Cao-thị-Ngọc-Anh họa theo nguyên-văn bài thơ "Ván nguyệt" của Hồ-xuân-Hương.

Lừa-đào mặc dầu cho cuội đất,  
Vẫn xoay đù hân có cơ trời.

Tế-Xuyên Tô-văn-Độ

hoặc :

Vân ám thiện sầu Tam-Đào linh,  
Phong thanh nguyệt chiếu Cửu-Long giang (1).  
Thu Cộng-Hòa, phiến-loạn đẹp vừa tan,  
Say chiến-thắng, trăng dãi tràn ánh sáng,  
Sang năm tới, đi Nam-Quan thấp-thoáng,  
Trăng tự-do chiếu rạng khắp muôn nhà.

Nguyễn-huy-Quan

hay những câu ca-dao mới :

— Anh đi nhớ cá Hồ-Tây,  
Nhớ trăng Hoàn-kiếm, nhớ mây Hồng-hà.  
Vì ai chửa sẽ nước nhà,  
Kẻ Nam người Bắc sót-sa nổi lòng.  
Bao giờ nước lặng, sóng trong,  
Giang-sơn thống-nhất, thông-dong đi về.  
— Đồng-Nai nước chảy lờ-đờ,  
Trăng soi thấp-thoáng thuyền mơ giữa dòng.  
Ai đi xa cách muôn ngàn,  
Trông thuyền bẻ lái, ước mong những gì ?  
Ước mong gió đầy thuyền đi,  
Thuận buồm thuyền sớm đi về cố-hương.  
Vì ai, về chốn từ-đường,  
Nhắc ai gìn giữ lửa hương mộ-phần.  
— Tay cầm bầu rượu năm nem,  
Trông trăng xin nhớ lời em dặn-dò.  
Vì ai gìn-giữ cõi bờ,  
Nước nhà hưng-thịnh cũng nhờ tay anh.  
Những khi lên thác xuống ghềnh,

(1) Mấy tối, trời sầu che mờ ngọn núi Tam-Đào ; Gió mát, trăng soi tỏ sông Cửu-Long.





## TRÔNG TRĂNG THỤ NHỚ AI ?

- 1.— Ngắm trăng thu, bốn phương sáng tỏ,  
Động lòng thơ, ai có nhớ ai ?  
Nhớ ai, vì nước, vì đời,  
Bao thu lận-lội, cứu người cứu dân.
- 2.— Nhớ Hưng-Đạo (1) đời Trần thuở trước,  
Phá quân Nguyên, giữ nước an-toàn.  
Đàng-Giang nước bạc chứa-chan,  
Vì ai nổi sóng đánh tan quân thù.
- 3.— Nhớ Lê-Lợi, mười thu tuổi kiếm, (2)  
Trừ quân Minh, xâm-chiếm nước nhà.  
Gươm thần giữ vững sơn-hồ,  
Giúp cho nước thịnh, yên nhà yên dân.
- 4.— Nhớ Lê-Lai (3), liều thân bách-chiến,  
Vì giang-sơn, quyền-biến thay vua.  
Kể chi Kỳ-Tin (4) thuở xưa,  
Từ sinh coi nhẹ, được thua coi thường.
- 5.— Nhớ Nguyễn-Trái (5), cương-thường nặng gánh,  
Vì quốc-gia, đuổi đánh quân Minh.  
Ghi lời cha dặn đình-ninh,  
Thù chung quyết trả, một mình lo toan.

(1) Đức Trần-hưng-Đạo, hai lần phá quân Nguyên, mất ngày 20 tháng 8 năm Canh-Tý (1300).

(2) Đức Lê-Lợi, 10 năm đánh đuổi quân Minh, mất ngày 22 tháng 8 năm Quý-Sửu (1433).

(3) Lê-Lai, vì nước chết thay Lê-Lợi, được kỷ-niệm vào ngày 21 tháng 8 theo chiếu-chỉ của vua Lê-Thái-Tổ, nên mới có câu ca này truyền-tụng:

« Hăm một Lê-Lai, hăm hai Lê-Lợi »

(4) Kỳ-Tin đời Hán đã già làm Bái-Công, trong lúc nguy cấp, để cho quân địch bắt; nhờ đó, Bái-Công trốn được thoát.

(5) Nguyễn-Trái giúp vua Lê-thái-Tổ đánh đuổi quân Minh, và như thế đã trả xong thù nhà, đền xong nợ nước. Ông mất ngày 16 tháng 8 năm Nhâm-Tuất (1442).

6.— Nhớ Thánh-Tông (6), giang-sơn rộng mở,  
Khéo trị dân, quý võ trọng hiền.  
Bia nghề Văn-Miếu dựng lên,  
Sử xanh ghi chép, ai quên được nào ?

7.— Nhớ Nguyễn-Du (7), thi-hào siêu- việt,  
Mượn truyện Kiều giải hết tâm-can.  
Danh thơm lưu chốn Tao-đàn.  
Nước non ai đã minh-oan nổi lòng ?

8.— Tháng trọng-thu, kỷ công các vị,  
Hỡi ai người « ăm thủy » nhớ chăng ! (8)  
Trời thu vẫn tỏ bóng Hàng,  
Treo gương nhắc bạn trông trăng nhớ người...

9.— Nhớ người xưa đức tài quán-thế,  
Cổ noi gương mới dễ kíp người...  
Giang-sơn gánh vác giúp đời,  
Nghìn thu khơi mạch, vá trời vì ai ?

HOÀI-QUANG

(6) Lê-thánh-Tông là một anh-quân đời Hậu-Lê. Ngài đã hết sức mở rộng đất nước, trị-dân rất giỏi. Đề khuyến-khích nhân-tài, ngày 15 tháng tám năm Giáp-Thìn (1484), ngài đã sai dựng bia khắc tên những vị đỗ Tiến-sĩ tại Văn-miếu (Hà-nội).

(7) Nguyễn-Du, một bậc thi-hào trú-danh đời Nguyễn, đã soạn cuốn Đoạn-trường tân-thanh, tức truyện Thúy-Kiều, đề ký-thác tâm-sự mình. Ông mất ngày 10 tháng 8 năm Canh-Thìn (1820).

(8) Rút ở câu « ăm thủy tư nguyên », nghĩa là uống nước nhớ nguồn—



NHỚ NGHIỆM-ĐƯƠNG (1)

Ngàn mây thâm bóng quê-hương,  
 Bắc Nam chia sẻ đôi đường vì đâu ?  
 Ngày sáu khắc buồn chau nét liễu,  
 Đêm năm canh sầu héo lòng tơ.  
 Biết bao tháng đợi năm chờ,  
 Vườn Lê cảnh cũ (2) bao giờ gặp nhau.  
 Tình phụ-tử bấy lâu xa cách,  
 Nỗi nhớ thương khôn vạc từ mây.  
 Viết rồi biết gửi ai đây,  
 Trông vời đất Bắc, đêm ngày xót xa.  
 Thương thay ! nỗi cha già tuổi-tác,  
 Trái mấy hồi toạ-lạc gian-nan.  
 Cửa nhà, con cháu lìa tan,  
 Phải chăng vì kẻ tham-tàn hạt dãn.  
 Đói rách chưa yên thân ấm lạnh,  
 Đâu-tổ còn trăm cảnh gớm ghê.  
 Từ nay đất nước phân chia,  
 Ai ai cũng muốn tìm về phương Nam.  
 Tình tương-lợ, muôn vàn thân-ái,  
 Trên chính-quyền, đem lại Tự-do,  
 Cùng nhau gắng sức chung lo,  
 Con chim phượng đậu cành Ngô chẳng lằm.  
 Lòng con vẫn ấm-thấm mong-mỏi,  
 Mấy kỳ tàu thăm hỏi người quen.  
 Tin nhà ngày một vắng tin,  
 Hồn quê lai-láng như chen mạch sấu.  
 Sông Bến-Hải dịp cầu sè-nửa,  
 Lệ cảm hôn chan-chứa như mưa.  
 Nào người áo vải ngày xưa,  
 Phá Thanh diệt Trịnh, bấy giờ có hay ?

BÀ HỒNG-THIỆN

(1) Ông cụ thâu-sinh ra nữ-sĩ, vì già yếu, muốn vào Nam mà không vào được.

(2) Nữ tác-giả bài này người họ Lê (Bà Lê-thị-Duyệt) là chất ngoại cụ Tam-Nguyên Yên-Đô



ĐẬP NƯỚC LỚN NHỨT HOÀN-CẦU :

ĐẬP ASSOUAN

DUY-VIỆT

**A**I-CẬP, đập nước Assouan, kênh đào Suez... đang là những vấn-đề thời-sự, vì nó có ảnh-hưởng lớn-lao tới nền hòa-bình miền Trung-Đông nói riêng, và hòa-bình thế-giới nói chung. Xứ Ai-Cập xưa kia, đã một thời oanh-liệt, là nơi quê-hương của các vua Pharaons, nơi đã xây-dựng các Kim-Tự-Tháp, công-trình vĩ-đại vào bậc nhất tự cổ chí kim, nơi có những bậc vĩ-nhân cái-thể, ngày nay lại là nơi mà nền hòa-bình của nhân-loại đang bị thử thách. Trước khi xây ra vụ tranh-chấp kênh đào Suez, vào hồi đầu năm nay, đã có vụ tranh-dành ảnh-hưởng chính-trị giữa hai khối Tây Phương và Nga, vì công-việc xây-dựng và trùng tu một cái đập lớn nhất hoàn-cầu, ấy là đập Assouan.

Tại sao một cái đập nước lại quan-hệ đến thế ? Là vì nước Ai-Cập, trung tâm của khối Á-Rập, đứng giữa đường đi từ Tây sang Đông, từ Nam đến Bắc Tây-Âu, và là nơi có con đường thủy độc-đạo, kênh Suez, dẫn tàu bè từ Tây-Phương sang Á-Châu, Mỹ-Châu... Nước Ai-Cập có 24 triệu người (gần bằng dân-số của Việt-Nam), nhưng chưa có nhiều phương-tiện, nên kênh Suez đã do một công-ty ngoại-quốc đào năm 1869, theo sáng kiến của nhà ngoại-giao Pháp Ferdinand de Lesseps. Đến nay, Chính-phủ Ai-Cập cũng chưa đủ sức đề đắp cái đập lớn qua sông Nil, nên đã

nhờ sự giúp đỡ của ngoại-bang. Xứ Ai-Cập có một diện-tích rộng-rãi có những cánh đồng phì-nhiều mỡ-mếnh, lại có con sông Nil chảy qua. Nhưng vì lưu-lượng sông này không đều, nên đã làm cho đất-dai Ai-Cập tuy tốt đấy, nhưng hàng năm thường bị nạn hạn-hán về mùa khô, và nạn ngập-lụt về mùa nước. Có thể nói rằng trên... hoàn-cầu, Ai-Cập là một nước độc-nhất, mà sự sống-còn của dân-tộc phải phụ-thuộc vào một con sông. Sông Nil rộng lớn bằng 5 lần sông Cửu-Long, chảy qua những bãi xa-mạc và những cánh đồng bát-ngát, nhưng dòng nước lại nhiều ít không thường rất bất tiện cho sự canh tác. Vấn-đề thủy-lợi của Ai-Cập rất khó giải-quyết, vì hàng năm, tới vụ nước, hầu hết các ngọn sông đầy phù-xa của sông Nil đều chảy ra biển cả. Trái lại tới vụ khô-záo thì sông chẳng còn nước, các vùng trước bị lụt nay thành những bãi xa-mạc khô-khan. Phải làm sao điều hòa được dòng nước của sông Nil, thì Ai-Cập mới có nước cây cấy và sống-còn. Ngay từ đời thượng-cổ, triều vua Pharaons, như vua Am En Hotep, cũng đã cố giải-quyết vấn-đề bằng cách đắp một con đê dài 70 dặm anh bao-bọc lấy một chiếc hồ lớn để chứa nước khi mưa lũ, tránh lụt-lợi cho làng mạc, và đến lúc khô-khan, thì sản nước cây cấy. Nhưng một cái hồ chứa cũng không đủ, vì lưu-lượng sông Nil, về mùa nước lũ, mỗi ngày có thể lên tới 700 triệu mét khối; thế mà hết mùa mưa, lòng sông hầu như khô cạn. Phải xây nhiều đập trên dòng sông Nil, mới điều-hòa được mực nước. Đập nước Assouan được xây-dựng trên sông Nil, từ năm 1898 đến 1902. Lúc đầu, đập Assouan chứa nổi 1 tỷ mét khối nước; đến năm 1907 - 1912, đập ấy được sửa chữa và nâng lên cao, nên chứa được 2 tỷ rưỡi mét khối nước. Thêm vào đập Assouan, nhiều đập được xây-dựng như đập Assiout, đập Zefra, đập Esnah. Nhờ có các đập này, năm 1920, Ai-Cập có đủ nước cấy cây 6 triệu mẫu ruộng. Sau trận đại-chiến thứ hai, để giải-quyết nạn nhân-mãn (dân-rở Ai-Cập có 10 triệu người năm 1897, lên tới 24 triệu năm 1955), nhiều đập nước lại được xây thêm như đập Sennar, đập Vaga-Hamadi; đập Assouan cũng được tu-sửa một lần nữa và sức chứa nước nâng lên 5 nghìn triệu mét khối. Tuy nhiên, số nước ngăn được, cũng chưa thỏa-mãn sự nhu-cầu của dân Ai-Cập. Phải xây-dựng lại đập Assouan ở gần địa-điểm cũ! Phải có một cái đập Assouan mới, xây tại Saad El Ali, cách Assouan 6 cây số 500, đập dài 5 cây số, cao 110 thước, rộng 1.300 thước, chứa được 130 tỷ thước khối nước, và làm chạy 16 máy thủy-điện 120.000 mã-lực. Tính ra công-cuộc xây-dựng đập này tốn 120 triệu bảng

Ai-Cập, và sử-dụng 42 triệu thước phổi bê-tông. Trong mười năm, đập sẽ có thể hoàn-thành.

Nhờ cái đập Assouan mới này, 2 triệu mẫu feddans ruộng (lời 800.000 mẫu hecta) sa-mạc sẽ trở thành đồng ruộng, sản-xuất ngũ cốc, lương-thực nuôi sống 12 triệu người. Nhờ có đập mới, 10 triệu tỷ ki-lô-vát điện sẽ được sản-xuất thêm, với giá rất rẻ, khiến cho mỗi người dân Ai-Cập được dùng 400 ki-lô-vát điện (hiện nay có 60 kwat thôi). Nhờ có đập mới, số nông-sản thặng-dư sẽ trị 355 triệu bảng Ai-cập, và mỗi năm nông-dân không phải tiêu phí 2 triệu 600 tấn dầu lửa (trị giá 17 triệu bảng Ai-cập để chạy máy bơm, cây, bừa, phát-điện v.v.v...)

Nhờ có đập mới, cánh đồng phì-nhiều của Ai-Cập sẽ không bị ngập lụt nữa, và sự giao-thông bằng đường thủy cũng được bảo-đảm. Nhờ có đập mới và thủy-điện-lực của đập Assouan, nền kỹ-nghệ Ai-Cập sẽ được phát-triển. Nước của đập sẽ tưới 500.000 mẫu hecta đất trồng thứ bông Ai-Cập đẹp có tiếng trên thị-trường thế-giới.

Chính vì ích-lợi của đập mới Assouan rất lớn-lao đối với Ai-Cập, nên Chính-Phủ Ai-Cập đã tìm hết cách để có ngân-quỹ thực-hiện công-trình xây-dựng. Ai-Cập đã hỏi vay 120 triệu bảng Ai-Cập của Ngân-Hàng Quốc-Tế, và Ngân-Hàng Quốc-Tế này chấp-thuận nguyên-tắc xuất vốn; thêm vào đấy, Huê-Kỳ cũng quyết-định giúp thêm Ai-Cập một ngân-khoản bổ-túc. Để tranh-dành ảnh-hưởng, Nga đề-nghị với Ai-Cập sẽ đảm-nhiệm công-việc xây-đập Assouan, và Ai-Cập sẽ trả nợ bằng bóng sợi, trong khoảng 30 năm. Nhiều công-ty Quốc-Tế Pháp, Đức, Anh đã nghiên-cứu công-việc, và lập bản đề-nghị với Chính-Phủ Ai-Cập.

Nhưng vì có sự giằng-co của mấy cường-quốc tranh nhau ảnh hưởng ở Ai-Cập, mà Ai thì làm cao, nghiêng theo nước nào giúp-đỡ nhiều nhất, với điều kiện lợi cho Ai-Cập nhất, cho nên đến ngày nay, vẫn chưa nước nào bắt tay giúp Ai-Cập thực-hiện chương-trình tạo-tác đập Assouan mới. Mấy thấy thái-độ ương-ngạnh của Ai, nên không giúp; Nga chỉ hứa xướng. Thậm chí Ai-Cập phải nghĩ mưu quốc-hữu hóa kênh Suez, để hồng thu lợi-tức không-lỡ về mình, âu cũng là một phương-kế, tìm ngân-quỹ để xây đập Assouan.

Việc mưu-tính ấy đã gây nên những khó-khăn, giữa Ai-Cập và các nước Tây-Phương có tàu bè qua lại kênh Suez, và có quyền-lợi ở Công-Ty kênh đào này. Hậu-quả của cuộc xích-mịch kia chưa biết ra sao, và đi tới đâu? Nhưng, ta càng thấy rõ sự quan-hệ của dự-án xây-dựng đập Assouan mới là thế nào.



# LÃO TỬ ĐẠO ĐỨC KINH

quốc-văn giải-thích  
(tiếp theo V. H. N. S. số 14)

NGHIÊM TOÀN dịch thuật

XXI

知	不	中	其	兮	恍	之	孔	
衆	去	有	中	其	兮	爲	德	二
甫	以	信	有	中	其	物	之	十
之	聞	自	精	有	中	惟	容	一
狀	衆	古	其	物	有	恍	惟	章
哉	甫	及	精	窈	象	惟	道	
以	吾	今	甚	兮	恍	惚	是	
此	何	其	真	冥	兮	惚	從	
以	名	其	兮	惚	兮	道		

## DỊCH ÂM

### NHỊ THẬP NHẤT CHƯƠNG

Không đức chi dung, duy đạo thị tông. Đạo chi vi vật, duy hoàng duy hốt; hốt hề hoàng hề, kỳ trung hữu tượng; hoàng hề hốt hề, kỳ trung hữu vật; yêu hề minh hề, kỳ trung hữu tinh; kỳ tinh thậm chán, kỳ trung hữu tín. Tự cổ cập kim, kỳ danh bất khứ, dĩ duyệt chúng phủ; ngô hà dĩ tri chúng phủ chi trạng tại? Dĩ thử.

## DỊCH NGHĨA

### CHƯƠNG HAI MƯƠI MỐT

Cái vẻ (phát hiện ra) của Đức lớn, duy chỉ theo với Đạo. (1)

Đạo là một vật chỉ mập mờ, chỉ thấp thoáng; thấp thoáng chừ, mập mờ chừ, bên trong của nó có hình tượng; mập mờ chừ, thấp thoáng chừ,

bên trong của nó có vật chất (2); sâu chừ, xa chừ, bên trong của nó có tinh túy; cái tinh túy ấy rất thực, ở trong nó rất đáng tin. Từ xưa đến nay, tên nó không bỏ, đi mắt; để bầm sình ra đầu gốc muôn vật. Ta lấy gì biết được tình hình đầu gốc muôn vật như vậy? Nhờ bởi thế.

## CHỮ GIẢI

Chữ và câu khác nhau tùy theo các bản.

Tự cổ cập kim 自古及今: Bản của Phó Dịch đời là: Tự kim cập cổ 自今及古 đề văn với hai chữ Khứ 去 và Phủ 甫

Chữ Trạng 狀 ở câu cuối cùng, bản của Hà-thượng công và Phó Dịch chép là chữ Nhiên 然. Các bản khác phần nhiều chép là chữ Trạng 狀.

Không 孔: 1- Lớn (theo Hà-thượng công).

2- Trống rỗng; rỗng không (theo Vương Bật).

Không đức 孔德: 1- Đức lớn (Hà-thượng công)

2- Đức «Trống rỗng»; đức «Rỗng không», — Lấy «Trống rỗng, Rỗng không» làm đức (Vương Bật).

Dung 容: 1- Dáng vẻ; cái vẻ phát hiện ra ngoài (Theo Trần Trụ)

2- Phép (3) tắc; hình trạng (theo Lục Đức-Minh).

3- Cao Hanh ngữ chữ dung 容 mượn để thay chữ dưng 摺. Sách Quảng-nhã giải nghĩa chữ dưng 摺 là động 動. Vậy dung 容 là động 動.

Không đức chi dung, duy đạo thị tông.

Tùy nghĩa chữ không 孔 và chữ dung 容 người ta có thể hiểu theo hai ba lối câu trên này:

(1) Hiểu theo Trần Trụ.

Câu này hoặc cũng có thể dịch là:

a) Cái động tác của Đức Trống không, duy chỉ đi theo với Đạo (theo Vương Bật).

b) Cái động (nói chung ngôn ngữ, cử động) của bậc người có Đức lớn (trở bậc nhân chủ) duy chỉ đi theo với Đạo (theo Cao Hanh, Trương Mặc).  
(xin xem phần chú giải ở dưới)

(2) Hoặc cũng có thể dịch là: «... có muôn vật;»

(3) Chung Hội giải thích bằng chữ Pháp 法. Ta có thể liên tưởng tới chữ Pháp trong đạo Phật; chữ Pháp trở hết thảy mọi sự mọi vật ở thế gian (mà nhà Phật cho rằng đều giả cả và đều do vọng tâm vọng tạo. Ấy là cái cảnh của ý-căn nường theo mỗi khi hành động.)

1) Vương Bật thì chú giải rằng : « Duy chỉ lấy Trống-rồng, Rồng-không làm Đức đầu tiên, rồi sau mới có thể tác động, chuyển dời theo Đạo ».

2) Cao Hanh và Trương Mặc lại nói : Bậc người có Đức lớn, khi nói năng, cử động, luôn luôn theo Đạo mà hành chỉ. Họ Cao dẫn cả câu chú giải của Vương Bật : « Động tác tông đạo 動作從道 » để kết luận « Vương nhường như cũng lấy chữ động 動 để thích nghĩa chữ dung 容 ».

3) Trần Trụ rằng : « Hai chữ -Đạo Đức thường dùng làm danh từ kép trở một ý-niệm chung, nhưng khi tách rời thì Đạo, Đức là hai thứ khác nhau vì một Trong, một Ngoài ». Trần lại dẫn lời Tô Triệt như sau : « Đạo vốn không có hình ; kịp khi tác động, vận chuyển thành Đức, ắt có dung, nghĩa là đáng về... »

Như vậy, Đức là cái biểu lộ ra ngoài của Đạo. Đức đã vì Đạo mà biểu lộ, tự nhiên đáng về của Đức lớn duy chỉ theo Đạo mà thôi.

Nhưng « theo » nghĩa là gì ? Từ Trời, Đất đến muôn vật trong vũ trụ này, tất cả những cái có hình tượng, màu sắc, âm thanh mà ta thấy được trong không gian, đều do Đức lớn hiển hiện ra ngoài, và cùng từ một nguồn gốc duy nhất phát sinh, tức là Đạo vậy.

Hốt 惚 : Về chợt thoáng qua.

Hoảng 恍 : Về mập mờ, hình dáng không rõ rệt.

Hốt hoảng : 惚恍 1— a) không có hình.

b) hình trạng không thể phân biệt, nhận thấy được.

2— Ra vào biến hóa, không vững, không thường (theo Lý Gia-Mưu).

3— Về sáng rực, thoáng qua, không định (theo Trương Mặc)

Tượng 象 : Hình trạng lộ ra ngoài.

Vật 物 : 1— Các loài ở trong trời đất.

2— Vật chất ; những cái ở trong không gian mà người ta cảm thấy, nhận biết được.

Đạo chi vi vật, duy hoảng duy hốt ; hốt hề hoảng hề kỳ trung hữu tượng ; hoảng hề hốt hề, kỳ trung hữu vật.

Đạo không có hình trạng, không có gì ràng buộc ; vậy mà muôn loài từ lúc khởi thủy được sáng tạo đều do bởi Đạo ; muôn loài do Đạo sinh thành, song không hiểu tại sao như thế ; vì vậy mới nói : « mập mờ chừ, thấp thoáng chừ, thấp thoáng chừ, mập mờ chừ, Đạo vốn đã có tượng, vốn đã có vật ở bên trong ».

Yêu 筌 : Sâu xa

Minh 冥 : 1— Ẩn núp sâu xa ; tối tăm.

2— Xa.

Tinh 精 : 1— Phần trong trẻo nhất của vật sau khi đã lọc bỏ hết chất xấu.— Phần tế nhị, thuần mỹ nhất của vật.

Chân 真 : Thực, trái với giả — Tinh thành rất mực.

Tin 信 : 1— Tin

2— Tin nghiệm 信驗 (theo Vương Bật) = đáng tin vì có chứng cứ để ta xem thấy, để ta nghiệm xét, không hề sai lạc.

Yêu hề minh hề, kỳ trung hữu tinh ; kỳ tinh thậm chân, kỳ trung hữu tin.

Đạo sâu xa huyền diệu không ai thấy rõ, nhưng do Đạo mà có muôn vật ; các vật ta nhận biết được đủ để ta quyết chắc Đạo là « chân » chứ không phải giả, nên mới nói : « sâu xa chừ, bên trong của nó có tinh ».

Nếu ta suy nghiệm ngược trở vào, từ vạn vật quay về chỗ sâu xa ắt đạt tới phần cùng cực tinh thuần, và bản tính muôn loài định chắc không sai, nên mới nói : « ở trong nó đáng tin vì cái tinh túy ấy rất là xác thực ».

Mấy câu trên này, từ « Đạo chi vi vật » đến « kỳ trung hữu tin » mục đích nói về Đạo thể. Đạo tuy không có hình trạng, không bị ràng buộc, chỉ mập mờ thấp thoáng, vậy mà trong khoảng thấp thoáng mập mờ sâu xa huyền diệu ấy lại có tượng, có vật, có tinh, có tin. Tại sao ? vì Đạo vốn là Nguyên-lý xác thực sinh hóa muôn loài ; ta có thể từ muôn vật (là quả) truy cứu tới Đạo (là nhân) mà nghiệm xét ra rằng không có cái gì Chân Tín cho bằng Đạo thể.

Khứ 去 : 1— Lìa 2— Đi 3— Bỏ.

Duyệt 閱 : 1— Xuất sinh ra (theo Trương Mặc).

2— Ra (theo Cao Hanh) ; sinh ra ; bầm sinh ra.

3— Xem xét (như : duyệt binh).

Phụ 甫 : Thông với chữ phụ 父 là cha. Vậy phụ là trước nhất, là đầu tiên.

Tự cổ cập kim, kỳ danh bất khứ ; dĩ duyệt chúng phủ.

Đạo rất mực chân thực, nhưng không thể gọi tên được. « Không tên » chính là tên của Đạo. Từ xưa đến nay, không cái gì là không do Đạo mà thành tựu, nên mới nói : « Từ xưa đến nay, tên nó không đi, không bỏ

mắt»; mỗi vật đều do một vật đầu tiên sinh hóa; mà hết thảy mọi «vật đầu» ấy lại từ vật «Không tên», tức là Đạo, bần thục xuất sinh ra.

Tất cả muôn loài trong vũ trụ đều vô thường, có sinh, có diệt, có đến, có đi, riêng Đạo vô thủy vô chung, không biến đổi, vĩnh viễn trường tồn, vì thế mới nói: «Tên nó không bao giờ bỏ đi, qua mắt».

Nếu ta hiểu chữ *Duyệt* 閱 là xem xét, thì ta cũng có thể ví Đạo như là cái cửa, muôn vật đều phải bước qua mới vào cõi sống. Ta điem từng vật một, lần lượt trước sau, theo nhau qua cửa Đạo; duy chỉ có Đạo không chuyển dời như chúng, nên từ trước tới giờ, Tên nó chưa từng đi.

Thử 此: 1— Ấy 2— Thế

- a) Trỏ: Đạo hóa sinh muôn vật (theo Trương Mặc).
- b) Trỏ: Đạo ấy (theo Cao Hanh).
- c) Trỏ: Những điều nói ở trên (theo Vương Bật).

Ngô hà dĩ tri chúng phủ chi trạng tại? Dĩ thử. «Cái không tên là đầu vạn vật», ta lấy gì mà biết? Chính là lấy những điều vừa nói ở trên.

Thật vậy, Đạo sáng tạo nên «Cha» mọi loài và mọi loài đều bởi Đạo hóa sinh. Ta thử nghiệm xét tình trạng vạn vật đổi thay: vì có một Nguyên-Lý duy nhất ban đầu mới có «Cha» mỗi loài; có «Cha» mỗi loài rồi dần dần mới có đủ các vật. Nếu không thế thì tất nhiên sẽ không có gì hết thảy.

## ĐẠI Ý KIỂM TỔNG BÌNH

Chương này (4) gồm ba đoạn:

1— «*Không đức chi dung, duy Đạo thị tông*», nêu rõ mối tương quan giữa Đạo và Đức.

2— «*Đạo chi vi vật... kỳ trung hữu tin*», mô tả Đạo thể và yếu minh hết hoảng lại vừa gồm đủ: tượng, vật, tinh, tin...

3— «*Tự cổ cập kim... dĩ thử*»: Đạo vốn Chân, Thường và làm Nguyên-lý đầu tiên bần sinh ra hết thảy vật đầu của vạn loài ở trong vũ trụ.

(4) Đồng thời, nên xem lại các chương I, IV, VI, XIV và XV.

Ngay Chương thứ Nhất, Lão-tử đã viết: «*Đạo khả đạo phi thường Đạo...*» đủ biết Đạo không dễ gì thuyết minh ra được; khi đã mượn lời nói để giải-thích Đạo cho đầy đủ, thì lại không phải Đạo nữa rồi.

Lão-tử không thể không nói đến những chữ: «*hoảng hết yếu minh*», tỏ rằng Đạo không ai nắm giữ, trông thấy bao giờ; tuy nhiên, nhất định ta biết, ta tin trong, ngoài vũ trụ, vượt qua cả hai phạm trù không gian, thời gian, hằng vẫn có một Chân-lý Thực-tại.

Chân-lý Thực-tại ấy đã đành nhìn không rõ, lời bắt không ra, nói không minh bạch, nhưng vạn vật đều nhờ bởi Nó mà sinh xuất; vì vậy ta mới xác nhận: «*Vạn vật là Đạo hiện hiện cụ thể*» mà «*Đạo là Nguyên-lý trừu tượng của muôn loài*». Ta xét nghiệm vạn vật rồi đuổi tìm cho tới Nguyên-lý đầu tiên đã khiến muôn loài là muôn loài, ta sẽ đi tới câu kết luận đương nhiên: «*Hết thảy đều chỉ noi theo Đạo*».

Sự sự vật vật đều chứa đựng trong Đạo. Đạo tuy vô hình vô dạng nhưng bao trùm tất cả. Các vật đều tạo nên bởi Đạo: nơi đây mầm mống chân thực của những sinh thành tương lai đều nằm sẵn trước; mỗi sinh thành là kết quả chắc chắn, không sai lầm do từ cái Dụng của Đạo mà ra.

Đạo là nguồn gốc chung cho muôn loài, là khái niệm tổng quát của Đơn-vị trong cảnh những hiện tượng đa trùng vô lượng vô biên, bởi thế ta mới quy nạp từ ngọn ngành hoa lá rườm rà quay về gốc rễ chung là Đạo.

(Còn tiếp)

Chuyện lạ năm châu.

## TRUYỀN HÌNH TỪ VIỆN BẢO-TÀNG

Những chương-trình vô-tuyến truyền-hình bằng màu, đã được ấn-định, đề nay mai truyền thẳng những hình màu từ viện Bảo-tàng Mỹ-Thuật tại Boston. Nhân-viên quản-trị viện này đã dùng trong năm 1955 hơn 100.000 đô-la, để thiết-lập những máy phát hình. Họ quan-niệm rằng truyền hình những giai-phạm của viện Bảo-Tàng cho thiên-hạ thưởng-thức cũng có ích-lợi không kém việc phát-thanh những bản nhạc hòa-tấu vậy.

Buổi truyền-hình đầu tiên sẽ dành riêng vào việc giới-thiệu những danh phẩm Đông-Phương, của viện bảo-tàng Boston.

NGHI BA

(Rút ở tài-liệu Unesco)



# NHÀ GIÁO QUA CÁC THỜI-ĐẠI

của NAM-HUNG



cả hai đầu thế giới, Đông và Tây, thức-giả đã nói nhiều đến công-việc dạy-dỗ thanh-niên. Người cho đó là một sứ-mạng thanh-cao, đáng được ngợi khen, bênh vực, khiến một giáo-chức đã tự vinh :

« *Sẵn nợ bút nghiên, sức mọn mở-mang nền giáo-dục,  
Nặng tình non nước, tấc thành gây-dựng nếp văn-chương* ».

Kẻ tưởng đó là một nghề đạm bạc, nặng nhọc mà ít quyền :

« *Mô phạm dăm ba thằng mặt trắng,*

« *Đình chung chiếc rươi cái lương vàng* ».

(CAO-BÁ-QUÁT)

hoặc :

« *Tóc chóng bạc, tuổi già chóng đến,*

« *Phận con tầm kéo kén, vương tư...* ».

(?)

Một vài nơi còn coi ông thầy là một hạng học-giả, hơi gần gũi, đỡ đỡ, — chỉ vì giáo-chức, hàng ngày, gần-gũi sách thánh hiền, không biết ham danh chuộng lợi như ai. Rồi nhân đó, mới có những danh-xưng nhuộm màu trào-phúng, như « GODAUTRE » hay « ĐỒ CỒ » (1),

Nay ta thử định nghĩa xem thế nào là nhà giáo.

Theo từ điển Larousse bách khoa, — phản ảnh của tư tưởng Âu Tây, — giáo chức là người « cố gắng có ý thức, để giúp tạo-hoá trong công cuộc xúc-tiến các năng lực về thể chất, trí tuệ và tinh thần của cá nhân, khiến con người đi tới hoàn-thiện và hạnh-phúc, có thể làm tròn nhiệm-vụ xã-hội của

(1) Tiếng Pháp « pédagogue » cũng thiếu về kính cần.

— Gaudautre tức là gô-đầu-trẻ, đọc theo lối tiếng Pháp.

minh (1) ». Hán Việt từ điển của Đào Duy Anh cũng ghi: Ông thầy « dạy dỗ, dỗ người ta thoát ly cái trạng-thái tự-nhiên của tạo vật sinh ra ».

Xét ngay danh-từ giáo-dục, ta thấy chữ dục 育 gồm có tự-tổ nhục 肉, tức là trở sự nuôi nấng, sẵn sóc, về thể chất ; còn chữ giáo 教 gồm có tự-tổ hiếu 孝, thì chỉ sự rèn luyện về trí tuệ và tinh thần, vì có sáng suốt, hiểu biết, mới có thể thành người hiếu, để, trung, tín. Ta cần nhận ngay rằng : đây là hiếu với cha mẹ, và trung với quốc gia, dân tộc. Như thế, danh-từ nhà giáo-dục, theo nghĩa đen của nó, đã ngụ ý chỉ người rèn luyện thanh-thiếu-nhi, về cả ba bình-diện thể, trí và đức dục, để chúng thành những phần tử xứng-dáng, hữu-ích cho gia-đình, xã-hội.

Chỉ một định-nghĩa ấy cũng đủ cho ta thấy rõ sự quan-hệ của ngành giáo-dục :

— Sẵn-sóc tuổi xanh, tức là sửa soạn tương lai, rèn luyện những người sẽ thay thế chúng ta trong cuộc sinh tồn. Đoàn-thể sẽ hay học dở, là tùy khả-năng đời-dào hay kém-cỏi của các lớp tân thế-hệ

— Nói rộng ra, thì cuộc văn minh tiến hóa trên hoàn-hải, cũng một phần lớn nhờ ở kết-quả của nền giáo-huấn. Khoa-học và kỹ-thuật đều do trí-năng của thể-nhân tạo thành, và luôn luôn gắng công hoàn thiện. Và chẳng những phát-minh tối-tân, những sáng-chế kỳ diệu, chỉ có thể hữu-ích, nếu nó được dùng một cách sáng-suốt, phải đường.

Vậy việc trau-giồi tài-năng và chí-khí con người mới thật là nguồn gốc tiền-bộ của nhân-quần, xã-hội. Mà công cuộc giáo-dục chẳng phải là dễ-dàng nào. Ngày nay, tâm-lý học đã chứng minh rằng quan niệm « nhân chi sơ, tính bản thiện » là một ngộ-nhân, không sao tha-thứ được. Câu của J.J. Rousseau : « Con người, lúc mới ở tay Tạo-Hóa ra, vốn có tính tốt ; chỉ vì sinh sống trong xã-hội mới thành ra hư-hồng » (2), là một sai-lầm rõ rệt. Tâm hồn của sản nhi không thể giống như tờ giấy trắng, ta muốn vẽ gì cũng được. Vì luật di truyền, trẻ sơ sinh đã mang sẵn, từ lúc lọt lòng, những mầm rễ của nét tốt hay tật hư, do tổ tiên hay cha mẹ, đã chuyên di cùng huyết thống. Nhân đó, đã có một vài trẻ trọng tội từ lúc mới sinh (3), sau này, thể nào cũng trở nên những kẻ gian tà, độc ác, không có sự giáo huấn nào thay đổi được. Bởi lẽ đó, không phải học sinh nào cũng có thể khá giả, và câu thơ của V. Hugo :

(1) — « efforts réfléchis, par lesquels on aide la nature dans le développement des facultés physiques, intellectuelles et morales de l'homme, en vue de sa perfection, de de son bonheur et de sa destination sociale. » — Larousse Universel.

(2) « L'homme est bon, sorti des mains du Créateur ; c'est la société qui le déprave ».

(3) criminel-né.

« Mỗi trẻ thụ giáo là một người đáng kể (1) » không còn được công nhận là hợp-lý nữa.

Nhưng có phải vì thế mà ta có quyền nghi ngờ hiệu lực của khoa sư-phạm, rồi ngờ vực cả giá-trị của ông thầy được chăng ? Không. Những trẻ, mà lời giảng dạy của giáo chức giống như nước đổ lá khoai, chỉ là thiều số, một vài cây cỏ dại trong một ruộng lúa mênh mông ; những mầm xấu, diêm hư, do tiền nhân truyền lại, thường chỉ là những vết-tích mong-manh, gạt rửa không quá khó nếu ta biết áp-dụng những phương-pháp thích-nghi.

Vấn biết ít nhiều phụ-huynh học sinh tỏ vẻ hoài-nghi đối với các chương-trình học-khóa, và ngạc-nhiên, khi thấy con em phải rèn tập về nhiều môn học, mà sau này, chúng sẽ lãng-quên hay không bao giờ áp-dụng. Sự thắc-mắc ấy không có lý-do tồn-tại. Tâm-lý-học đã cho ta biết : những điều học hỏi, dù sau này trẻ không còn nhớ, cũng vẫn lưu lại trong tâm-hồn của chúng, ăn-nấu trong tiềm-thức hay vô-ý-thức của mỗi cá-nhân, để giúp ích rất nhiều cho tính-tình và trí-năng. Chỉ một tí-dụ cụ-thể, cũng đủ chứng-minh điểm đó. Nhà văn-hào Taine có một nữ-tỳ đã cao niên. Một hôm, chị ta nôi con sốt rét liên-miên, rồi nhắc đi nhắc lại những câu nói bằng tiếng hy-bá-lai một thứ tiếng nàng không hề hiểu biết. Nhà văn lấy làm ngạc-nhiên, sau cố tìm tòi mới rõ rằng : trước kia, nàng đã từng ở với một mục-sư, và hàng ngày, đã nghe đọc kinh bằng chữ hy-bá-lai. Dù nàng không còn nhớ, nhưng các câu đó đã thâm nhập vào tâm khảm, rồi trong cơn bệnh mê-mạn, tâm hồn bị đảo lộn, các tiếng kia đã từ vô-ý-thức và tiềm-thức chuyên sang ý-thức trường, mà phát lộ nên lời. Xem như thế, thì các môn học, dù trẻ sẽ lãng quên, cũng còn lưu lại trong tâm hồn, trà-trộn với các khảo-cứ cổ-hữu, mà biến cải cả tính-tình cùng trí-não của cá-nhân. Nếu xét từ khi nhập học đến lúc tốt nghiệp ở trường ra, ta thấy học-sinh đã thay-đổi nhiều, tiến-bộ nhiều, về cả cách cảm-súc, xét-đoán, lý-luận, hiểu-biết, thì rõ ngay là các môn học, đâu không được trực tiếp áp-dụng trong thực-tế, hay đã bị xóa-nhòa trong ký ức, cũng vẫn giúp ích rất nhiều, chẳng giống như công đá trảng xe cát. Phải chăng, vì thế, mà Herriot đã nói : « Văn-hóa là cái gì còn lại, khi ta đã quên hết các điều học hỏi (2) » Khoa sư phạm, cũng như các khoa-học khác, không thể có một hiệu-lực vô biên, tuyệt đối ; song, nó vẫn cần-thiết cho việc tiến tu, và ông thầy vẫn có ảnh-hưởng sâu-xa, đến việc rèn-luyện thanh-niên.

(1) Chaque enfant qu'on enseigne, est un homme qu'on gagne.  
(2) La culture est ce qui reste, quand on a tout oublié.

Giáo-chức đã có một sứ-mạng cao-cả như kia, lại đâu được những kết-quả hiển-nhiên, hữu-ích, thì thật đáng quý, đáng trọng, là chừng nào. Ta thử lần giở các trang sử, để xem qua, trong thực-tế, từ cổ tới kim, ông thầy đã giữ một địa-vị ra sao trong xã-hội. Thiết tưởng đó không phải là một vấn-đề dành riêng cho nhà giáo, mà còn là một chi-tiết đáng hấp-dẫn sự chú ý của hầu hết những ai tha-thiết với thanh-niên, và trông đợi ở tương-lai.

## I. — Thời cổ-đại

Lịch-sử hoàn cầu cho ta biết về thời cổ-sơ, chưa hề có nhà giáo, tức là chưa có ai chuyên về ngành giáo-dục. Con trai theo cha đi săn-bắn, để bắt chước ; con gái thì xem mẹ thổi nấu hay cấy cày, rồi tự mình tham-gia công-việc.

Sau bao nhiêu cố gắng, đến khoảng năm bốn ngàn trước tây-nguyên, nền văn-minh nhân-loại đã bắt đầu chớm nở tại lưu-vực ba con sông Nil, Euphrate và Indus, rồi lan-tràn sang cả Trung-Đông. Ít lâu sau, dân Trung-Hoa ở đồng bằng sông Hoàng-hà cũng có một nền văn-hóa rất cao. Đó là thời cổ-đại. Tại các khu-vực kể trên, người ta đã biết tổ-chức nền giáo dục. Nhà giáo đã xuất-hiện tự đó, và đã giữ ngay một địa-vị phải chăng trong đoàn-thể.

Thật vậy, khi người Ai-cập tới sinh cơ lập nghiệp ở lưu-vực sông Nil, hợp thành một xã-hội thiên về canh-nông, thì nhân-dân chia ra làm bốn giai-cấp khác nhau : trên là các tu-sĩ, tức là những học-giã, được mọi người quý-trọng ; nhì là công-chức, những thư-ký làm trong văn-phòng ; ba là binh-sĩ ; hạng cuối là nông-dân, chịu đựng đủ thứ thiệt-thòi. Thế mà, nhà giáo, ít ra là về lúc đầu, lại toàn là các mục-sư, thuộc vào hạng thượng-lưu trí-thức, đã giàu có, lại sẵn nhiều uy-thế. Điều đáng tiếc là ông thầy đã tỏ ra rất nghiêm-khắc, hay dùng roi vọt để trừng-phạt học-sinh.

Ở Ấn-Độ, trong thời-kỳ này, giáo-chức đã rộng-rãi đối với các sĩ-tử, nhưng vẫn không thể chống lại với chế độ giai-cấp, đến nỗi không có quyền thu-nhận đệ-tử trong hàng nô-lệ, mà người ta gọi là sourdras hay parias.

Tại Ba-Tur, vào thế-kỷ thứ VI trước Tây-nguyên, nền giáo-dục đã có nhiều đặc-điểm đáng khen, nên trong cuốn « La Cyropédie », nhà văn-hào Hy-Lạp Xenophon đã không rút lời ca-ngợi. Việc rèn-luyện thanh-thiếu-nhi được coi là nhiệm-vụ của Quốc-gia, và bắt đầu từ 7 tuổi, con trẻ phải theo huấn-lệnh của Chính-phủ, đến ăn ở tại các công-thự thích-nghi. Giáo-

chức lại càng đáng cho chúng ta chú ý hơn nữa, vì đó là lần đầu tiên trong lịch-sử hoàn-cầu, ông thầy đã do nhân-dân bầu lên, để chuyên về nghề giáo-dục.

Đến Trung-Hoa, thì sự học-hỏi đã có phần tinh-tiến. Sắp-sĩ vào thời-kỳ đế-Quốc Ân-Đỗ, người Tàu đã có một nền văn-minh xứng-dáng; rồi rạng thế-kỷ thứ V trước tây-nguyên, quốc-học xứ này đã được khuyếch-trương mau chóng, nhờ có ảnh hưởng sâu rộng của vị vạn thế sư-biêu Khổng Phu-Tử. Qua bao nhiêu thế-kỷ, Khổng giáo đã làm nền tảng cho văn-minh Đông-Á, gây thành những quan-niệm luân-lý cao-siêu, và sinh-xuất biết bao anh-hùng liệt-nữ. Hơn nữa, ngay giữa thời khoa-học nguyên-tử hiện-đại, đứng về phương diện đạo-đức, tinh-thần, với các nguyên-tắc : « nhân, nghĩa, lễ trí, tín » hay « tu, tề, trị, bình », với nho-phong sĩ-khí, với tính cách quân-tử và thái-độ chân-chính, Khổng-Tử vẫn là một nhà giáo-dục gương mẫu, đáng cho chúng ta khâm-phục noi theo. Ta không thể không nhắc qua tới tiêu-sử của Ngài.

Sinh năm 551 trước tây-nguyên, dưới thời nhà Chu, tại nước Lỗ, thuộc tỉnh Sơn-Đông ngày nay, Ngài húy là Khuru, có người dục là Khâu, tự là Trọng-ni. Ngài tâm-vóc cao-lớn, mắt lồi, mũi rộng, hầu lộ, tai bạt, răng hở, mặt to và có những vạch như quả dưa chín, mồm rộng, râu nhiều, ngực nở, người có sức khỏe và đi nhanh. Tính tình Ngài ôn-hòa mà nghiêm-trang, cương-quyết mà nhân-hậu. Ngài mất năm 479 trước tây-nguyên, hưởng thọ 72 tuổi.

Lúc thiếu-thời, chơi với trẻ, Ngài ưa bày đồ cúng tế, bộc-lộ cái bản tính trọng điều lễ nghĩa. Lớn lên, Ngài say-sưa học hỏi, luôn-luôn nhận xét đề-hiêu biết đến nơi, đến chốn. Sách chép hồi 28-29 tuổi, Ngài đến khảo cứu tại Lạc-ấp, nơi có kho Minh-đường do nhà Chu-lập ra, để chứa những luật-lệ và những bảo vật của các thánh hiền đời trước. Ngài ưa đàn hát. Khi ở nước Tề, Ngài vui-vẻ học nhạc thiều trong ba tháng, đến nỗi ăn thịt mà không biết vị.

Sau khi đã giúp nước Lỗ, làm tới chức Đại-tư-khẩu, sau khi đi chừ-đu các nước Vệ, Tống, Trần, Sái, Ngài đã lui về quê hương dạy học. Ngài sưu-tầm những lời huấn-cáo, những tư-tưởng, những chế-độ của các bậc thức-giả thời trước, rồi dùng đó làm tài-liệu, thêm vào những ý-kiến và những điều sở-đắc của mình, mà rèn luyện các môn-đệ. Ngài soạn lại kinh Thi, kinh Thư, dịch kinh Lễ, kinh Nhạc, phê bình kinh Dịch, và làm kinh Xuân Thu.

Cách giảng-dạy của Ngài là cách đối-thoại. Ai không hiểu điều gì đến

hỏi, thì Ngài tùy tư-chất và hoàn-cảnh từng người, mà chọn lời chỉ-bảo. Ngài chú trọng đặc-biệt đến đạo-đức, nên đã nói : « Người đi học, vào thì hiểu, ra thì để, cầu mà tín, yêu mến mọi người mà thân cận người có nhân ; có làm được những điều ấy, thì mới học làm văn-bài ».

Tuy nhiên, Ngài không quên bảo ta phải học hỏi cách vật, trí-tri, đề-luôn đề-luôn tiến-hóa không ngừng, « nhật-nhật tâm, hựu-nhật tâm ».

Chính một phần lớn nhờ ở Khổng-giáo, mà nước ta đã có một nền Quốc-học, một nền văn-hóa vẻ-vang. Nho-phong và sĩ-khí lại đã hun-đúc biết bao kẻ anh-hùng liệt-nữ, để bảo vệ non-sông, chống lại các cơn giông-tổ.

Ngay lúc sinh-thời, Đức Khổng đã được coi là một thánh-nhân, nên khi Ngài mất, đệ-tử đã thương khóc-thâm-thiết, hơn một trăm người làm nhà ở gần mộ cho đến hết tang. Riêng Tử-Lộ đã ở đó trọn sáu năm trời. Trong số hơn 3000 học-sinh của Ngài, 72 người đã nổi danh là tài-đức, đời sau đã suy-tôn là Thất-Thập-Nhị-Hiền.

Tiếc thay ! đến các thế-kỷ sau, người ta đã áp dụng đạo Khổng một cách sai-lầm, và mắc phải nhiều ngộ-nhân. Người ta đã :

- làm vào nạn học từ chương, tầm văn trích cú, chỉ gắng công về ký-ức, và quá tin-tưởng vào các tác-phẩm ấn-loát, do tiền-nhân để lại,
- coi thường cả khoa-học và chuyên-môn,
- quá ư nệ-cổ, và chỉ nhắc tới những đức-tính tiêu-cực, không rèn luyện trí-sáng-kiến, óc tìm-tòi, tài phát-minh, tình đoàn-kết và tính tự-do.

Vì đó, văn-minh Trung-Hoa đã lên tới một trình-độ rất cao, rồi đứng lại, để các nền văn-minh Âu-Tây — giàu trí-sáng-tạo và mạo-hiêm — vượt hẳn lên, trong mấy thế-kỷ vừa qua.

Cũng về thời-cổ-đại, ta nên xét qua địa-vị của giáo-chức, trong các nền giáo-dục đã trực-tiếp ảnh-hưởng đến Âu-Tây, tức là trọng các xứ Hy-Bá-Lai, Hy-Lạp, và La-Mã.

Tại Hy-Bá-Lai, nhân-dân tôn-trọng sự học-vấn không kém gì ở Trung-Quốc, đến nỗi một pháp-sư đã kêu lên : « Thánh-đường có thể sụp-đổ, nhưng con trẻ cần phải đi học mới được » (1). Nhân đó nhà giáo rất được quý-trọng và được coi hơn cả cha-mẹ, như tại nhiều nước Á-Đông. Tuy nhiên, ông thầy bắt-buộc phải là người có tài-đức, và đã lập gia-đình ; quàn chúng lại đặc-biệt ưa chuộng những giáo-viên đã có tuổi.

(1) — Périclès le sanctuaire, mais que les enfants aillent à l'école.



Ở Hy-Lạp, từ thế kỷ thứ X đến thế kỷ thứ IV trước tây nguyên, dân tộc đã có một nền mỹ-thuật, triết-lý, khoa-học và chính-trị phồn-thịnh mà người ta đã mệnh danh là « Phép màu Hy-Lạp » (1). Nhà giáo-dục, do Chính Phủ bảo trợ, đã đóng một vai trò quan trọng trong nền văn-minh ấy ; nhưng công việc giáo-dục ở mỗi nơi một khác, như ở Sparte thì thiên về binh-bị, mục-dịch để giữ-gìn tể-quốc, ở Athènes thì cố gây thành những con người hoàn-hảo về cả thể, trí và đức dục, nên đã có ảnh hưởng sâu xa tới nền giáo-dục Âu-Tây sau này. Cũng vì vậy, giáo-chức ở Sparte thì tụ-tập học-sinh từ 7 đến 20 tuổi, trong các trại thanh-niên, để dạy chúng ăn uống kham khổ, đi bộ rất xa, chịu sự đánh đập tàn nhẫn, đến nỗi có khi thân-thể đầm máu, lại có lúc rèn cho chúng ăn tộm thực-phẩm để sửa soạn cuộc tranh-đấu với kẻ thù. Dù có phù-hợp với một hoàn-cảnh đặc-biệt, với tình-trạng hai vạn rưỡi công-dân tới cai-trị một xứ có 10 vạn người Hilotes, và 25 vạn người Périèques, tức những người có thể chống cự lại bất cứ lúc nào, cách dạy quá ư khắc khổ và thiếu tinh-thần đạo-đức ấy, cũng là một phương-sách quái-gở. Giáo-chức áp-dụng một chế-độ như vậy, thực không lấy gì làm vẻ-vang, đối với đấng-luận nghìn đời. Trái lại, ở Athènes, ông thầy có một nhiệm-vụ xứng-đáng hơn, cao-cả hơn, và rèn-luyện thanh-thiếu-niên về đủ các môn như văn-chương, khoa-học, triết-lý, ca, vũ, nhạc, kịch, không bó-buộc trong vòng tư-lợi, muốn tạo nên những con người vừa đẹp-đẽ vừa nhân-tử. Kịch nhạc, đàn hát, những cuộc tiêu-khiển và những biểu-diễn mỹ-thuật, trong một bầu không-khí trong-trẻo, dưới một vòm trời tươi-sáng hay êm-đềm, giữa những lâu-đài cân-đối, nguy-nga, đã khiến cho tuổi xanh vui mà học, biết thưởng-thức những sáng-tác của tinh thần. Ở đây, ta lại hành-diện có một nhà giáo, mà danh thơm đã lưu truyền muôn thuở, không khác gì Khổng Phu Tử ở Á Đông: đó là Socrate. Ông sinh tại địa-hạt Alopèce, gần thành Athènes, năm 468 hay 470 trước tây-nguyên, mất năm 400 hay 399, cha là một nhà điêu-khắc, mẹ là một sán-bà. Ông khuyên đệ-tử nên tự xét mình, để biết những nét hay, cần phải trau-giồi, và những tật xấu, cần phải rút bỏ, ngõ hầu hành-động cho phải đường, hợp lý. Về sự-phạm, ông dùng phương-pháp đối-thoại (2) để giảng dạy, — một phương-pháp gồm có hai phần: sự chăm-biếm (3) để chữa các sai-lầm, và vấn-giáo pháp (4) để tìm ra chân lý. Ông luôn luôn dựa vào qui-nạp (5), để đi từ các khảo-sát thông-thường tới những khái-quát tân-kỷ.

(2) — Miracle grec.

(1) dialogue. — (2) ironie. — (3) maieutique. — (5) induction.

Xét ra, Khổng Phu Tử cũng thường áp-dụng phương-pháp đối-thoại, để diễn giảng, nhưng đã căn-cứ vào các tài liệu lấy trong dĩ-vãng, mà suy-luận thêm ra. Vì vậy, người đương thời dễ hiểu biết Đức Khổng Tử, và đã một lòng khâm phục, nhưng, về sau, thế nhân cũng đã dễ hiểu-làm, mà sinh ra nệ cò. Đó là một kết quả tai-hại, mà chính Đức Khổng cũng không hề ngờ tới.

Trái lại, Socrate căn-cứ vào thực-nghiệm, vào hiện-tại, mà phát-minh ra những ý-tưởng mới-lạ, nên nhiều người đã không hiểu hay không muốn hiểu, nhất là ông lại có tính ưa chăm-biếm, không ngại tố-cáo những điều sai lầm của các kẻ xung quanh. Chẳng bao lâu, vài ba nhân-vật (1) vô-tài và đố-kỵ, đã vu-khống cho ông là đã xúc-phạm đến quốc-giáo, gieo hư-hại cho thanh-niên. Các đệ tử xin ông lần tránh, nhưng ông nhất quyết không nghe ; ông cam chịu tội và sau khi đã thảo luận lần cuối cùng về sự bất-diệt của linh-hồn, ông đã diêm-nhiên uống độc-cần tự tận. Vì nêu lên những diêm-tân-kỷ, nên ông dễ gây ra ngờ-nhận ; song hậu thế đã theo gương ông, mà luôn luôn tìm tòi, sáng kiến ; qui-kết là các dân-tộc Âu Tây, đã chịu ảnh hưởng của ông, mà lẹ bước không ngừng trên đường tiến hóa, không quá ư thiên lệch về dĩ-vãng xa-xăm.

Còn người La-Mã thì tuy xâm-chiếm đất đai Hy-Lạp, nhưng họ đã chịu ảnh-hưởng sâu-xa của dân tộc Hy, về giáo-dục cũng như về các ngành văn-hóa khác. Các nhà quý phái lại thường gửi con sang Hy-Lạp, để theo học những nhà hùng-biện trứ-danh. Tuy nhiên, một đặc-diểm ta nên chú ý là nhà giáo La-Mã đã luôn luôn tiếp-xúc các phụ-huynh học-tinh ; họ cho trẻ ngồi ngay xuống đất, hoặc ở giữa trời hoặc ở một ngôi nhà trú mưa, hoặc ở trong một căn phòng, nhưng lúc nào cũng sẵn-sàng để cha mẹ hay người nhà tới chứng-kiểm các buổi học, mà xem xét con em rèn tập. Nhân đó, ông thầy được các gia-đình thân mến, rồi các nhà cầm quyền cũng đã đặc-biệt lưu tâm đến đời sống vật chất của giáo giới. Các bậc Hoàng đế đã hạ lệnh cho các thị xã có học đường phải trả tiền giáo-chức. Hơn nữa, Vespasien đã trừ-liệu việc cấp lương, và Julien đã can-thiệp trong việc lựa chọn ông thầy.

## II. — Thời trung-cổ (395-1453)

Sau khi man-dân xâm-lược, không những đế-quốc La-Mã sụp-đổ, mà nền văn-minh Âu Tây cũng đã từng sút-kém. Bị lôi cuốn theo hoàn-cảnh của thời-dại, nhà giáo đã mắc nạn hư-vấn, và đã giảng dạy theo lối từ-chương vô-nghĩa. Muốn hiểu rõ, ta chỉ cần đọc qua mấp lờ đối-thoại sau

(1) phụ gia Anytus, nhà thơ vô tài Mèlius và nhà biện sĩ Lycon.

đây, giữa Alcuin và Pépin, — những lời mà người ta thường kể ra làm tí dụ :

- Pépin : Văn tự là gì ?
- Alcuin : Là phương pháp bảo tồn lịch sử.
- P. — Ngôn ngữ là gì ?
- A. — Là đại biểu điển giải các tính tình của tâm hồn.
- P. — Tại sao ta lại có ngôn ngữ ?
- A. — Đó là nhờ có lưỡi.
- P. — Lưỡi là gì ?
- A. — Là roi quật không khí.
- P. — Không khí là gì ?
- A. — Là một thứ bảo tồn đời sống.
- P. — Đời sống là gì ?
- A. — Là một cuộc vui cho người có hạnh-phúc; một cảnh khờ

cho kẻ khôn-nạn, một sự đợi chờ cái chết.

Hoặc :

- Con người ta là gì ?
- Là nô-lệ của cái chết, là du khách hay kẻ trú ngụ ở thế-gian.
- Thế-gian là gì ?
- Là nơi có sáu phía.
- Sáu phía ấy là gì ?
- Là phía trên, phía dưới, phía trước, phía sau, phía tả, phía hữu.

Tuy nhiên, ta chớ nên tưởng-lầm rằng : nhà giáo nào, về đời Trung-Cô, cũng đều có một cách dạy vô-ý-thức như kia. Ta cũng cần đánh tan cái thành-kiến bất-công của ít nhiều học-giả, coi thời Trung-Cô ở Âu-Tây như một thời quá ư tối-tăm, man-đá. Thực ra, các tu-sĩ đã thiết-lập ở suốt Âu-Châu, những học-đường để dạy-dỗ các ngoại-trú học-sinh, mà phần đông là những người ngoại-đạo, như đạo-viên Mont-Cassin ở Ý, Saint-Victor và Cluny ở Pháp, Saint-Gall ở Thụy-Sĩ, Fulda và Hirschau ở Đức, Canterbury ở Anh, Armagh ở Ái-Nhĩ-Lan... Các cơ-quan đó đã bảo-tồn cô-học, giữ-gìn những kho tàng kiến-thức mà đời trước đã tìm ra, những kiến-thức làm mầm rễ cho nền văn học sau này.

III.— Thời Phục-Hưng.— Tới thế-kỷ thứ XVI với phong-trào Phục-Hưng, và nền Tôn-Giáo Cải-Cách, nhà giáo đã canh-tân phương-pháp sư-phạm, và gây lại cái uy-tín đã hầu như mai-một, trong sương-mù trung-cô. Rabelais đã tổ cáo nền giáo-dục cũ, và kể truyện chàng Gar.gantua, một học-sinh đã dầy công nghiên-cứu thi-thư trong suốt hai mươi năm ròng, có thể đọc nhiều bài ngược lại một cách thuộc lòng, « thế mà

chàng thâu được kết-quả gì, lại, hơn nữa, đã thành ra điên-dại, mơ-hò và khờ-khạo » (1). Luther đã gửi thư cho các nhà tư-pháp và các nguyên-lão người Đức, mà nói rằng : « Sự thịnh-vượng của một đô-thị không phải chỉ do những nguồn lợi thiên-nhiên, những tường thành kiên-cố, những lâu đài diễm-lệ, và những công-binh-xưởng đúc nhiều khí-giới, mà ra đâu ; sự hưng-vong và lực-lượng của đô-thị, trước hết phải căn-cứ vào một nền giáo-dục xứng-dáng, để đào-tạo những công-dân có học, biết suy-xét, trung-trực và lễ-độ... Dù không có linh-hồn, không có thiên-đàng và địa-ngục, đi nữa, chúng ta cũng cần có học-đường để làm tròn những công việc ở thế-gian... » (2) Luther lại chỉ-trích nghiêm-khắc : « Sự hung-hãn không thể khiến trẻ yêu thầy được. Nền giáo-dục đó chỉ làm hư-hại, nó tạo nên những con người giả-dối, vì một khi ông thầy vắng mặt, các trò sẽ bẻ tan roi vọt, mà vút vập đóng lửa » (3).

Từ đó, giáo-chức đã cho những bài học không quá dài, mà đầy đủ ý nghĩa, rồi cứ mỗi ngày, mỗi tháng, mỗi tam cá nguyệt, hay mỗi năm, lại không quên hỏi lại. Nhà trường tập cho học-sinh chăm chỉ, đứng đắn mà không cần đến roi vọt. Nền học đã thu được những kết quả khả quan, và đã sinh xuất ra nhiều bậc có tài như Descartes, Bossuet, Molière, Voltaire, Diderot, Condorcet, Joseph de Maistre.

(Xem tiếp trang 1740)

(1)... ne profiterait en rien, et qui pis est, devenait fou, niais, tout rêveur et rassolé...

(2) La prospérité d'une cité ne dépend pas seulement de ses richesses naturelles, de la solidité de ses murs, de l'élégance de ses maisons, de l'abondance des armes de ses arsenaux ; le salut, la force d'une cité résident surtout dans la bonne éducation qui lui donne des citoyens instruits, raisonnables, honnêtes, bien élevés...

(3) « La violence ne peut pas faire aimer les maîtres. Cette éducation corrompt, elle fait des hypocrites, car lorsque le maître est absent, l'élève brise la férule, et la jette au feu... »



# KÊ THÙ CHÍNH CỦA TRẦN-HƯNG-ĐẠO

(tiếp theo V. H. N. S. số 14)

của CHÀNG HAI  
và NGHI-BA

## II. — TÒ-CHỨC CỦA ĐẾ-QUỐC MÔNG-CÒ

### A. — Kê tò-chức : Tchinguiz Khan

**T**UY không cùng một thành-kiến với cò-nhân,— một thành-kiến, khi nói tới nước nào, thì chỉ nhắc đến vua nước đó thôi,— nhưng vì Tchinguiz Khan đã tự tay tạo nên cái lực-lượng Mông-Cò, thời phi tìm hiểu rõ Tchinguiz Khan, ta sẽ không sao hiểu nổi lực-lượng ấy.

Trái với trí người thường tưởng-tượng, Tchinguiz Khan tướng-mạo không có chỉ là hung-dữ. Theo bức vẽ (hình trang 1724) tàng-trữ trong thư-viện Hoàng-Gia tại Bắc-Kinh, đã được chụp lại và phổ-biến hồi năm 1928, và theo những ký-sự đồng thời, Tchinguiz Khan là một người tâm-óc cân đối, rất lực-lượng, nét mặt tươi đẹp, tóc màu hung và mắt xám xanh.

Sức mạnh tinh-thần của Tchinguiz Khan phù-hợp với hình dáng ấy. Trước hết, vốn giòng-giới quý-phái, Tchinguiz Khan thiên về quý-tộc. Tuy nhiên, không vì thế mà không biết trọng dụng những kẻ xuất-sắc trong đám thường dân : Djalmé, con kẻ đóng móng ngựa cho cha chàng, mà sau cũng được cất nhắc lên đến chức đại-thần, vì có tài tò-chức.

Tchinguiz Khan là người chuộng nghĩa, và rất thủ tín. Trong buổi thiếu thời, còn hàn vi, Tchinguiz Khan đã gặp-gỡ một trang thanh niên, tên Bogourtshi, trong một cuộc đuổi giặc đến cướp của mình 8 con ngựa. Vì được Bogourtshi hào hiệp ra tay giúp đỡ, Tchinguiz Khan tới thăm cha chàng là Nabou Baiane đề cảm ơn, cũng kết bạn với Bogourtshi. Từ đó về sau, khi hoạn-nạn cũng như lúc lên ngôi báu, bao giờ Tchinguiz Khan cũng một niềm quý trọng bạn. Đề đền ơn tri ngộ, Bogourtshi đã thành một danh tướng cực kỳ trung dũng của Tchinguiz Khan.

Một lần, trong khi chiến đấu với Jamuga, con ngựa Tchinguiz Khan cưỡi bị một phát tên rất mạnh bắn chết. Sau trận đánh, một viên tướng địch là Djiroudai bị bắt, tới yết kiến Tchinguiz Khan, thú nhận đã chót bắn mũi tên đó và tiếp : " Nếu ngài giết tôi thời máu tôi chỉ đủ làm loang một miếng đất rộng không hơn một bàn tay. Nếu dùng tôi, thời tôi sẽ hứa trung thành, và vì ngài sẽ chận đứng nước sâu, đập tan đá cứng. » Tchinguiz Khan không giận Djiroudai đã vì trung với Jamuga mà bắn mình, trái lại, khen là kẻ trung-trực và can đảm, bèn thu dụng làm tướng, và đặt tên cho là Jébé, tức là « chiếc tên », để kỷ niệm cuộc gặp gỡ này. Jébé lúc đầu được coi có 10 tên quân của Tchinguiz Khan, thế mà sau được Tchinguiz Khan biết rõ tài, cất nhắc lên làm đại tướng, đó là một trong hai viên hổ tướng đã làm chấn động cả Á lần Âu.

Lại trong một trận hỗn chiến với Vương-Hãn, viên tướng cai-quản hậu-quân của vị này, đã liều chết ngăn cản Tchinguiz Khan trong ba ngày liền, để cho chủ tướng đủ thời-giờ chạy trốn. Không hề tức giận vì việc mình bị lỡ, Tchinguiz Khan chỉ nghĩ đến sự trung-dũng đáng phục của tướng ấy, nên khi bắt được đã tỏ lòng hàm-mộ bằng cách biệt-dải như ban hữu. (theo Nguyễn Triều bí sử).

Đối với dân chúng, Tchinguiz Khan cũng rất trọng lời hứa. Trong những trận đàn áp khốc-liệt, chính ngay địch-thủ của Tchinguiz Khan cũng không thể chỉ trích một hành-dộng nào do ý muốn thất-thương của Tchinguiz Khan gây ra, trái với lời đe dọa trước, hoặc các điều đã ký kết.

Tchinguiz Khan đủ tài thao lược, trong suốt một đời chinh-chiến không hề thua một trận nào, dù nhỏ, dù nhỏ, thế mà vẫn rất quý trọng các hiền sĩ, cầu học điều hay, chịu nghe lời phải. Tchinguiz Khan học học, nhưng rất ưa văn-hoá, chứng cứ là khi bắt được Tatatonga (Tháp tháp tổng a) người xứ Uigur (Uý Ngó Nhi) làm quan chưởng-ấn cho Tayan Khan (Thái Vương Hãn) thì thu phục ngay đề dạy-dỗ thần dân của mình.

Tới khi hạ được nước Kim, Tchinguiz Khan thấy trong đám tù binh có vị hoàng-thần người K'i Tan (Khê đơn) là Ye Liu Tch'ou Ts'ai (Gia Luật Sở Tái), một hiền-sĩ hấp-thụ nên văn-minh Trung-Nguyên, liền không ngần ngại thu dụng làm mưu thần.

Quả Tchinguiz Khan có con mắt tinh đời, vì Ye Liu Tch'ou Ts'ai và Tatatonga đã biến đổi cái đế-Quốc Mông-Cò tạp-hợp thành một tò-chức có quy-cử chặt-chẽ và hưng-thịnh.



Nghe đồn có vị tu-sĩ Kieou Tch'ang Tch'ouen (Khâu Trường Xuân) theo đạo Lão có thuốc trường sinh bất tử, Tchinguiz Khan cố vờ vì vậy cho bằng được tự Bắc-Kinh tới Trung Bộ châu Á, là nơi mình hành quân. Bao nhiêu lâu chờ đợi, thế mà khi vị tu-sĩ tới nơi, lại trả lời cho biết là thuật trường sinh có được, chứ thuốc làm cho bất tử thời không. Trái với thói thường của các vị vua chúa độc tài, mỗi khi phật ý là gieo thãm họa cho bao kẻ khác, Tchinguiz Khan rất thất vọng, nhưng không nổi cơn bịnh-nộ, mà lại hậu thưởng Kieou Tch'ang Tch'ouen vì lời tâu chính trực ấy.



Tchinguiz Khan

Tchinguiz Khan qua một thời niên-thiếu gian-truân và đã bị đàn áp nên khi trưởng thành chỉ những mong phi chí quật khởi, dè bẹp tất cả những kẻ trước đây tróc nã mình. Chắc có lẽ trạng thái tinh thần đó đã làm cho Tchinguiz Khan, trong một bữa hợp mặt với Bogourtsi và chư tướng, đã thốt lên những lời như sau :

« Cái thú tuyệt đích của ta là đẹp kẻ phản nghịch, chiến thắng quân thù, tàn sát chúng, xua đuổi kẻ bại trận, cướp lấy của cải, cưới ngựa tốt của chúng, xem thân quyến chúng khóc lóc thờ than, và chiếm lấy vợ con chúng... »

Cái thú đó thực là hợp với bản-chất hung-hãn của dân Mông-Cò !

Biết rõ tài mình và chí mình, lại chỉ tin vào chính sách võ lực và bạo động, Tchinguiz Khan chuyên quyền độc đoán và tập trung quyền hành đến cực độ, đó là điều chưa bao giờ thấy thực hiện giữa các bộ lạc du mục rời rạc, đến ngay tại Trung Nguyên cũng chưa hề có vị Hoàng Đế nào làm.

Tuy vậy, Tchinguiz Khan không độc đoán như các vị Hoàng Đế Trung Nguyên : Tchinguiz Khan không hề tự ý định đoạt theo sở thích từng lúc, vì như vậy các bộ hạ không sao biết rõ được đường lối phải theo. Trái lại, Tchinguiz Khan cho ghi chép tất cả những điều mình muốn thực hiện và muốn mọi người vâng theo trong hai pho « Billik » và « Djassak ». Để làm gương, chính Tchinguiz Khan cũng không bao giờ xử sự trái với những quyết định đã ghi trong đó.

Ngoài ra, để làm hạ tầng cơ-sở cho một tổ-chức binh bị không-lỡ, Tchinguiz Khan lưu tâm tổ chức nội bộ giàu mạnh, và thiết lập một trật tự thép, đã nổi tiếng là « Trật tự Mông-Cò ».

## B.— Tổ-chức của Đế-Quốc Mông-Cò.

Mức sống của dân du-mục rất thấp kém, họ chỉ biết từng phục những tù trưởng ; họ sống thiếu thốn khổ sở trong những lều ni hoặc len tạt đồng cỏ hay trong rừng, lại thường chém giết cướp bóc lẫn nhau, nên đã suy nhược lại suy nhược thêm, tuy về phương diện cá nhân họ cực kỳ hung hãn. Tchinguiz Khan vượt lên trên các tù trưởng, bắt họ phải khuất phục, và sáng lập ra những nơi trú-chân tên là « Yam », (có lẽ tiếng này sau biến ra tiếng « trạm » của ta chăng ?), để bảo vệ khách thương chu đáo, giữ vững liên lạc giữa uy quyền trung ương với bốn phương, và phân nước ra từng khu vực do các tướng thống lĩnh để thi hành nghiêm chỉnh hiệu lệnh của mình. Nhờ đó mà thống nhất được lực lượng Mông-Cò, đồng thời sự thông thương yên ổn đem lại những mối lợi lớn, làm cho mức sống của dân chúng cao hơn lên.

Nhưng phải đợi tới khi Đế-Quốc Mông-Cò rộng lớn đã thành hình hẳn, ta mới thấy tài tổ chức của Tchinguiz Khan có hoàn-cảnh thi-thố đầy đủ.

Sau khi chiếm được hầu hết châu Á và một phần lớn châu Âu, Tchinguiz Khan lợi dụng những nhân tài thu phục được, như Ye Liu Tch'ou Ts'ai tiêu biểu cho văn minh Trung-Nguyên, Tatatonga giỏi văn tự Uigur, Mahmud Yalawaj hiền sĩ Hồi Giáo, v., v.; để hoàn thiện nền chính trị và sửa sang kinh tế.

Các phương tiện giao thông được mở-mang dưới quyền điều khiển của Bogourtsi, bạn của Tchinguiz Khan từ thuở nhỏ, và Djalmé, con người đóng móng ngựa cho cha Tchinguiz Khan xưa. Theo Marco Polo thuật lại, thời khoảng thế kỷ thứ XIII, đế-Quốc Mông-Cò đã có tới 300.000 ngựa trạm, riêng kể các trạm lớn có nhà trọ sang trọng, đã tới hơn 1 vạn trạm. Những trạm chính đồn trú tới 400 con ngựa tốt, còn các trạm khác khoảng dưới 200 con. Đi lại không những dùng ngựa cưỡi, mà còn dùng cả xe nữa. Chiếc xe nào cũng đóng chuồng để khi tới gần trạm kẻ phục dịch tại đó nghe tiếng, đem sẵn ngựa ra túc trực để thay, để mất thời giờ của hành khách. Sau này, dưới thời Kubilai, các đường xá lại được mở mang rộng rãi, và trồng cây để lấy bóng rợp.

Tổ chức bảo vệ thông thương chu đáo đến nỗi, theo sử gia Abu'l Gâzi : « người ta có thể đội một mâm vàng đi từ phương đông sang đến phương tây mà không bị suy suyền, cướp bóc ! ».

Nền tư pháp được Tchinguiz Khan trao cho người con nuôi là Schigi Koutoukou tổ chức. Lần này, Tchinguiz Khan cũng không chọn làm người, vì Schigi Koutoukou làm tròn nhiệm-vụ, và đã tiến được trước thời đại: trong khi mọi người vẫn chỉ biết dùng cực hình tra tấn để bắt tội nhân cung xưng, thời Schigi Koutoukou đã không ưa lối đó và cho rằng có thể tại đau hay sợ mà tội nhân đã cung liêu!

Đạo luật Billik và Djassack được ghi trên giấy tờ hẳn hoi, do một kẻ sĩ nổi danh tại Trung-Nguyên và 18 đệ tử được Tchinguiz Khan mời sang viết. Tchinguiz Khan đã chọn thề thơ đề cho mọi người để thuộc và đỡ nạn tam sao thất bản. Đạo luật này đã được áp dụng triệt để, nhờ đây mà quyền hành các tướng Mông-Cổ tại các nước bị chiếm đã được quy định hẳn hoi, đỡ nạn ý quyền những lạm. Dân tình cũng nhờ đó mà khá hơn nhiều, tới nỗi vị tu sĩ dòng Franciscain tên là Plan Carpin do đức giáo hoàng Innocent đệ tứ sai sang Mông-Cổ, năm 1247, trở về đã phải công nhận «... dân Thất Đất (Mông-Cổ) vâng lệnh thượng cấp hơn cả các tu sĩ phương tây tuân lời bề trên. Họ trọng vọng thượng cấp và không hề dám nói dối. Họ cũng không hay tranh dành, cãi cọ hoặc chém giết nhau. Thỉnh thoảng chỉ có một vài vụ trộm vặt là cùng. Kể họ mất mục súc, kẻ khác bắt được không chiếm lấy mà lại đem đến trả cho chủ nhân là sự thường xảy ra. Đàn bà thời rất trinh tiết, kể cả trong khi họ vui chơi cũng vậy...» Những lời nói này của một vị tu sĩ đại diện cho đức giáo hoàng, đủ cho ta tin và thực đáng làm cho ta kinh ngạc.

Việc mua bán nô tỳ cũng được quy định, và luật Djassack cấm ngặt « không một ai được quyền dùng người Mông-Cổ làm nô tỳ ».

Điều thứ 9 của đạo luật lại đề cập đến một vấn đề mà ta tưởng chỉ có thời nay mới biết chú trọng tới, đó là: «... từ tháng 3 tới tháng 10 cấm ngặt khộng một ai được săn bắn hươu nai, sơn dương, thỏ, lừa và chim chóc...» Có lẽ đó là đạo luật săn bắn đầu tiên trên thế giới.

Tới thời cháu của Tchinguiz Khan là Kubilai, sau khi chiếm xong Trung-Nguyên, đã từng đào nốt con sông trước đã do Dương-Đế nhà Tùy khởi công, để tiện chuyên vận gạo thóc tới Bắc-Kinh. Nhân thấy nhà Tống đã biết phát hành tiền giấy, Kubilai cũng tiếp tục phát hành và ngay từ đầu đã rất e dè thận trọng đề cho tiền khỏi mất giá. Tới năm 1264, một đạo Dự ấn-định giá cả hàng-hóa, không khác chi quyết định của các

hội đồng hóa giá ngày nay. Chỉ vì sau này các vị thượng thư như Ahmed và Sanga lạm phát làm bậy, đề đến nỗi tiền bị phá giá. Ahmed bị ám sát và Sanga bị Kubilai xử tử, vì tội tiêu lạm công quỹ. Giá trị tiền giấy từ đó không vãn hồi được.

Kubilai lại cho người hàng năm đi khắp đất nước xem xét tình hình mùa màng, để được mùa, thời nhà vua mua bớt chứa vào kho, tới khi mất mùa hoặc thóc cao gạo kém, thời đem ra phát để cứu bản và giữ vững giá sinh hoạt. Một hình thức cứu tế thường xuyên cũng được thiết lập. Một đạo Dự năm 1260 ra lệnh cho các phó vương phải chu cấp cho các nho sĩ già yếu, kẻ mồ côi, người đau yếu hoặc tàn-tật. Một đạo Dự năm 1271 lại thiết lập cả các bệnh viện nữa. Gạo và lúa mạch thời thường được phát cho những nhà nghèo túng, và chính Kubilai cũng hàng ngày phát cho 3 vạn kẻ khó ăn.

Ngồi ra, trong sách du ký của Marco Polo lại từng thấy nói là tại phía Bắc nước Tàu người ta đã biết « khai ở núi một thứ đá đen, đốt cháy như củi, tới tới nổi khắp xứ Cathay — (tên cũ của người Khê-Đôn mà Marco Polo dùng để chỉ nước Kim) — người ta không đốt một thứ gì khác ». Theo lời Marco Polo mô tả tường tận, ta thấy nước Tàu do Kubilai cai trị có một nền thương mại cực kỳ sầm uất, phổ thịnh, đã trở nên trung tâm tập hợp của tất cả các mặt khách thương trên hoàn cầu thời ấy.

o°o

Tuy sử sách không cho ta biết tường tận hơn về tình hình chính trị và sinh hoạt trong đế quốc Mông-Cổ, nhưng chỉ những chi tiết trên đây cũng đủ cho ta nhận thấy rằng những cải cách tiến bộ như: tổ chức giao thông, tập trung quyền hành, soạn-thảo luật pháp, tự do tín ngưỡng, bảo vệ ruộng thú, giữ vững giá sinh hoạt, cứu tế xã hội, lập bệnh viện v.v. cho chỉ tiền giấy mà ta vẫn đinh ninh chỉ bây giờ mới có, đều đã thấy trong cái đế quốc mệnh mệnh kia. Như vậy, tổ chức Mông-Cổ có nhiều đặc tính gần giống như thế kỷ XX hiện nay, hơn là thế kỷ thứ XIII của nó!

### C. — Bộ máy chiến tranh Mông-Cổ.

Tuy cai trị có tài, nhưng chính địa hạt binh bị mới là chỗ Tchinguiz Khan thi thố tài năng một cách lỗi lạc hơn cả.

## TỔ CHỨC VẬT CHẤT :

a) *Người lính Mông-Cò.* Ta hãy nghe lời Fernand Grenard, sử gia của Tchinguiz Khan :

« Ở trại, người lính Mông-Cò đội mũ lông có tai, mang bó tất bằng ni, và đi hia, thêm một chiếc áo tơi bằng lông, dài tới quá đầu gối. Ra trận, họ thay mũ da, che cả đầu lẫn gáy, mặc chiếc giáp mềm làm bằng sợi da đàn, sơn đen. Khi giới công kích gồm hai cây cung và hai ống tên, một chiếc gươm cong, một cái dùi nhỏ, một quả chùy sắt đeo ở yên, một chiếc mũ dùng đánh ngựa địch thủ, và một chiếc thùng lọng tết bằng lông đuôi ngựa. » — Hình vóc họ lực lưỡng, xương cứng, vai to, sức lực bền bỉ. Ngựa họ cưỡi cũng nhỏ thấp, xấu xí, cõ lớn, chân thô, lông cứng, nhưng rất hăng, ăn ít, vó đi rất vững và cũng dai sức lạ lùng. Chính loài ngựa xấu xí nhưng khoẻ mạnh này xưa kia đã từng đưa cái họa Hung Nô (Huns) tới chân thành nước Tàu và làm đảo lộn cả đế quốc La Mã. Tài bầu của họ thực là dị thường, cách 200 đến 400 mét mà mũi tên của họ hạ được địch thủ như chơi.

b) *Hiệu lệnh.* — Cờ của Tchinguiz Khan màu trắng, trên có hình một con chim ưng xám, quắp một con quạ đen. Cạnh cờ đính chín chiếc đuôi con « yak » là một loài trâu ở Á-Đông. Màu trắng tiêu biểu cho danh dự, các chiếc đuôi trâu chứng tỏ sức mạnh, và con số chín phù hợp với chín viên hồ tướng của Tchinguiz Khan.

Khi lâm trận, những chiếc cờ đó tạo sự khủng khiếp trong hàng ngũ địch, vì quân kỵ tiến nhanh như bão, reo hò ầm ỹ, lệnh bằng chiêng trống thường dùng ở trại lúc đó trở nên vô hiệu, binh sĩ chỉ còn theo hiệu cờ mà đánh, phá, tiến, lui. Ngọn cờ ngã về phía nào là cái chết sẽ tràn về phía đó...

Đêm đến, họ ra lệnh bằng đèn đu nêu.

c) *Quân lương.* — Như phần thứ nhất đã từng nói đến, quân của Tchinguiz Khan thật là ít ỏi, so với những chiến công vĩ đại họ phải đạt được. Khi Tchinguiz Khan chết, tổng số quân Mông-Cò không quá 120 ngàn người. Con số này kể cũng đã quá lớn so với tổng số dân Mông-Cò ven ven có 1 triệu.

d) *Chiến đấu.* — Đây là lối đánh quân Mông-Cò thường dùng : Các toán kình kỵ đi trước, tới gần địch quân, vừa tầm là họ bắn ra như mưa. Những

mũi tên độc ác và rất trúng làm cho hàng ngũ địch, chưa đánh lại được đã bị thừa thớt một cách mau chóng. Toán nào bắn xong liền quay trở lại để toán sau lên bắn tiếp, khi địch đã bị rối loạn và yếu thế, những toán giáp trụ hạng nặng của Mông-Cò mới bắt đầu lâm trận. Họ xuất hiện một cách đột ngột. Theo hiệu cờ, họ tiến tới chậm chậm trong một sự yên lặng kinh hoàng, nặng trĩu những đe dọa... Rồi thốt nhiên, họ lao vào xáp chiến, ngựa phi như bay, người và vật hò hét như trời long đất lở, xô đẩy, quật ngã, chém giết tất cả người và vật mà họ gặp...

e) *Hệ thống trong quân đội.* — Tchinguiz Khan chọn những kẻ giòng dõi quý tộc và lợi hại nhất xung vào đội túc-vệ. Đội này, tên là « kachik » gồm chừng 10.000 người, chia làm hai ban : canh ngày và canh đêm. Nhiệm vụ của họ không những là gìn giữ đại doanh của Tchinguiz Khan mà còn làm gương mẫu cho toàn thể quân đội Mông-Cò nữa. Một người lính trong đội túc-vệ có quyền hơn cả vị tướng coi 1.000 quân chiến, và chỉ có Tchinguiz Khan mới có quyền xử họ. Hầu hết các tướng giỏi của Tchinguiz Khan đều xuất thân từ đội túc vệ này.

Ngoài ra Tchinguiz Khan theo phép thập phân, chia quân thành toán 10 người, tướng là « arban », — 100 người tướng là « djaghoun », — 1.000 người, tướng là « mingghan », — 10.000 người tướng là « tumen », — nhiều toán 1 vạn hợp thành 1 đạo quân, tướng là « orkhone ». Các vị tướng coi từ 100 quân trở lên đều được chọn ở trong hàng ngũ tù trưởng (noyan).

Sau này, dưới thời Kubilai, tuy có thêm nhiều quân khác giống, nhưng quân Mông-Cò vẫn giữ nhiệm vụ nặng cốt, và các tướng lãnh vẫn toàn là người Mông-Cò.

Kubilai có sửa đổi chút ít : quân túc-vệ lại được phân ra làm hai : quân « khiph tiết » trực tiếp vâng lệnh Thiên Tử hoặc do Đại thần thay mặt Thiên Tử sai phái, quân các Vệ thuộc các Thân Quân Đô Chỉ Huy Sứ điều khiển và thuộc quyền Khu Mật viện. Còn quân trấn thủ thời tại các lộ lập Vạn Hộ Phủ, và tại các huyện lập Thiên Hộ Sở đều lệ thuộc viện Khu Mật. Những nơi trọng yếu đều do quân Mông-Cò (đồng đội Mông-Cò) và quân Thâm-mã-Xích (thuộc các bộ tộc) trấn thủ. Ngoài ra mới đề cho Hán Binh (người Kim) và quân Tân Phụ (người Tống) đóng giữ.



Tchinguiz Khan chia quân mình ra làm ba đạo : Trung-quân do tướng Ba'arin Naya chỉ huy, ở đó có 1.000 quân túc vệ giỏi nhất do Tchagan, con nuôi Tchinguiz Khan cai quản. Tả Dực và Hữu Dực do Moukali và Bogourtshi thống lĩnh. Ba đạo quân này đồng quay mặt về hướng nam, và chia nhau coi sóc cả đế- quốc Mông-Cò,

g) *Luyện tập quân sĩ.*— Quân-sĩ không những cần can đảm, còn phải thiện chiến, biết tuân theo tướng lệnh. Là dân du mục, Tchinguiz Khan đã tìm được một phương pháp rất hiệu nghiệm, đó là hàng năm, theo luật Djassak, quân lính phải tổ chức một cuộc săn bắn vào mùa đông.

Toàn thể quân đội đều dự cuộc săn, như ngày nay ta tập trận vậy. Trong cuộc săn, quân lính phải bỏ vây một khu rộng lớn, rồi dồn các thú vật vào một khu nhỏ. Lệnh truyền ra, không được để cho một con thú nào lọt khỏi vòng vây, dù là hổ, báo, chó sói, lợn lòi hung dữ, hay một con cày, con cáo. Không những thế, lại cấm ngặt không được làm chúng bị thương trước khi có lệnh đánh giết. Thực là một công cuộc cực kỳ khó khăn, nhất là khi dồn thú qua những khu rừng rậm, đồi núi, hang hốc, hoặc sông sâu, nước cả. Những lúc đó, phải dùng đến thiên mưu bách kế, mới hòng làm nổi nhiệm vụ đã chỉ định, thực có phần khó khăn hơn cả ra trận. Tchinguiz Khan thường đích thân đi kiểm soát, để sau này thưởng phạt công minh,

Khi thú đã dồn vào một nơi rồi, Tchinguiz Khan khai mạc cuộc săn một mình. Sau khi giết đã chán tay, Tchinguiz Khan trở về ngựa trong trường đề cho chú tướng vào săn. Rồi đến binh lính. Cuộc săn bắn diễn ra cực kỳ nguy hiểm, vì thú dữ cùng đường, lại thêm dồn lại đông đặc ở một nơi và đã phải nhịn đói nhiều ngày, nhưng thực không có lối nào tốt hơn để thử tài võ nghệ và tập luyện lòng can đảm cho binh-sĩ.

h) *Chuyên vận.*— Quân đội của Tchinguiz Khan gồm toàn kỵ binh đem theo cả ngựa để thay đổi và để kéo các chiến cụ. Mỗi đạo quân dùng ngựa đồng màu, vì thế khi chiến thắng một xứ nào, thường bắt họ phải nạp bao nhiêu ngựa, và chỉ định cả màu da, để thay thế những con đã chết trận.

i) *Tiếp tế lương thảo.*— Một đạo quân lưu động nhanh chóng như quân Mông-Cò, phải có một lối tiếp tế lương thực cực kỳ hoàn bị mới có thể theo kịp.

Trước hết vấn đề sinh tử là đồng cỏ để cho ngựa ăn. Nhưng đồng cỏ phi nhiều đủ nuôi hàng triệu con ngựa như trong cuộc chinh phạt Hwarizm,

không phải là dễ tìm thấy. Vì vậy, đạo quân do thám của Tchinguiz Khan phải dụng tâm ghi cả những khu có thể đủ cỏ cho ngựa ăn trên đất địch, từ trước khi khởi chiến. Tới khi hành quân, bao giờ cũng có thám mã đi trước hàng mấy trăm dặm (một hai trăm cây số), không những đề báo những đồng cỏ hoặc đầm nước cho ngựa, mà còn đề giữ cho những đồng cỏ khỏi bị mục súc đi qua ăn hết, làm nhớ việc quân.

Lương thực của quân lính thời tới đâu, họ bắt dần nộp thóc lúa gia súc tới đó, có nơi họ lại bắt dần phải gặt lúa và nộp cho họ rồi họ giết sạch ! Cũng có lần, như khi đánh Hwarizm, đề phòng thiếu lương, họ đã chuẩn bị tập trung rất nhiều trâu bò, nuôi cho béo tốt, để khi hành quân đem theo ăn dần.

Quân Mông-Cò có tài chịu nhịn nên thường họ không tan vỡ, dù đã mất đường tiếp tế. Đề-phòng những lúc đó, tên quân nào cũng phải đem theo một số thịt và sữa đã phơi khô, nhưng cấm ngặt không được dùng tới, nếu chưa có lệnh của chủ tướng. Cũng có lúc túng quá, họ chích mạch máu ngựa ra, uống chừng nửa lít, rồi vít lại. Con ngựa mất có bấy nhiêu cũng không hề chi, mà người thì đủ no. Ngựa cưỡi bị thương hoặc bị què, liền đem ra giết thịt.

Nếu việc quân cấp bách, không kịp thời-nấu, họ liền dùng bột gói bằng vải, đeo vào nách lạc-dà, là chỗ rất nóng, có thể làm bột chín thành bánh. Lối nấu ăn thần tình này hồi năm 1806, đã được quân đội Nga-Hoàng dùng đến, trong khi tiến đánh Caucas.

k) *Quân nhu.*— Mỗi tên quân Mông-Cò đều bắt buộc phải mang theo : một chiếc dĩa để mài đầu tên, một chiếc dùi để dùi da, kim, chỉ, một chiếc nôi đủ thời nấu cho mình, và một bình đựng được chừng hai lít.

Khi lâm trận, bắt buộc phải mặc áo lót lụa, vì nó làm cho chảy rịn bớt lan tràn, và nhất là vì lụa dai nên khi tên bắn vào thịt, lối theo cả áo, nhờ đó nhờ tên ra có phần dễ dàng. Điều này rất đúng, đối với cả đạn súng thời nay nữa, miễn là đạn bắn từ xa hoặc tự súng tay, cỡ nhỏ.

l) *Quân y.*— Kể từ khi đánh nhà Kim, quân Mông-Cò đã biết đem theo cả những y sĩ ngoại khoa người Tàu, để chữa cho quân lính.

m) *Khi giết.*— Quân Mông-Cò có xe hạng nặng, rất tiện dụng để lập trại và đề phòng bất trắc vì nấp sau đó, đàn bà con trẻ cũng có thể chống cự được bằng cung tên.

Áo giáp của họ bằng da, chỉ có quân chủ-lực mới một phần được

trang bị bằng giáp sắt mà thôi. Một thế kỷ sau, quân của Batu mới thay đồ da bằng đồ sắt.

Quân khinh kỵ thường chỉ mang theo hai chiếc cung và một số tên, thêm một chiếc kiếm nhẹ, phòng lúc giáp lá cà. Khí giới nặng như trùy, mâu v. v. dành cho quân giáp trụ hạng nặng.

Khí giới công phá lúc đầu không hiệu nghiệm chi mấy, nên phá thành rất chật vật. Tới khi đánh Tống, quân Mông-Cò đã có cả một đạo quân người Kim chuyên về kỹ thuật công phá. Họ có những chiếc máy lớn làm chuyên được cả tường thành, và những chiếc máy ném hỏa cầu, chứa đồ dẫn hỏa, dễ đốt thành địch. Khi đánh trung bộ châu Á, hình như họ đã bắt đầu biết lợi dụng thứ thuốc pháo của Tàu để tạo những trái nổ. Họ dùng thuốc súng phá vỡ chân thành không khác chi dùng mìn ngày nay. Họ lại học được quân Kim cách chế chiến xa do hai chục ngựa kéo những khẩu súng hàng chục người điều khiển và những máy ném đá không lồ, mỗi cỗ phải dùng tới hai trăm người mới đủ.

Riêng một trận phá thành Nichapur, họ đã dùng tới 3.000 máy bắn tên lớn, 200 máy ném đá, 700 máy bắn đồ dẫn hỏa, và tới khi công thành, họ dùng thêm 4.000 chiếc thang và 250 bị đá để lấp hào.

### TỜ-CHỨC TINH-THẦN :

Tchinguiz Khan biết rằng đời sống an nhàn dư dật sẽ làm mềm yếu con người, nên vẫn tin dùng có dân du mục, và trao cho họ tất cả mọi trọng trách. Đoán trước rằng lên tới tột đỉnh phú quý, con cháu mình sẽ mất tinh thần chiến đấu và cơ nghiệp tất phải tan tành, nên đã lập ra luật Djassak, và thời thường lo khuyên răn con cháu phải luôn luôn tuân theo luật đó, và tránh xa họa trụy lạc, mới hồng tồn tại được.

Thời đó, quân lính ra trận không ai là không cướp của, và vì thế lắm khi sai cả dự định của chủ tướng. Tchinguiz Khan cấm ngặt cướp bóc, nhưng đồng thời hết sức công bằng khi chia chiến lợi phẩm. Vì vậy quân sĩ yên trí, sau khi thắng trận không bị mất phần, nên sẵn sàng thi hành triệt để lệnh trên.

Kỷ luật thép của Tchinguiz Khan đã là yếu tố quyết định của những thắng lợi liên tiếp. Sau đây là lệnh của Tchinguiz Khan : « Thắng không được cướp. Khi toàn thắng, chiến lợi phẩm sẽ chia đều. Nếu thất bại, lui về chốn cũ, thời bắt buộc luôn luôn tái chiến cho tới thắng lợi cuối cùng. Kẻ nào tự ý thoái không tái chiến nữa, sau một cuộc thất bại, sẽ bị chặt đầu. » Thật là rõ rệt, giản-dị và danh-thếp.

Một truyện sau đây chứng tỏ Tchinguiz Khan rất trọng chữ tín, và không tha cho một kẻ nào vi lệnh : Khi sai Jébé và Subotai tróc nã Muhammed vua xứ Hwarizm, Tchinguiz Khan đã gửi cho Subotai một tờ chiếu, có đóng ấn son, như sau : « Tất cả các vị vương, vị tướng và thần dân các nơi phải rõ rằng ta đã trao phó cho người tất cả thiên hạ, từ đông sang tây. Kẻ nào hàng người, đều được tha chết, kẻ nào kháng cự, hoặc gây mâu thuẫn, đều phải tử tội. » Ấy thế mà, Tougotshar, con rể của Tchinguiz Khan, khi tới một tỉnh đã hàng phục và được Subotai tha tội, đã ý quyền phò mã giết hại dân lành. Tchinguiz Khan được tin nổi giận, cho bắt ngay Tougotshar về trị tội. Lúc đầu Tchinguiz Khan đã toan chém, sau tha cho tội chết, nhưng cũng tước quyền làm tướng, bắt nhập hàng lính trюн, và về sau Tougotshar đã chết âm thầm trong trận vây hãm thành Nichapur.

Muốn cho quân sĩ có một đức độ cao, Tchinguiz Khan không hề bỏ lỡ cơ hội để tỏ cho họ biết không có gì đáng khinh bằng hèn nhất và phản bội.

Khi quân Mông-Cò vây hãm thành Samarkand, 30 ngàn quân trong thành trốn ra hàng, trước khi thành bị tập kích, đều bị Tchinguiz Khan ra lệnh giết sạch, vì tội hèn nhất phản bội chủ tướng mình !

Tchinguiz Khan lại đề cao những đức tính của ngay kẻ thù mình để cho quân sĩ bắt chước : Khi vấp phải cuộc kháng-cự đứng mãnh của hoàng tử Jalal al Din xứ Hwarizm, Tchinguiz Khan phải ném nốt cả đạo quân túc vệ 1.000 người đứng mãnh nhất của mình vào mới nắm được thắng lợi. Jalal al Din thua chạy tới sông Indus, kháng cự không nổi, phải nhảy xuống sông tầu thoát. Tchinguiz Khan dừng ngựa ở ven sông tỏ theo khen ngợi, và bảo các con : hãy noi theo gương can đảm của vị Hoàng-Tử ấy, một chiến-sĩ đã tranh đấu bền-bì, không chịu khuất-phục...

Tchinguiz Khan không bao giờ tự-đắc là toàn hảo, lại bắt các tướng tìm học các binh pháp của Tôn Võ Tử, Ngô Tử và Tư Mã, chế biến với kinh nghiệm bản thân cho binh pháp hoàn bị.

o) *Chọn tướng.*— Tchinguiz Khan chia nhân loại ra làm hai hạng : Hạng thứ nhất chỉ thích sung sướng và sợ chết, có thờ ai cũng chỉ vì sợ : hoặc sợ bị giết, hoặc sợ bị đầy đọa. Tchinguiz Khan rất khinh hạng này, và có giết cũng không tiếc, vì những kẻ phản bội để hèn đều ở đây mà ra. Còn hạng thứ nhì là những kẻ đề danh dự lên trên hết. Hạng này được Tchinguiz Khan biệt đãi, vì chỉ họ mới biết cư xử một cách quân

tử, chính đánh, và khi cần đến, mới dám coi nhẹ cái chết để giữ toàn khí tiết. Tướng tá của Tchinguiz Khan bắt buộc phải ở hạng này, họ đều qua một thời kỳ trong đội tức vệ đề Tchinguiz Khan có dịp gần-gũi, hiểu biết tính tình, rồi mới cất nhắc cho khỏi làm lẩn ?

Sự dụng người của Tchinguiz Khan rất là thận trọng khôn ngoan. Kể nào hèn kém liền bị cách chức ngay không kiêng nể. Ấy thế mà khi chọn đại tướng, Tchinguiz Khan lại đã từng không trọng dụng đúng sĩ Esougé Bayou, và đã cất nghĩa như sau : « Không có ai anh hùng hơn Esougé Bayou, cũng không có ai chiến đấu giỏi hơn Esougé Bayou, thật là một con người danh thép, không sợ nhọc nhằn, đói khát, và một mình có thể làm những việc tày trời. Nhưng, một siêu nhân như Esougé Bayou sẽ tưởng ai cũng như mình, đánh giá quá cao kẻ khác, nên ta không dám giao quyền bính cho y. Kể làm tướng phải cũng biết đau, khổ, nhọc nhằn như ba quân mới hiểu nỗi chúng, mới tránh cho chúng những sự nhọc nhằn khổ cực quá đáng, những sự đói khát, thiếu thốn, để chúng lúc nào cũng sẵn sàng làm trận... » Thật là một nhận xét khôn ngoan và xác đáng.

(Còn tiếp)

Chuyện lạ năm châu....

### SỮA TRÁU :

Lần đầu tiên, một cơ-sở sản-xuất sữa trâu, đã được thiết-lập tại Anand, bên Ấn-Độ. Xưởng này, Cơ-Quan Quốc-Tế Cứu-Trợ Hải-Nhi xuất vốn thành lập, và do Liên-Hiệp Hợp-Tác viên miền Kaira điều-khiển, sẽ khởi sự sản-xuất chừng sáu ngàn kí sữa bột và năm ngàn kí bơ và ghee (một chất nhờn giống như dầu). Sau này, xưởng đó sẽ sản xuất cả kem đã khử trùng, các thức ăn cho trẻ sơ-sinh và chất lactose nữa.

Khi xưởng đã chạy đều, các cơ-quan điều-khiển ấn-định một chương-trình giúp đỡ các trẻ em nghèo khổ, tại miền Kaira.

NGHI BA

(Rút ở tài-liệu Unesco)

## ĐỊA-VỊ TOÁN-HỌC TRONG NỀN GIÁO-DỤC MỚI

của NGHI-BA

NHƯ tạp-chí Văn-Hóa Nguyệt-San đã loan báo trong số 13, tháng 7, vừa qua, một phái-đoàn của Chính-Phủ Việt-Nam đã tham dự Hội Nghị Giáo-dục Liên-Hiệp-Quốc lần thứ XIX tại Genève, từ mùng 9 đến 17 tháng 7 năm 1956.

Cũng như mọi năm trước, chương-trình nghị-sự gồm hai phần chính. Phần thứ nhất dành cho những bản thuyết-trình của các quốc-gia hội-viên, về sự tiến-triển chung của nền giáo-dục trên thế-giới. Phần thứ hai dành cho các vấn-đề riêng-biệt. Năm nay, phần cuối đã thảo-luận về hai điểm :

1. — Phương-pháp tổ-chức và công-cuộc thanh-tra tại các trường trung-học và tiểu học.

2. — Việc dạy toán tại các lớp trung-học.

Về điểm thứ nhất phái đoàn ta đưa ra một đề nghị về việc tuyển dụng nhân viên thanh-tra cho các học-đường, và đã được Hội Nghị chấp thuận.

Còn điểm thứ hai, về toán-học, ta càng đáng lưu tâm chú ý tới công-việc canh-tân tại các nước tiên-tiến.

Trước hết, Hội-Nghị ấn-định địa-vị môn toán trong chương trình giáo huấn tổng quát của thanh niên, và đồng ý nên trừ tính môn toán trong tất cả các chương trình giáo dục tại cấp trung-học, dù thuộc ban khoa học hay văn chương cũng vậy, tức là Hội Nghị đã công nhận toán học cần thiết trong tất cả các ngành học vấn.

Sau nữa, Hội Nghị lại chấp nhận sự thay thế một phần nào phương pháp suy luận cô điển (méthodes deductives) bằng phương pháp trực giác (méthodes intuitives) để dùng trong môn toán, và Hội Nghị hoan nghênh lối dùng các mẫu cụ-thể để chứng minh thay cho lối chứng minh trừu tượng trên bảng đen.

o°o



Hai quyết-dịnh trên đây không khỏi làm cho chúng ta suy nghĩ.

Sự cần thiết của môn toán, tới nay mới được một Hội Nghị Quốc Tế chính thức công nhận, nhưng kinh nghiệm hàng ngày đã chứng thực quá rõ rệt điều đó. Không hề những ngành học mới như nguyên tử lực, thám hiểm không trung v. v... là những ngành chuyên môn vừa lạ, vừa khó, đến nỗi các vị kỹ sư trước khi nhập vào « gia đình các khảo cứu gia » ấy, còn phải học thêm một thời gian cho thông thuộc những công thức đặc biệt của từng ngành, cứ nói ngay đến những màu truyền hàng ngày đăng trên báo chương, cũng đã dần dần trở nên mơ hồ khó hiểu đối với người không có một căn bản toán-học vững-chắc.

Khoa học ngày càng chi phối đời sống ta chặt chẽ thêm, mà khoa học lại cùng toán học có liên lạc mật-thiết như bóng với hình. Trong khi khoa học tiến những bước không lồ, trong khi những tia về bom nguyên tử, về phóng xạ năng, về tia vũ trụ, về tàu ngầm nguyên tử, về phi cơ siêu thanh, về phản lực cơ, về ra-đa, về siêu âm (ultra son) v. v. đã trở nên những tin tức thông thường trên báo chí, mà cái lợi khi cần thiết đề lĩnh hội là toán học lại vẫn giữ nguyên cái địa vị bình thường sẵn có của nó từ mấy chục năm về trước trong các chương trình giáo dục, thời quả là một sự thiếu sót không ai là không rõ.

Trước đây, với những cuộc thí nghiệm chính xác, khoa học đã phát minh ra nguyên nhân của âm thanh, hiểu rằng đó là sự rung động tuần hoàn do một cơ quan phát ra, nhờ một vật trung gian truyền đi, và do tai ta nhận thấy. Khoa học lại có thể ghi những tiếng đó trên đĩa hát, hoặc lập giản đồ của sự chuyển động tuần hoàn (mouvement périodique) đó trên giấy nữa. Tưởng biết như thế là đủ, nhưng khi thấy hai nhạc khí rung động cùng một tần-số (fréquence) và cùng một biên-độ (amplitude) phát ra được hai âm thanh cao như nhau, mạnh như nhau, mà lại chẳng giống nhau, đem giản đồ ghi được so sánh, thời chúng cũng không giống nhau nốt. Nhà thí nghiệm nát óc suy nghĩ cũng rút cục khoanh tay, và chịu thua con tạo, nếu không có nhà toán học trú danh Jean Baptiste Fourier giúp sức.

Fourier khám phá ra rằng bất cứ sự chuyển động tuần hoàn nào, dù dị dạng biết mấy, cũng là kết quả của một sự chuyển động chính (mouvement fondamentale) và một số chuyển động hòa theo (harmoniques).

Áp dụng vào trường hợp âm thanh thời thật là giản dị : âm thanh của hai nhạc khí nói trên giống nhau ở âm cơ bản mà sai nhau ở số hòa âm, thành ra âm thanh đã sai, mà giản đồ cũng không giống.

Xem như vậy, toán học đã trội hẳn ở chỗ tìm ra nòi cái căn nguyên sâu xa của hiện tượng mà sự khảo sát bề ngoài, hoặc sự suy nghĩ trên các khảo cứu, nhiều khi thất bại.

Cái cấp số trừ danh đội tên của Fourier (série de Fourier) đã giúp khoa học rất nhiều trong sự khảo sát thiên nhiên, vì những nguyên nhân có tính cách tuần hoàn mà phức tạp như trường hợp âm thanh không phải là hiếm.

Tuy vậy, cho tới đây, toán học gia mới chỉ tỏ ra là một cộng sự viên đắc lực giúp nhà khảo sát nhìn rõ cơ cấu bên trong của mọi hiện tượng mà thôi.

Trong tay các nhà bác học xuất chúng, môn toán lại còn có một hiệu lực lạ lùng nữa, là từng cắt nghĩa cả những hiện tượng chưa xảy ra hoặc chưa ai nghiệm thấy.

Chúng con là nhà bác học Einstein đã từng căn cứ vào những con tính của mình mà đoán chắc rằng vật chất tiềm tàng một kho năng lực vô biên, rằng vật chất có thể « biến đi » để hóa thành năng lực thuần chất, rằng ánh sáng cũng « có sức nặng » và có thể bị dẫn lực làm chuyển hướng không nhất định phải cứ theo đường thẳng v. v., Ai cũng ngỡ vực, vì những điều này trái hẳn với những định lý khoa học, nhưng lạ thay, sự vật lại cứ ngày một chứng minh thêm rằng ông ta đã nói trúng !

Khoa học áp dụng vào các thế-chất câu : « Không có gì mất đi, cũng không có gì tự tạo » (Rien ne se perd, ne se crée) ; nhưng vật chất cũng cứ mất đi để biến thành cái sức tàn phá kinh khủng như trong mấy quả bom nguyên tử, nó đã chứng minh lý thuyết của Einstein một cách khốc liệt, trên đất Nhật-Bản !

Khoa học lại định ninh rằng ánh sáng chỉ có thể truyền theo đường thẳng, thế mà bức ảnh kỳ nhật thực hoàn toàn 29-5-1919 do nhà bác học Eddington chụp, lại đã chứng minh rằng ánh sáng do một ngôi sao phát ra khi qua gần mặt trời, quả đã bị hút chệch đi thực.

Đi xa hơn nữa, nhờ con mắt sắc sảo của toán học, Einstein đã khám phá nội những điều bí ẩn của tạo vật trong khi các phương thức đo lường còn không sao lăm cho hiện hiện lên được. Với Einstein, thời gian và không gian mất hẳn tính cách tuyệt đối thông thường, nó co dãn, tùy theo tốc độ của hệ thống chuyển-dịch đối với người quan sát ; khối lượng cũng không còn giá trị bất di bất dịch nữa, nó thay đổi theo tốc độ của vật chất ; dẫn lực giới làm cho đường thẳng lý tưởng trong hình học Euclide không

có được trong thực tại của vũ trụ, trái lại đường cong lại là đường thông thường vì chính ngay tia sáng cũng chuyển theo đường cong, v.v... Học thuyết tương đối giản luận và thông luận (relativité restreinte, relativité générale) của Einstein đã làm đảo lộn hết mọi quan niệm cổ truyền, gây ra những cuộc bút chiến sôi nổi giữa các nhà bác học. Nhưng, thực tại vẫn ngày một chứng minh rằng Einstein đã quan niệm đúng; các cuộc thí nghiệm ngày thêm chính xác càng làm tăng sự vững chắc của lý thuyết tương đối, tới nay chưa hề có một cuộc thí nghiệm nào ngược lại được những kết luận kỳ dị của Einstein cả!

Toán học đã có một mảnh lục vô song, và có một công nghiệp vĩ đại đối với nhân loại như thế, thời kỳ nó là căn bản của mọi ngành học quả thực cũng không có gì là quá đáng.

Xem như vậy, cần phải chú trọng đến môn toán, thời chương trình giáo dục tổng quát thanh niên mới làm tròn nhiệm vụ của nó là làm cho mọi người có thể theo được cái nhịp của thời đại này, có thể lĩnh hội được phần nào sự hiểu biết ngày càng rộng rãi của nhân loại, để thành một con người « trung bình » của thế hệ.

Nhưng, nếu so với những thế hệ đã qua, thời mở học vẫn cần thiết này quả có phần nặng nề, vậy việc dùng phương pháp trực giác trong môn toán để giảm sự khó nhọc cho học sinh quả là một việc làm không những hợp thời mà còn hợp lý nữa.

Thực vậy, toán học của ta hiện đã khác xa lối học toán của cổ nhân.

Khởi thủy, toán học được đặt ra vì nhu cầu cấp bách như: đo ruộng, tính thuế, tính nợ, đếm hàng v.v. Nhưng về sau, muốn cho toán trở nên hữu ích một cách rộng rãi hơn, tổng quát hơn, nhân loại dần dần bỏ bớt những ý nghĩa về thừa đất, về đồng tiền, về món hàng v.v. đi, vì nó quá hẹp hòi, và chỉ còn giữ lại những con số cùng những nguyên tắc, để rồi dần dần xây dựng nên cái lâu đài toán học đồ sộ và trừu tượng hiện tại.

Nhưng trí não con người, dù xưa, dù nay, vẫn có cái thói tự nhiên là muốn dễ hiểu và dễ nhớ, cần phải có một sự vật hiện nhiên để đánh dấu, để chứa đựng những nguyên lý. Ta có một thí dụ rõ rệt khi dạy các em bé học tính, nếu cho chúng cộng, trừ, những hòn bi, chiếc bút, cái tẩy v.v. thời chúng chóng thuộc và chóng hiểu hơn những con số lẻ loi, vô nghĩa.

Tuy ta đã qua cái thời kỳ thơ-ngây đó, nhưng đối với những học sinh học càng cao, càng phức tạp, thời càng dễ bỏ ngỡ, càng dễ quên, và cái tâm lý trên đây lại được xuất hiện.

Những học cụ mà hai nước Bỉ và Ý Pha Nho thường dùng để dạy trẻ em hóa cách dạy toán học, và đã trưng bày tại Hội-Nghị Giáo-Dục Quốc Tế ở Genève hồi tháng bảy vừa qua, thực đã phù hợp với nhu cầu tâm lý này vậy (1).

Chỉ có một điều làm chúng ta phân vân, là không rõ những học cụ này, rồi ra, có thể được tạo cho tất cả các ngành toán học, và ở các bậc cao đẳng không? Và « trực giác » là một lối lĩnh hội rất nhanh, nhưng cũng rất dễ làm lạc đối với vấn đề nào quá phức tạp, khi ấy không biết có còn được nhiều kết quả như ở bậc sơ học và bậc trung học chăng?

(1) Xem hai bức ảnh trong số báo này.

Tin tức năm châu...

## NHỮNG THỨC ĂN CÓ HẠI

Loài người từ thời thượng-cổ, khi còn phải trú thân trong những hang hốc, cũng đã từng biết dùng một hóa-chất, để tăng vị đồ ăn, và làm cho nó khỏi hư-hỏng: đó là muối.

Ngày nay, chúng ta cũng vẫn còn dùng thứ hóa-chất đó, nhưng tiếc thay, khoa-học tiến bộ, người ta không lấy thế làm mãn nguyện, lại tìm thêm hóa-chất khác, ngày một nhiều, để cho vào các thức ăn. Những hóa-chất mới này thường không lành cho lắm lại chẳng bổ gì, chúng qui chỉ cốt cho ngon miệng, vui mắt, hoặc để giữ cho đồ ăn khỏi hư mà thôi.

Người ta đã tra xét, thời thấy tại Mỹ, số hóa-phẩm được cho vào thức ăn có tới 800 loại, tại Thụy Điển 500, tại Đức không dưới 1.000 v.v., mà toàn là những chất chẳng nuôi sống được ai cả!

Nhiều nước sinh ra lo-ngại, lên tiếng chỉ-trích thói quen đó, nên Cơ quan Y Tế Quốc Tế (OMS) và Cơ quan Thực Phẩm và Nông Nghiệp (FAO), mới đây đã họp tại Genève để nghiên cứu vấn đề và tìm phương bổ-cứu.

NGHI BA  
(Rút theo tài-liệu Unesco)

## NHÀ GIÁO qua CÁC THỜI-ĐẠI

(tiếp theo trang 1720)

của NAM-HUNG

### IV.— Thế-kỷ thứ XVIII và XIX

VỀ cuối thế-kỷ XVIII, ba phong-trào đã làm sôi-nổi dư-luận, gây nên một cuộc cách-mệnh tốt-đẹp về sư-phạm... Trước hết, là ảnh-hưởng của nhà triết-học Anh Locke, (1632-1704), người đã khởi xướng nên duy-cảm chủ nghĩa, và cho rằng nền học phải căn-cứ vào khảo-sát và thực-nghiệm. Nhưng, phong trào thứ hai mới thực là bùng-bọt : đó là qui-kết của học-thuyết J.J. Rousseau (1712-1778). Với cuốn Emile, (1762), tác-phẩm thâm-thúy nhất của ông, và đã khiến ông phải lần tránh ra ngoại-quốc, danh tiếng ông đã vang-dội trên hoàn-hải... Chỉ căn-cứ vào trực-giác và thiên-tài, ông cũng đã phát-biêu nhiều ý-kiến xác-đáng và vô cùng mãnh-liệt. Ông là người đầu tiên nêu lên sự cần-thiết của khoa tâm-lý trong ngành giáo-dục, ông kêu gọi nhà giáo dề trẻ tự nhận xét hoàn-cảnh và thể-nhân, khiến chúng hân-hoan tìm ra những điều học hỏi, — những điếm mà khoa-học sau này cũng phải công nhận là đúng, là hay. Vẫn biết học-thuyết Rousseau đã có những điều quá đáng ; nhưng về đại-cương, tư-tướng của ông đã thúc đẩy khoa sư-phạm tiến một bước dài trên đường cải-tạo. Phong trào thứ ba là quan-niệm mới-mẻ của các nhà biên-tập Bách-Khoa Toàn Thư, nhất là Diderot, — một nhóm văn-hào đã nhấn mạnh vào sự ích-lợi của những ngành chuyên-môn...

Lẽ tất nhiên, là ông thầy đã chịu ảnh-hưởng sâu-xa của cuộc cách-mệnh sư-phạm vừa kể ; và người ta đã thấy những nhà giáo say-sưa tìm hiểu trẻ em, với cả một tấm lòng hy-sinh cao-cả. Chúng tôi chỉ muốn đan cử ra đây một tí-dụ cụ-thể, và vô-cùng cảm-động, tức là trường-hợp thương tâm và đáng kính của Henri Pestalozzi (1746-1827), một nhà giáo thiên tài, đã suốt đời tận tụy với nghề, đã mắc bệnh về nghề nghiệp, rồi đã mệnh chung trong cảnh quạnh-hiu, thiếu-thốn... Vốn là người Thụy-Sĩ, sinh quán ở Zurich, ông đã thấm-nhần học thuyết Rousseau, và ước-mong cải-tạo xã-hội, bằng một nền giáo-dục bình-dân, đầy nhân-đạo. Nhờ ít nhiều vốn liếng của mẹ của vợ và

1740

của các bằng hữu xa gần, ông đã thiết-lập ở vùng Brugg, một chiếc trại nhỏ, đặt tên là Neuhof, rồi cho dựng ở nơi đây, một ngôi nhà nuôi trẻ mồ côi vô thừa nhận, để dạy dỗ cho chúng nên người. Ông đã viết : « Tôi sống với trên 50 trẻ ăn mày ; tôi chia cơm sẻ áo với chúng trong sự nghèo nàn. Tôi cũng sống như chúng, để giáo hóa, và dạy chúng biết sống như mọi người. » Nhưng, tốn-phí quá nhiều, ông đã làm vỡ cảnh túng nghèo, lắm lúc thiếu cả giấy viết, ông đã phải ghi chép những điều nhận xét suy-nghiệm, vào lẽ những cuốn sách đã cũ. Chẳng bao lâu, vì quá ư bần-bách, ông đành phải ngậm-ngùi tạm đóng cửa trường. Để tiếp-tục công cuộc đã bỏ dở-dang, cũng như để kiếm kế sinh-i hai, ông bắt đầu trước tác, và cho xuất bản năm 1780, cuốn « Chiều đêm ăn-sĩ » (1), rồi từ năm 1781 đến 1787, cả bốn đoạn cuốn tiểu-thuyết « Léonard và Gertrude » (2). Nhờ các tác-phẩm này, tiếng tăm của ông đã vang dội khắp nơi ; nhưng, khôn thay, ông cũng chỉ có đủ phương-tiện để tự túc, chứ không sao tái lập được ngôi nhà nuôi trẻ.

Tuy nhiên, sau cuộc cách-mệnh 1798 lật đổ quân-quyền, Chính-Phủ mới thiết-lập một trường mồ côi ở Stanz vào tháng giêng năm 1799, rồi mời ông ra làm giám-đốc học-hiệu đó. Dù chỉ có một nữ công-nhân giúp việc thôi nẫu, và một mình ông vừa phải dạy hơn 80 trẻ, vừa kiêm quản-gia và giám-thị, Pestalozzi cũng sung sướng được trở về với nghề giáo-dục. Ông xem xét từng trò, cho chúng kèm bảo lẫn nhau dưới sự hướng-dẫn và kiểm-soát của ông ; ông đã cảm-hóa mọi người, khiến chúng hân-hoan rèn-luyện, thu được những kết-quả mỹ-mãn và mau-chóng trong việc tiến-tu. Song, số mệnh vẫn hay bạc-đái khách tài-hoa, và chẳng cung-chiều người thiện-chí, nên học trò càng tiến tới, ông lại càng tự thấy mỗi ngày một ốm yếu, đến nỗi mắc bệnh ho ra máu. Đờng thời, Chính-Phủ phải lấy lại trường học, để làm trụ-sở cho các thương-binh.

Vài tháng, sau khi đóng cửa trường Stanz, Chính-Phủ thấy ông đã tạm khỏi, bèn mời ông đến dạy một lớp đồng-ấu ở Burgdoff, — một phòng gồm ngót 30 trẻ, từ 5 tới 8 tuổi, vừa trai vừa gái. Sau một năm chần dặt ấu-sinh, ông xin từ-chức, ra mở một tư-thục gồm cả ban trung-học, hầu triết-đề áp dụng phương-pháp giáo-dục của ông, — một phương-pháp căn-cứ vào tâm-lý học, trực-giác và thực-nghiệm, có thể phổ-thông trong quần-chúng. Có lúc, ông đã điều-khiển và kiểm-soát hai trường tư khác nhau, một ở Munchenbuchsee, một ở Yverdon, mỗi nơi ông thuê một vị quản-đốc riêng. Phần đông học-sinh là những người ngoại-quốc đến

(1) Soirée d'un ermite.

(2) Léonard et Gertrude.



ngiên-cứu và linh-hội, tại chỗ, các quan-niệm Pestalozzi, những nguyên tắc đã nổi tiếng trên hoàn-hải. Song, ít lâu sau, một số cộng-tác viên của ông, vì tính dố-ky, đã gây ra với nhau nhiều xích-mích, mà ông lại không thành-thạo trong việc sử-thể, ngoại-giao, nên công-cuộc đã ngừng-chệ, rồi đi đến chỗ tan-rã, không còn sao cứu-vãn nổi. Ông buồn rầu, trở lại Neuhoof, những mong thiết-lập một học-hiệu mới, để đón tiếp các trẻ em nghèo túng. Ông sắp-sửa thực-hiện ý muốn, thì tử thần đã đến đón ông ngày 17-2-1827, sau bao nhiêu thử-thách và hy-sinh. Tiều-sử của ông là cả một màn thảm-kịch, hầu như số-mệnh đã an-bài, để kêu gọi thế-nhân nâng đỡ nhà giáo-dục, — những con người giàu tâm-huyết, nhưng nghèo phương-tiện, thường không có đủ khả năng vật-chất, để làm tròn sứ-mệnh...

### V. — Thế-kỷ thứ XX

Sang thế-kỷ thứ XX, nhất là sau hai cuộc đại-chiến vừa qua, các thức-giá đều thấy rằng : người ta cần xây-dựng một xã-hội lành-mạnh, trong đó tinh-thần phải đi đôi với khoa-học để tránh những sự sàu-sé, những cuộc tương-tàn, mà gây tự-do, hạnh-phúc cho thế-nhân ; và muốn đi tới mục-dích kia, thì sự rèn tập tâm-thể-hệ là một điều khẩn-cấp. Các sử-gia đã nói : Thế-kỷ thứ XX là thế-kỷ của thanh-thiếu-nhi. Các triết-gia và các nhà sư-phạm đã nêu lên nhiều học-thuyết mới, nhiều phương-pháp giáo-huấn tân-kỳ, mà ta thường gọi chung là : học đường linh-hoạt, học đường mới, hay nền giáo-dục mới (1)

Bài lược-khảo này không thể đi sâu vào các chi-tiết, vì mục-dích là nhắc-nhở tới địa-vị của ông thầy qua các thời-dại ; — mà ông thầy ở đây muốn tới những người thực sự dạy học, không đầu đám bần đến các nhà giáo-dục lý-thuyết, những vị đã tìm ra phương-pháp mới, nhưng không hề trực-tiếp săn-sóc trẻ em. Vậy, chúng ta chỉ nên biết là học-đường linh-hoạt, theo như danh-xưng, đã kêu gọi nhà giáo, nên đề học-sinh hoạt-dộng, hân-hoan và tự-do hoạt-dộng, không cho chúng đóng vai thính-giả hay khách-quan, như trước. Bằng cách này, chúng phải rèn tập không những để thành các phần-tử hoàn-hảo về cả ba phương-diện thể, trí, và đức dục, mà còn biết, còn ưa sinh-sống một cách tập-đoàn, ăn nhịp với xã-hội, và giúp ích xã-hội. Nhân đó, ông thầy phải áp-dụng các phương-pháp mới để cá-nhân-hóa và xã-hội-hóa nền học, vừa luyện cho trẻ thành người vừa sửa soạn cho chúng ra đời, chung sống với đoàn-thể.

Lẽ tự nhiên, là giáo-chức đã tỏ ra xứng-dáng với nhiệm-vụ mới. Hơn nữa, về các thời-dại trước, nữ-lưu đã tham gia rất ít công-cuộc giáo-

(1) école active, école nouvelle, éducation nouvelle.

dục ; trái lại, tới thế-kỷ thứ XX, nữ giáo-viên đã xuất hiện rất nhiều, và tỏ ra đặc-lực không kém gì các bạn nam-nhi. Tôi chỉ kể ra đây một ít-dụ, đó là bà giáo Montessori.

Bà Maria Montessori sinh ngày 31-3-1870 tại Chiaravalle, một tỉnh nhỏ nước Ý. Dòng-dối thường dân, bà đã gắng công theo đèn sách, và đã đậu Y-Khoa Bác-Sĩ năm 26 tuổi, tức bà là nữ bác-sĩ đầu tiên của nước Ý. Nhân tập sự tại các bệnh-viện điều trị ấu sinh, bà tự thấy tha-thiết với trẻ em, nhất là các trẻ tiên-thiên bất-túc. Để hiểu biết thanh thiếu-nhi hơn nữa, bà đã ghi tên, theo học ban tâm-lý thực-nghiệm tại Đại-học-Đường La-Mã. Một mặt khác, bà đã nghiên-cứu các môn sư-phạm và nhân-loại học, trong bảy năm trời, từ 1900 đến 1907. Thấy bà có một nền học-vấn uyên-thâm, Chính-Phủ nhờ bà giữ ghế giáo-sư nhân-loại học thực-nghiệm, ngay ở Đại-học-Đường La-Mã.

Song, số mệnh hầu như hiểu biết tất thành của người thiện-chí nên sự tình-cờ đã đưa bà tới một bước may hiểm có, khiến bà đã đổi nghề, chuyên sang ngành giáo dục, và để lại cho thế-nhân, một phương-pháp tân-kỳ. Nguyên về thời đó, một nhà kỹ-sư, ông Talamo, đã thiết lập ở La Mã, một « lao-dộng trú-khu » trong ấy, có rất nhiều trẻ nhỏ, cần được săn-sóc, khi cha mẹ chúng đi làm tại xưởng. Ông Talamo bèn cho dựng một căn nhà rộng-rãi, đề hàng ngày, một nữ giáo viên đến chăm dặt các ấu-sinh trong khu từ 3 đến 7 tuổi. Đồng thời, kỹ-tư Talamo mới bị phụ-trách việc kiểm-soát và hướng-dẫn cách giáo-huấn ở nơi đây.

Nhân đó, bà Montessori, mới có sáng-kiến mở ra một loại học-hiệu dành riêng cho ấu-sinh, mà bà mệnh danh là « Casa dei Bambini », tức là nhà trẻ nhỏ. Bà đã lập một nhà thứ nhất ở La-Mã, và cho khai-giảng ngày 6-3-1907. Chẳng bao lâu, những « nhà trẻ nhỏ » đã bắt chước đó mà mọc ra như nấm, ở khắp nơi trong nước. Bà đã qua thăm nhiều tỉnh Ý, để diễn-thuyết và giải-thích về phương-pháp giáo-dục của bà, — một phương-pháp căn-cứ vào cảm-giác và tính hiếu-dộng của thiếu-nhi. Chính bà đã giảng-dạy, đã đặt ra các bài tập yên-lặng (1), các học cụ, để thực hiện lý tưởng của mình. Bà đã tới Ấn-Độ, và lưu lại nơi đây, suốt mấy năm ròng, để săn-sóc ấu-sinh, và nghiên-cứu thêm về tâm-lý nhi-đồng. Bà đã cho xuất-bản những sách có giá-trị, như : Phương-pháp sư-phạm khoa-học, áp-dụng trong các nhà trẻ nhỏ (1909). Phương-pháp tự-học trong trường Sơ-đẳng 1916, Những trẻ ở giáo đường (1935), Con trẻ (1936).

(1) Exercice de silence.

Các nguyên-tắc giáo-dục của bà đã được nghiên-cứu, và áp-dụng trong các trường Âu-Mỹ. Các văn-phẩm của bà đã được dịch ra nhiều thứ tiếng, và ra cả chữ « jagurati » một trong những thô-âm của người Ấn. Bà đã suốt đời tha-thiết với trẻ em, tận-tụy với trẻ em, khảo-sát tâm-lý trẻ em. Sự tận-tâm khác thường ấy có thể so-sánh với chí hy-sinh của Pestalozzi. Bà đã mệnh-chung hồi tháng 5 dương-lịch năm 1952, tại Mardwick-annzee, bên Hòa-Lan, — nơi bà đã tới trú-ngụ, từ ngày phong-trào phát-xít nổi dậy trên đất Ý. Bà hưởng thọ 82 tuổi. Trong tờ cáo-phó do « Hội Liên-Quốc Montessori » (1) gửi đi các nơi, người ta đã coi bà là một nhà giáo trứ-danh, một nhân-vật phi thường.

Tuy nhiên, nếu các nhà giáo về thế-kỷ XX đã có công, đã tỏ ra xứng đáng thì trái lại, ở ngay các nước tiên-tiến, xét ra, họ còn có khi chưa gặp được hoàn-cảnh thuận-định. Họ không có đầu thối-mắc về địa-vị, song chỉ ước mong có đầy đủ phương-tiện để làm tròn nhiệm vụ. Thế mà, mười năm trước đây, ông Eisenhower, hiện nay là Tổng-Thống Hợp-Chúng-Quốc, nhưng lúc đó còn là chủ-tịch khu Đại-học Columbia, đã gửi đăng trên mặt báo, một bức thư ngỏ, nhấn-nhủ các phụ huynh học sinh toàn quốc, lời-lời thiết-tha, cảm-động... Ông nói đã dự một Hội-đồng giám-đốc học-hiệu, trong đó, các nhân-viên đã tố cáo một khuyết-điểm lớn lao, của nền quốc gia giáo-dục : các giáo-chức có giá-trị càng ngày càng hiếm ; họ theo đuổi nghề-nghiệp khác, không phải chỉ vì những điều-kiện vật-chất, mà còn vì quần-chúng, đối với nghề dạy học, không biết quý-trọng, ân-cần như trước nữa. Nhân đấy, ông kêu gọi các gia-đình ủng-hộ học đường, và nhiệt-liệt giúp đỡ các giáo-chức. Rồi ông tiếp ; ai cũng rõ từ trên ghế nhà trường, học-sinh cần phải hiểu-biết, quý-trọng những tự-do cá-nhân, và những quyền-lợi của giống nòi, để sau này trở nên những công-dân sáng-suốt, biết hy-sinh để bảo-vệ các quan-niệm kẻ trên. Giáo-chức chính là người phải giảng dạy, để trẻ thiếu-triệt và thối-nhuần các lễ đó. Nếu họ được biệt-đãi, thì lẽ tự nhiên là họ sẽ có nhiều nhiệt-thành và can-đảm, để ngợi-khen và tuyên-truyền một chế-độ, mà họ đã được hưởng sự công-minh và nền dân-chủ... Lời khuyên-nhủ của một bậc trí-thức, kiêm chính-trị gia, có thừa tài đức và kinh-luân, lòng tru mến của một công-dân lão-thành tại một quốc-gia vào bậc tân-tiến và phong-phú nhất hoàn cầu, thiết-tưởng không ai có thể ngờ-vực, và thật đáng cho ta suy nghĩ tới chừng nào...;

Trở lên trên, là tóm tắt địa-vị của ông thầy qua các thời-dại, trong hầu hết các nền văn-minh trên hoàn-hải.

(1) Association internationale Montessori.

Trông người lại nghĩ đến ta. Ai cũng thừa hiểu : thời trước, các ông đồ nước nhà đã được kính-nể và trọng-vọng ra sao. Toàn thể học-sinh cùng thụ giáo một nơi, không kè hạn tuổi, — đã họp thành một nhóm, tục gọi là hội đồng-môn, để thờ thầy cho phải đạo. Nhà giáo được coi hơn cả cha mẹ, « sư » rồi mới đến « phụ », nên sử sách còn kể chuyện những bậc đại thần tới hầu một ông thầy cũ, mà vẫn giữ một niềm cung kính như đối với một bậc ân-nhân, rồi đến khi thầy mất, lại chịu tang như hàng con cháu. Trong dân gian, đã có những câu :

— Nhất tự vi sư, bán tự vi sư.

— Không thầy đố mày làm nên,

— Thờ thầy mới được làm thầy

hoặc những lời ca :

Mồng một thì ở nhà cha,

Mồng hai nhà vợ, mồng ba nhà thầy.

o o

Muốn sang thì bắc cầu kiều,

Muốn con hay chữ, phải yêu lấy thầy.

Trong thực-tế, một cụ đồ nho thường là cố-vấn của gia-đình. Trong các việc quan, hôn, tang, tế, hoặc các việc thối-mắc, khó-khăn, nhân-dân đều đến hỏi cụ đồ, thỉnh cụ làm cầu đối, thảo thư từ, xin cụ cho ý-kiến, nhờ cụ chỉ giáo cho điều hơn, lẽ thiệt...

Đến thời đô-hộ, thì tập quán kia đã tiêu-tán, như biết bao thuần-phong mỹ-tục, khiến thi-sĩ Tân-Đà đã viết :

Văn-minh Đông-Á trời thu sạch,

Này lúc cương— thường đảo ngược ru ?

Người ta cũng không chịu nâng đỡ các giáo-chức, vì không muốn khuyến-trương và phổ-thông nền giáo-dục, không muốn rèn-luyện, thức-tính các tuổi xanh đây nhựa sống.

Qua các thời-dại, ta đã thấy rằng : nhà giáo được luôn luôn kính nể, tôn-sùng, trừ những buổi đen-tối, loạn-ly, hay ở những địa-phương mà nền giáo-dục còn lằm-đường, lạc lối. Điều nhận xét chung ấy, rất có thể áp dụng vào thời kỳ mà nước nhà còn rên rỉ trong vòng đô hộ.

Nhưng ngày nay, Quốc-Gia đã độc-lập, — xây-dựng trên một nền Cộng-Hòa xứng-đáng. Một chân trời sán-lạn đượm hé mở, trước cảnh quê-hương đổi mới, đầy hứa hẹn. Bộ Quốc-gia Giáo-dục hiện đã trù-liệu việc xếp-đặt lại các ngạch giáo-sư và giáo-viên, đủ các hạng, ngõ hầu nâng đỡ nhà giáo về hình-thức và tinh-thần. Nhưng riêng về phần giáo-chức, thiết-tưởng cũng nên cố gắng, đề tự gây lại cái uy-tín xưa, theo câu phương-ngôn: « Anh hãy tự giúp anh, rồi Trời sẽ giúp ». Cảm-thông với quần-chúng, tiếp-súc với phụ-huynh học-sinh, làm cố-vấn cho các gia-đình như các cụ đồ Nho thuở trước, — nhất là làm tròn nhiệm-vụ, và tự trọng ở bất cứ nơi đâu, vì sách Luận-Ngữ đã ghi « : Kỳ chính dã, bất lệnh như tòng ; kỳ bất chính dã, tuy lệnh bất tòng » nghĩa là : Nếu người ta chân chính thì dù không ra lệnh, kẻ khác cũng theo, nếu bất chính thì trái lại, dầu có ra lệnh, kẻ khác cũng chẳng nghe, — phải chăng đó là những nguyên-tắc nên áp-dụng, đề rạng tỏ sự thanh-cao của một sứ-mệnh thiêng-liêng, nhưng vô cùng khó-khăn, nặng-nhọc ?

## THI - CA

### HÙNG - KHÍ

Tế suy vật-lý tu hành-lạc,  
Hà dụng phù-danh bạn thủ thân.  
Rạo giang-hồ, tìm tri-ký cổ-nhân,  
Giải tâm-huyết ân-cần non với nước.  
Toạt thể-nguyên sắt son ao ước,  
Chỉ tang-bồng cho được phi nam-nhĩ.  
Xuất xứ đờn, vinh nhục kẻ mà chi,  
Tái thao-lược an nguy tùy sở ngộ.  
Sắc phấn-đấu, quyết ra tay năng nổ,  
Giúp thanh-bình chàng hđ kiếp làm trai.  
Mai sau nổi tiếng hùng tài.

Nguyễn-sĩ-Thiem

## GƯƠNG ĐẠO-ĐỨC, HAY TIÊU-SỬ ĐỨC KHÔNG

NAM-HUNG

VỚ bài « Chân-hưng đạo-đức » đăng trong số đặc-san về tinh-thần quốc-gia (tháng 6 năm 1956), chúng tôi đã trình-bày một nhược-điểm của nền văn-minh kỹ-thuật hiện-dại. Ở nhiều nước tân-tiến, khoa-học đã mở-mang rất nhiều, trong khi đạo-đức lại có phần sút kém, khiến sự chênh-lệch giữa tinh-thần và vật-chất ấy, đã gây ra biết bao nỗi rối-ren rắc-trở, biết bao thảm họa cho cuộc nhân-sinh.

Trước tình trạng kia, chúng tôi rất hân-hoan được tin rằng : Ngày 23 tháng 8 âm-lịch, tức 28-9-56 dương-lịch vừa rồi, từ thủ-đô Sài-gòn đến các tỉnh-lỵ xa-xôi, chính-quyền và nhân-dân đã làm lễ kỷ-niệm đức Không-tử, đề nhắc-nhờ đến gương đạo-đức của người xưa. Lễ dĩ nhiên, ngày nay, không một ai là không cảm-giận cái nạn từ-chương, nệ-cổ, mà nước ta đã mắc phải, trong khi hiểu lầm Nho-giáo, — nạn mù quáng noi theo dĩ-vãng và say-mê cử-nghiệp, khiến bao nhiêu kẻ trí thức đã tự-cao, tự-đại, coi thường khoa-học và lãng quên thực-tế, ngăn cản cả bước tiến của giống nòi. Bài học quá đắt của kinh-nghiệm đã cho ta biết rằng : tinh-thần phải đi đôi với khoa-học. Khoa-học mà không có tinh-thần thì chỉ là sự bại hoại của tâm-hồn ; nhưng trái lại, tinh-thần mà không có khoa-học, thì cũng chỉ là tự-dẫn đến chỗ thoái-lui. Vậy, kỷ-niệm Không-tử tất có nghĩa là noi theo cái tinh-hoa của Nho-giáo, cái đạo lý của tiền-nhân, chứ đâu có phải làm sống lại những thành-kiến, những làm-lỗi của thời xưa.

Cũng vì thế, chúng tôi thiết-tưởng, nhân dịp này, nên lần giờ những trang tiêu-sử của vị thánh-nhân nước Lỗ ; vì cử-chỉ và lời nói của Ngài là cả một tấm gương cương-trực, đáng cho người sau suy-nghĩ, mà phân-biệt vâng thau, trong những bước quanh của lịch-sử.

o<sup>o</sup>

Ngài sinh vào tháng mười năm Canh-tuất, dưới thời Chu Linh-Vương, tức là năm 551 trước Tây-nguyên, quê làng Xương-bình, huyện Khúc-phu,



hay thuộc phủ Duyện-châu, tỉnh Sơn-Đông bên Trung-quốc. Thân-mẫu Ngài là Nhan-thị đã lên cầu-tự trên núi Ni-khâu nên mới đặt tên Ngài là Khâu, tự Trọng-Ni. Một giả-thuyết khác lại chép rằng : trán Ngài cao và gồ, nên mới đặt tên là Khâu, một tiếng có nghĩa là cái quả gồ. Khi ngài mới lên ba, đặt-phụ là vị vô quan Thúc-Lương-Ngột, đã mệnh-chung.

Lớn lên, Ngài là một người sức-vóc mạnh-giỏi. Khi sang nước Trịnh, thầy trò lạc bước, mỗi kẻ một nơi, khách qua đường đã mách-bảo Tử-Cống, là môn-sinh Ngài : « Có một người đang đứng ở cửa đông, trán rộng như trán vua Nghiêu, cổ như cổ Cao-Đạo, vai giống như vai Tử-Sân, mình thấp hơn vua Vũ, chùng bốn tấc... » Sách khuyết-lý cũng nói là Đức Khổng là người cao-lớn, có tướng ngũ-lộ, tức là mắt lõm, mũi rộng, hầu nổi, tai bạt, răng hở. Tác-giả còn thêm nhiều chi-tiết như : Miệng tươi, mặt to và có những vạch như quả dưa chín, bàn tay hồ, chân đi nhanh.

Tính ngài hòa-nhã, trang-nghiêm và kí-h cần. Sách Luận-ngữ ghi chép : « Tử ôn nhi lệ, uy nhi bất mãnh, cung nhi an », và « Tử chi yển cư, thân-thân như giả, yêu-yêu như giả », tức là : Phu-tử hoà mà nghiêm, uy mà không dữ, kính-cần mà an-vui, tự-nhiên. — Phu-tử lúc ở đứng thì hình-dáng khoan-thai, mặt mày tươi-tinh.

Ngài là một người rất nhân-hậu, không thể cầm lòng trắc ẩn trước kẻ đau-thương. Sách luận ngữ chép : « Tử thực ư hữu tang giả chi trắc, vị thường báo giả. Tử ư thị nhật, khốc tắc bất ca », nghĩa là : Phu-tử ngồi ăn bên cạnh người có tang, thì ăn không no. Ngày nào đi phúng điếu về, thì không thể sao đàn hát.

Ngài rất hiếu học, và trọng điều lễ nghĩa. Năm 28, 29 tuổi, Ngài cố tìm đến Lạc-ấp, là chỗ kinh-sư của nhà Chu, có nhà Minh-Đường, chứa-giữ các luật-lệ, các bảo-vật, cùng các hình-tượng của thánh-hiền thời trước. Ngài đến khảo-sát mọi việc, xem-xét các miếu-đường và nơi tế Giao, tế Xã.

Ngài vốn ưa đàn, hát, nên khi ở nước Tề đã chăm-chú học nhạc thiều trong suốt ba tháng, đến nỗi ăn mà không biết vị thật. Ngài nghiên-cứu môn gì cũng ham-mê như vậy, và đã làm việc gì, thì cố gắng để đi tới mục hoàn-hảo.

Năm thứ 19 đời Chu Kinh-vương, khi đức Khổng đã 51 tuổi, nước Lỗ, nghe tiếng, bèn mời Ngài làm Trung-dó-tề, cách một năm sau, lại phong Ngài làm Đại-tư-Khẩu. Ngài đã cảm hóa dân-chúng, đến nỗi trai gái không lán-lộn, và kẻ đi ngoài đường thấy của rơi không nhặt. Bốn

năm sau, nước Lỗ cất Ngài lên Nhiếp tướng-sự, đề Ngài được tự-do điều khiển việc chính trị trong nước. Mới cầm quyền bảy ngày, Ngài đã sừ-trảm quan Đại-phu Thiệu Chính-Mão, một kẻ gian-hùng xảo-quyệt ; được ba tháng, quốc-gia biến-đổi hẳn, và trở nên bình-an phồn-thịnh, nhân-dân đều ngạc-nhiên, kính-phục. Nước Tề, là một nước lân-bang, thấy vậy, đem lòng e-ngại, liền dùng Kế phản-gián, mang mỹ-nữ dâng cho Lỗ-hầu, khiến nhà vua say-mê tửu-sắc, lãng quên cả vận-mệnh quốc-dân, coi thường cả bậc hiền-tài. Ngài đành rút áo ra đi, những mong đem học-thuyết của mình, để giúp ích lân bang, ngõ-hầu canh-tân xã-hội và nâng đỡ nhân-vị, cần-lao. Ngài đã lần-lượt qua các nước Trần, Vệ, Tống, Sái, nhưng tiếc thay, Ngài ước mong thống-nhất-Trung-hoa, ngay giữa một thời-kỳ mà các chư-hầu còn chìm-đắm trong vòng danh lợi, chỉ muốn mỗi người chiếm giữ một giang-son, không kẻ gì đến sự thịnh suy của tập-thể. Vì vậy, trong các nhà vua đón rước Ngài, ông thì thoái-thác là tuổi đã già sợ không làm nổi việc, như Ngài mong-muốn, ông thì bị quan Đại-phu ngăn cản.

Tính ra, Ngài đã dời nước Lỗ, đi chu-du thiên-hạ, rong-rã trong 14 năm trời. Lúc trở về thì đã 68 tuổi. Ngài bèn ở nhà dạy học, và ghi chép thành sách, các quan-niệm riêng của mình, để lưu-truyền muôn thuở.

Ngài soạn lại kinh Thi, kinh Thư, định kinh Lễ, kinh Nhạc, phê-bình kinh Dịch, soạn kinh Xuân-Thu.

Học-thuyết của Ngài, chúng tôi không trình bày trong bài này nên chỉ nhấn-mạnh vào mấy đặc-điểm, đáng cho ta lưu tâm chú ý :

Nó không có gì là mâu-thuần với khoa-học, vì chính ngài đã khuyến-nhủ thế-nhân phải luôn luôn đổi mới, nhật nhật tân, hựu nhật tân, và cần tìm hiểu sự-vật cho đến nơi đến chốn theo bốn chữ cách vật, trí tri ...

Nó có tính-cách vô-cùng thiết-thực, vì muốn tạo thành một xã-hội yên-vui, lành-mạnh. « Phạn sơ tự, ẩm thủy, khúc quảng nhi chăm chi, lạc tại kỳ trung hỹ. Bất nghĩa nhi phú thả quý, ư ngã như phù-vân », tức là : Ăn gạo xấu, uống nước lã, gắp cánh tay mà gối đầu, tuy thế cũng có cái vui ở trong. Trái lại, làm điều bất-nghĩa mà giàu sang, thì coi như mây nổi ».

Sau hết, đạo Khổng có thể dung hòa được nhân-phàm và nhân-vị với quyền lợi tối-cao của quốc-gia xã-hội, như bốn nguyên-tắc tu, tề, trị, bình, cho ta thấy rõ.

Với một lý-tưởng vừa chính-sắc vừa cao-siêu như kia, người đồng-thời, cũng như hậu-thế, tất phải kính-mến, tôn-tùng. Riêng học-trò Ngài, đã có tới 3.000 người, khi Ngài mất năm Nhâm-tuất đời Kinh-vương tức năm 478 trước Tây-nguyên, các đệ-tử đều khóc thương thâm-thiết. Hơn một trăm người làm nhà ở gần mộ, đến hết tang. Từ-cổng ở nơi đây, cho đến trọn sáu năm mới thôi.

°°

Tinh-thần Không-giáo, — một trong những tài-liệu căn-bản của nền văn-hóa quốc-gia, — rất phù-hợp với sự tiến-hóa của nước nhà. Cũng như Phật-giáo, Lão-giáo, cũng như nền văn-minh Hy-la, và Gia-tô Công-giáo, cũng như các phong-trào gây nên cuộc Cách-mạnh Pháp năm 1789, và các học-thuyết xã-hội gần đây, của các nước tự-do, Nho-giáo có thể giúp ích chúng ta rất nhiều trong việc tiến tu, nếu ta biết áp dụng nó một cách sáng-suốt, phải đường, tránh được những vết xe cũ của thời xưa. Với sự hiểu biết ấy, thì ta có lo gì lời nói và cử-chỉ của Không-Tử chẳng có ảnh-hưởng tốt-đẹp đến toàn-dân ?

Muốn chấn-hưng văn-hoá và xây đắp tương-lai, hãy mua :

## VĂN-HOÁ NGUYỆT-SAN

do Bộ Quốc-gia Giáo-dục xuất-bản

1 số (giá bán toàn-quốc) . . . . . 24\$  
1 năm (10 số) . . . . . 240\$

CHÚ THÍCH — 1) Đối với các tư nhân, lệ-mua tạp chí phải trả tiền trước (Chỉ gửi tạp-chí khi nhận được ngân-phiếu).

2) Thư-từ mua V.H.N.S., xin gửi về Ông Giám-Đốc Nha Văn-Hóa tại Bộ Quốc-gia Giáo-dục (số 266, đường Công-Lý, Saigon).

3) Bài soạn cúng gửi về Nha Văn-Hóa (Không có lệ trả lại bản thảo).



## A. — TIN TRONG NƯỚC

### I. — HOẠT-ĐỘNG CỦA BỘ QUỐC-GIA GIÁO-DỤC

#### 1 — THỐNG-NHẤT NGÔN-NGỮ

THEO sáng-kiến của Bộ Quốc-gia Giáo-Dục, Nha Văn-hóa đã triệu-tập, ngày 5-9-1956, một Hội-nghị Thống-nhất ngôn-ngữ, tại trường Cao-Đẳng Sư-Phạm, Sài-gòn. Lễ khai-mạc đã cử-hành long-trọng, dưới quyền chủ-tọa của ông Bộ-trưởng Nguyễn-Dương-Đôn.

Hội-nghị, gồm nhiều học-giá, sĩ-quan, đại-diện các ngành chuyên-môn, đã ráo-riết làm việc trong suốt một tháng trời, từ 5-9-56 đến 2-10-56, để tìm các nguyên-tắc chung về cách phát-âm và chính tả, về các từ-ngữ địa-phương, về các từ-ngữ chuyên-môn văn-học và khoa-học.

Bản-báo đương trú-liệu xuất-bản một Đặc-san về Hội-nghị này, để đăng các kết-quả đã thảo-luận được, cùng các bài khảo-cứu về ngôn-ngữ...

#### 2 — PHIÊN DỊCH SÁCH CỎ

Do nghị-Định số 719 GD/NP ngày 27-8-1956, ông Bộ-trưởng Quốc-gia Giáo-Dục đã-án-dịnh các thể-lệ về việc phiên-dịch ra tiếng

Việt, những sách cổ viết bằng chữ Hán, do Viện khảo-cổ trực-thuộc Bộ, phụ-trách.

### 3 - CÁC LỚP TU-THỰC BẬC SƠ-HỌC

Bộ Quốc-gia Giáo-dục nhằm mục-dịch xúc tiến công cuộc bài trừ nạn mù chữ và đồng thời thực hiện chương trình cưỡng bách giáo dục, đã ủy quyền cho các ông Tỉnh trưởng cho phép mở những lớp tu thực bậc Sơ học, tức là các lớp năm, lớp tư và lớp ba theo chương trình Tiểu học.

Sự ủy quyền nói trên có mục đích làm cho việc học được dễ-dàng, và khuyến khích mở những lớp sơ học ở các thị trấn cũng như ở thôn quê.

Những người xin mở lớp học từ bậc Sơ học, sẽ nộp đơn gửi ty Học chính, đề đệ tới ông Tỉnh trưởng. Đơn phải chính tay đương sự ký tên và ghi rõ họ, tên, quốc tịch, ngày, nơi sinh, văn bằng (nếu có), địa điểm mở lớp học, đính kèm bản vẽ rất sơ lược các phòng học và lân cận, có ghi kích thước. Trong đơn, đương sự phải cam đoan dạy theo chương trình Tiểu học hiện hành ở ba lớp dưới, và chịu sự kiểm soát của nhà hữu trách về mọi phương diện sự phạm, vệ sinh, trật tự, chánh trị, v.v. Phải đính theo đơn một chứng chỉ sức khoẻ, chứng nhận không mắc bệnh truyền nhiễm, và có thể phụ trách dạy một lớp học được.

### 4 - SỬA ĐỔI CHƯƠNG-TRÌNH TRUNG-HỌC

Chương-trình Đức-dục, Công-Dân giáo-Dục, Việt-văn, Pháp-văn, Anh-văn, Miên-văn bậc Trung-học, đã được sửa-đổi, và sẽ áp-dụng từ đầu niên-khoá 1956-57.

### 5. - LỄ BẾ-MẠC KHÓA THỨ NHẤT LỚP TU-NGHIỆP CÔNG-CHỨC

Sáng 30-8-56, tại Thư-viện trường Đại-học Luật-khoa, đã cử-hành lễ bế-mạc khóa thứ nhất tu-nghiep viên-chức thuộc các Bộ, để tra-u-giỏi thêm về công việc chuyên-môn như : tổ-chức văn-phòng, lưu-trữ công-văn và quản lý thư-viện... Lễ này đặt dưới sự chủ-tọa của ông Nguyễn-dương-Đôn, Bộ-trưởng Quốc-gia Giáo-dục, và ông Vũ-quốc-Thông, Bộ-trưởng Y-tế Xã-hội.

### 6. - CHIẾN DỊCH THANH-TOÁN NẠN MÙ CHỮ

Ngày 14-9-56, Bộ Quốc-gia Giáo-dục đã tổ-chức tại Sài-gòn, một cuộc hội-hop báo-chí, để bàn về « chiến-dịch thanh-toán nạn mù chữ » tại Việt

Nam. Ông Bộ-trưởng Nguyễn-dương-Đôn đã đọc diễn-văn, nói : « Diệt giặc đói, nguyên-nhân của bao nhiêu tội-lỗi, là một bần phận thiêng-liêng của mọi người công-dân một nước độc-lập... Người chưa biết đọc biết viết, dù nhiều hay ít, dù đàn ông hay đàn bà, phải tự cho rằng đi học là một bần phận và một quyền-lợi. Bần-phận, vì dân-úí không được khai thông, thì cuộc phục-hưng xứ-sở không thể thành-tựu được. Quyền-lợi vì có đôi chút học-vấn, thì mới có thể tránh được sự áp-bức và sự lợi dụng của những kẻ gian-ác, luôn luôn tìm dịp bóc-lột những kẻ thiếu-học, và lôi cuốn vào những con đường bất-chính. »

### 7. - LỚP HƯỚNG NGHIỆP TẠI CẤP TRUNG-HỌC

Nhằm mục-dịch khuyến-kích việc hướng-dẫn chuyên-nghiep tại các trường trung-học công lập, để học sinh, nếu không thể tiếp tục việc học và phải ra trường nửa chừng, có thể có một nghề tạm sinh-sống, Bộ Quốc-gia Giáo-dục tổ-chức tại các trường ấy, nếu đủ phương-tiện, những lớp riêng không bắt buộc về những ngành thiết-thực, như : kế-toán, đánh máy chữ, may vá, thêu-thùa, nhiếp-ảnh, chữa máy-móc. Thật là một sáng-kiến hay.

### 8. - TỔ-CHỨC VĂN-HÓA QUỐC-TẾ

Tổ-chức Văn-hóa quốc-tế vừa trao một nhiệm-vụ mới tại Việt-Nam cho cô Ady Camusel, ở Bruxelles, là người đã cộng-tác trong một năm trời ở Cao-Miên, với tư-cách chuyên-viên về khoa-giáo-dục căn-bản.

Cô Ady Camusel đã tới Việt-Nam, để cộng-tác với trung-tâm giáo-dục hương-thôn mới, sắp thành-lập tại Tân-An, Nam-Việt.

### 9. - HỘI-NGHỊ CỦA ỦY-HỘI QUỐC-GIA VĂN-HÓA UNESCO

Ngày 19. 9. 56, Hội-nghị của Ủy-hội Quốc gia Văn-hóa Unesco, đã khai-mạc tại trường Trương-Vĩnh-Ký, Saigon, dưới quyền chủ-tọa của Ông Bộ-trưởng Nguyễn-Dương-Đôn. Hội-nghị nhóm họp trong ba ngày 19, 20 và 21. Chương-trình nghị sự gồm 4 mục :

— Bầu Ủy-ban Chấp-hành của Ủy-hội Quốc gia Unesco.

— Bầu các tiêu-ban làm việc.

— Nghiên-cứu và thảo-luận về dự án chương trình hoạt-động, về ngân sách Unesco, thuộc Đại-Hội-nghị khóa thứ IX tại Tân-Đê-li.

— Biểu-quyết về các khuyến-cáo cho Phái-Đoàn Việt-Nam, tham-dự Đại-Hội-nghị Unesco thứ IX.



## 10. — HẢI-HỌC VIỆN NHA-TRANG, HOÀN-TOÀN DƯỚI QUYỀN VIỆT-NAM

— Hội-đồng quản trị Hải-Học Viện Nha-trang vừa được thành-lập để thay thế Hội-đồng quản-trị hỗn hợp Việt-Pháp.

Hội-đồng nhóm họp trong 2 ngày, 25 và 26-9-56 để kiểm-điểm công-tác khảo-cứu khoa-học của Viện trong 2 năm qua, và đặt kế-hoạch hoạt-động cho năm tới.

Ông Bộ-trưởng Quốc-gia Giáo-dục Nguyễn-duyên-Đôn, chủ-tịch Hội-đồng khoa-học của Viện, đã chủ-tọa các buổi nhóm-họp kể trên.

## 11. — HỢP-THỨC HÓA CÁC TƯ-THỰC CHƯA CÓ PHÉP MỞ

Một vài báo-chí trong nước và ngoại-quốc, có đăng những tin tức không đúng sự-thật về các tư- thực Hoa-kiều.

Thực-ra, Bộ-Q.G. Giáo-dục từ trước đến nay, chưa ra-lệnh đóng cửa bất-cứ tư- thực Hoa-kiều Trung-học hay Tiểu-học nào, đã được giấy-phép hoạt-động. Song những trường thành-lập mà chưa hợp-lệ, phải hợp-thức hóa theo luật-lệ hiện-hành.

Thái-độ của một số người điều- khiển các trường khác, đòi-được tiếp-tục hoạt-động bất-hợp-pháp, là một thái-độ không-thể-tha-thứ được, dù là công-dân Việt-Nam hay ngoại-kiều.

## 12. — LỄ KỶ-NIỆM KHÔNG-TỬ

Ngày 28-9-56, tức 24 tháng 8 âm-lịch, toàn-dân Việt-Nam đã làm lễ kỷ-niệm sinh-nhật Không-tử, để nhắc-nhớ lại đạo-lý của bậc Vạn-thế-sư-biêu.

Riêng ở thủ-độ, Bộ Quốc-gia Giáo-dục đã tổ-chức, vào-hồi 9 giờ sáng tại Viện Đại-học Quốc-gia, một cuộc lễ long-trọng. Ông Bộ-trưởng Nguyễn-duyên-Đôn đã đại-diện Ngô Tổng-Thống, đến chủ-tọa buổi lễ.

Nhân-dịp này, bản-báo cũng đăng ở số nguyệt-san này, ít-nhiều bài về Không-tử, và tinh-thần Nho-giáo, nhưng đồng-thời, cũng nêu rõ cái nạn từ-chương, nệ-cổ, mà ta cần-phải tránh.

Dưới đây, là diễn-từ khai-mạc của ông Bộ-trưởng Nguyễn-duyên-Đôn:

« Thưa Quý-Vị,

Gần đây, không hạn mà gấp, nhiều triết-gia Âu-Mỹ cũng tổ-cáo một khuyết-diêm lớn-lao trong nền văn-minh kỹ-thuật. Ai nấy đều cho rằng: ở nhiều nước tân-tiến, khoa-học đã mở-mang mau-chóng, trong khi đạo-đức, tinh-thần của dân-chúng chẳng mấy-may tăng-tiến, khiến sự chênh-lệch giữa vật-chất và tinh-thần kia, gây ra biết bao nỗi rối-ren, rắc-rối, biết bao hiểm-họa cho nhân-tâm thế-sự!... Tinh-trang ấy đã thức tỉnh đồng-bào ta, làm mới người nhận thấy một nhiệm-vụ chung, một nguyên-tắc bất-di-bất

dịch trong việc kiến-thiết và canh-tân xứ-sở: tinh-thần phải đi đôi với khoa-học.

Phải chăng vì thế mà Chánh-phủ cùng toàn-dân Việt-Nam, hôm nay đây, đương làm lễ kỷ-niệm đức Không-Tử, không phải là để làm sống lại cái nạn từ-chương, hay nệ-cổ, nhưng để nhắc-nhớ tới gương đạo-đức của người xưa, của bậc Vạn-thế-sư-biêu, mà lời nói cùng việc làm đã phản-ảnh được chân, thiện, mỹ.

Bởi vậy, nhân-dịp này, tôi muốn nhắc lại sơ-lược về đạo ngũ-thường trong giáo-lý của bậc thánh-nhân nước Lỗ.

o°o

Không-Tử, húy là Khâu, tên chữ là Trọng-Ni, vốn sinh ở nước Lỗ, thuộc tỉnh Sơn-Đông ngày nay, vào khoảng năm 550 trước Tây-nguyên. Ngài đã đi chu-du thiên-hạ, mong đem tài-đức của mình ra giúp đời, mà thống-nhất giang-sơn; nhưng các chư-hầu thời đó còn chìm-dắm trong danh-lợi, không-quan-tâm tới sự suy-vong của tập-thể, nên không ai noi theo được đạo-lý của thánh-nhân. Ngài đành trở về quê-hương, mở trường dạy học, và soạn sách để ghi chép những điều sơ-đắc, khiến học-huyết của Ngài còn lưu lại tới ngày nay.

Mục-dịch chủ-yếu của Không-giáo là tu-kỷ và trị-nhân. Muốn tu-kỷ trị-nhân cho được hoàn-toàn, ta cần phải trọn đạo ngũ-thường, tức là năm đức thường: « nhân, nghĩa, lễ, trí, tín », mà người đời ai cũng phải bền chí trau-giồi, để giúp mình và giúp người.

Theo Không-giáo, thì căn-cứ vào bản-năng của mình, ai cũng có thể làm điều thiện được, vì ai cũng sẵn có trong đáy lòng, một mối thiện-tâm. Vậy lòng trắc-ân là mối đầu của lòng nhân; lòng tu ố, hay nghe thấy việc xấu mà ghét-bỏ, là mối đầu của nghĩa; lòng kính-nhường là mối đầu của lễ; lòng thị-phi, hay biết phải trái, là mối đầu của trí; lòng tự-trọng, hay biết trọng nhân-cách mình, là mối đầu của tín.

Nhân, nghĩa, lễ, trí, tín, không phải do tự-ngoài cấu-tạo nên; ta vốn sẵn có, chỉ vì ta lảng quên, không nghĩ tới, mà vô-tình để cho vật-dục làm đắm-đuối lòng ta, và sa-ngã đời ta. Bởi thế, ta có thể nói rằng: « Cố tìm thì thấy rõ, càng sáng tỏ, như mặt trời mới mọc; lảng bỏ thì mất dạng, như mặt trăng bị mây mờ che phủ ».

Ta hãy nghe đức Không-Tử bàn về ngũ-thường, bằng cách suy-xét về lời nói, hay cử-chi của Ngài.

Đổi với chữ NHÂN, đức Không-Tử đã khuyên các đệ-tử: « Minh muốn lập, thì lập cho người; mình muốn đạt, thì đạt cho người ». Sách luận-Ngũ

cũng chép rằng: «Ngồi bên cạnh người có tang, thì Ngài ăn không no. Ngày nào đi phúng điếu về, thì không thề sao đàn hát»

Về NGHĨA, ta chỉ cần đọc qua câu: «Ăn gạo xấu, uống nước lã, gắp cánh tay mà gối đầu, tuy thế cũng có vui ở trong. Trái lại, làm điều bất-nghĩa mà giàu sang, thì ta coi như mây nổi.» Nếu thế-nhân đều biết suy-nghĩ như vậy, thì đâu có những sự tham-nhũng, bất-lượng?

Bàn về LỄ, thì Ngài nói: «Quần-tử kính mà giữ được mãi không mất, tiếp người thì cung-kính, có lễ-phép; như vậy, người trong bốn bề mới đều là anh em.»

Nói đến TRÍ, Ngài cũng ghi: «Cái gì biết thì cho là biết, cái gì không biết thì chịu là không biết, ấy là biết vậy», nhưng, «Mnôn trí mà không muốn học, thì bị cái che-mờ làm cho ngu-tối».

Chữ TÍN được Ngài coi là một trong những nguyên-tắc quan-hệ nhất trên trường xã-giao, nên đã có câu: «Lời ước-giao, đã lâu năm mà không quên, thì cũng khá là người hoàn-toàn vậy...»

Đối với ngày nay, và nhất là đối với tình-thế hiện-thời của nước nhà, đạo ngũ-thường lại cần-thiết cho ta biết bao. Giàu lòng nhân-ái, đồng-bào ta mới biết yêu thương, đùm bọc lấy nhau, tránh xa được cảnh tương-tàn, tương-sát; giàu lòng nghĩa-hiệp, ta mới phấn-khởi mà quyết-tâm diệt kẻ thù của non sông đất nước; giàu lòng lễ-nhượng, ta mới biết quý-trọng nhân-phẩm đồng-bào; giàu trí sáng-suốt, ta mới phân-biệt rõ đâu là chính-đạo, đâu là gian-tà; giàu lòng tín-nghĩa, ta mới biết trọng trách-nhiệm, trọng danh-dự và nhân-cách con người.

Tóm lại, nhờ đạo ngũ-thường, ta có lo gì mà tâm thế-hệ chẳng có thể đem lại hạnh-phúc và vinh-quang cho nhà, cho nước?

o o

Thưa Quý Vị,

Lấy ngày 23 tháng 8 làm một lễ kỷ-niệm trong toàn-quốc, Tổng-Thống có ý rằng: ai nấy nên noi theo tinh-thần cao-cả của Đức Khổng. Trong bản Tuyên-ngôn ngày 26 tháng 10 năm 1955, Tổng-Thống đã nói: «Chế-độ dân-chủ đòi hỏi mỗi người chúng ta, trau-giồi trí đức, hơn bất cứ chế-độ nào khác». Tôi tin chắc rằng, nhờ sự noi gương Ngô Tổng-Thống, nho-phong và sĩ-khí, sau bao nhiêu năm mờ-ám, sẽ lại được phát-huy chói-lọi trên giải non sông đất Việt.

Với niềm tin-tưởng ấy, tôi trân-trọng khai-mạc buổi lễ kỷ-niệm Đức Khổng-tử.»

1756

## II. — NGÔ TÔNG-THỐNG THĂM MỘ NHÀ ANH-HÙNG TRƯƠNG-CÔNG-ĐỊNH

Thứ bảy 1-9-56, Ngô Tổng-Thống đã đáp tàu « Vạn-kiếp », soái-hạm của Hải-quân Việt-Nam, có hai tàu « Tuy-dộng » và « Tây-kết » hộ-tống, đi kinh-lý tỉnh Gò-Công. Ngay buổi chiều, Tổng-thống và đoàn tùy-tùng đã tới thăm mộ nhà anh-hùng Trương Công-Định, một chiến-sĩ quốc-gia mà bản-báo đã đăng một bài khảo-cứu về tiểu-sử và sự-nghiệp, trong số tạp-chí Văn-hóa Nguyệt-san tháng trước (số 14, tháng 8 năm 1956).

## III. — NGÔ TÔNG-THỐNG THĂM SỞ ĐIỆN-ẢNH

Ngày 11-9-56, Ngô Tổng-Thống đã tới thăm Sở Điện-ảnh, tại Đường Gia-long, Sài-gòn. Sau khi xem xét máy-móc và các phòng chuyên-môn, Ngô Tổng-Thống yêu-cầu Sở đào-tạo nhiều chuyên-viên, rồi Tổng-Thống tuyên-bố rất lưu-tâm đến nền kỹ-nghệ điện-ảnh, và sẽ khuyến-khích đề ngành hoạt-động này được phát-triển mau-lẹ.

## IV. — NGHIỆP-ĐOÀN GIÁO-HỌC TƯ-THỰC

Nghiệp-đoàn giáo-học tư-thực Việt-Nam họp Đại-hội đồng thường niên, ngày 16. 9. 56, tại trụ-sở Tổng Liên-đoàn Lao-công Việt-Nam, đường Lê-văn-Duyệt.

Về dịp này, ông Chủ-tịch nghiệp-đoàn đã báo cho các đoàn-viên biết rằng: trong các lớp tu-nghiệp công-lập vừa rồi, Bộ Quốc-gia Giáo-dục đã có nhĩ ý cho các giới tư-thực tham-gia.

## V. — LỬA TRẠI CỦA CÁC SINH-VIÊN VIỆT VÀ THÁI

Một phái-đoàn sinh-viên Thái-Lan, khởi-hành từ Nam-Vang trên bốn chiếc xe ca, đã tới Quán Tre, ngày 28-8-56, và đã được nhiều nhân-vật cao cấp cùng đại diện Tổng hội Sinh viên V. N. tiếp đón.

Phái đoàn này gồm có 2 giáo-sư, 98 thanh niên, và 80 thiếu nữ, sinh viên trường Đại học Khoa học chánh trị Chulalongkorn, ở Vọng-Các.

Trong thời gian lưu trú tại Saigon, phái đoàn sẽ dùng bữa tại trường Trung học Gia Long.

1757

Đến 21 giờ, một buổi lửa trại thân mật của sinh-viên Việt-Thái đã được tổ-chức tại sân vận-động Thanh Niên đường Phan đình Phùng.

Ngày 30-8-56, hồi 20 giờ, Tổng-Hội Sinh-viên Việt-Nam đã tổ-chức một buổi Liên-hoan Sinh-viên Thái-Việt với ca-vũ nhạc, tại đó Sân Sảnh Saigon, để tỏ tình thân-thiện giữa thanh-niên hai nước.

## VI. — TRUNG THU VÀ NGÀY NHI-ĐỒNG

Nhân dịp Tết Trung-Thu và ngày « Nhi-Đông Thế-Giới », Tổng-Thống đã gửi các nhi-đồng và học-sinh toàn quốc, một bức Thông điệp, nguyên văn như sau :

« Các cháu nhi-đồng và học-sinh thân mến,

« Hôm nay, dưới bầu trời thu mát dịu, lại một lần nữa các cháu quây quần mừng Tết Trung Thu.

« Trung Thu năm nay, tôi chắc các cháu vui hơn mọi năm, vì là Trung Thu đầu tiên của nền Cộng Hoà, Trung Thu thắng lợi của cuộc cách mạng toàn diện, mà chính các cháu cũng hằng hát tham gia, trong phạm vi của các cháu.

« Các cháu vui là phải lắm, vì hiện tại này hứa hẹn một tương lai huy-hoàng cho các cháu mai sau.

« Nhưng muốn đi tới tương-lai hạnh-phúc đó, ngay bây giờ, các cháu phải chăm lo làm tròn bổn phận, trong gia đình cũng như ở học đường. Các cháu phải cố gắng trau-giồi tâm trí, luyện tập thân-thể, cho được phát triển toàn vẹn. Các cháu phải học tập nghiêm vụ công-dân và hun đúc tình thân đoàn kết, để lớn lên, tham gia đời sống cộng đồng, nối gót tiền nhân, xây đắp non sông, gây dựng hạnh phúc chung.

« Trung thu năm nay, ngoài ý nghĩa vui chơi lành mạnh theo truyền thống của dân-tộc, lại được chọn làm ngày « Nhi đồng thế-giới » theo tinh-thần bảo-trợ Nhi-đồng của tổ-chức Liên-hiệp-Quốc, vì thế tôi mong tất cả các cháu đều là những thiếu nhi xứng đáng của nước Việt-Nam Cộng-Hòa, những thiếu nhi kiểu mẫu của thế-giới Tự-do, làm vẻ-vang cho Tổ-Quốc.

« Trong hiện tình nước nhà và dưới chế-độ áp-bức của Việt-cộng, một số đồng các em thiếu nhi phải rời bỏ quê hương, vào Nam sống tự do, và một số đồng khác phải ở lại ngoài Bắc, không có hạnh-phúc được hưởng một Tết Trung Thu hoàn toàn và vui vẻ như các cháu hôm nay. Nghĩ đến các thiếu nhi đó, tôi mong các cháu cố gắng thêm lên, để chờ ngày góp phần vào công cuộc thống nhất lãnh thổ.

« Tôi chúc các cháu một Tết Trung Thu vui vẻ, và ước ao sự vui vẻ đó được tồn tại mãi trong tâm hồn các cháu ».

## VII. — CUỘC THI SÁNG-TÁC VĂN-NGHỆ

Nhân ngày 26-10-56, ngày kỷ niệm Đệ-nhất Chu-niên Cộng-hòa Việt-Nam và ngày công-bố Hiến-pháp, Bộ Thông-tin và Thanh-niên tổ-chức một cuộc thi sáng-tác về văn-ngệ, như văn, thơ, nhạc, kịch, tuồng, nhiếp-ảnh, vv... Mục-dịch là đề, ghi-ơn các anh-hùng liệt-sĩ, đã hy-sinh cho Tổ-Quốc, và nêu cao những thắng-lợi lịch-sử, dưới sự lãnh-đạo anh-minh của Ngô Tổng-Thống.

Các tác-phẩm dự-thi phải gửi về Bộ Thông-tin trước ngày 15-10-56.

o°

## B — TIN NGOÀI NƯỚC

### I. — TRIỂN-LÂM MỸ-THUART TẠI MỸ

Tạp-chí «Holiday» sẽ tổ-chức tại Mỹ-quốc, trong vòng tháng chạp dương-lịch năm 1956, một cuộc Triển-lâm Quốc-tế mỹ-thuật về tranh. Cuộc Triển-lâm này mở rộng cho tất cả các nước thế-giới. Một giải thưởng 1.000 mỹ-kim sẽ dành cho bức tranh trúng-tuyển.

Nha du-lịch quốc-gia Việt-Nam đã kêu gọi các họa-sĩ Việt-Nam hưởng-ứng cuộc Triển-lâm này.

Những chi-tiết và điều-lệ dự cuộc có thể hỏi tại văn-phòng Nha du-lịch quốc-gia, vào những ngày và giờ làm việc.



## II. — NHUNG PHÁT-MINH CỦA NGƯỜI VIỆT

Trong báo Tây-Nam (Sud-Ouest), một tờ báo phát-hành ở Bordeaux, nghị sĩ Jacques Raphael Leygues, đã đăng một bài, nhắc tới những công cuộc đã thực-hiện trên địa-hạt quốc-tế, do sáng-kiến của người Việt-Nam: Phi-cơ kiêu «Caravella», đã do một kỹ-sư Việt-Nam hoàn-bị một phần, tại Toulouse; nhiều công-cuộc khảo-cứu về bệnh cùi và bệnh ung-thư, là công cuộc của một nhà bác-học Việt-Nam; giải-thưởng kiến-trúc La-mã năm 1956 về tay một nghệ-sĩ Việt-Nam; các mỏ dầu đầu tiên ở sa-mạc Sahara cũng đã do một sĩ-quan người Việt tìm ra.

## III. — THĂNG-LỢI CỦA SINH-VIÊN VIỆT-NAM

Ông Phạm-văn-Hồ, dự thính viên tại trường Cao-dăng Sư-Phạm Ba-lê, vừa trúng-tuyên kỳ thi thạc-sĩ Vạn-vật học, và sắp trở về Saigon, làm giảng-viên tại trường Đại-học Việt-Nam.

Ngoài ra, bốn sinh-viên Việt-Nam mới trúng tuyên kỳ thi nhập học trường Bách-khoa Ba-lê.

## IV. — HỘI-NHỊ QUỐC-TẾ NGUYÊN-TỬ LỰC

Ông Nguyễn duy Liên, Cố-vấn ở Đại-sứ quán Việt Nam tại Hoa Thịnh Đốn, đã đại-diện nước Cộng Hoà Việt Nam, tham-dự Hội nghị quốc tế về Nguyên tử lực, họp tại Trụ sở Liên Hiệp Quốc, vào ngày 20-9-56.

Hội nghị đã thảo luận bản quy chế của Phân cục Quốc-tế về nguyên tử lực.

Phân-cục này có trách vụ khuyến-khích và giúp-đỡ việc phát triển và áp dụng tinh lực nguyên tử vào những mục đích hòa bình trên thế giới.



---

Đón coi hai số đặc-san sắp xuất-bản :

1— MỘT ĐẶC-SAN VỀ

# HỘI-NGHỊ THỐNG-NHẤT NGÔN-NGỮ

(tức là V. H. N. S. số 16, xuất-bản vào tháng 11 năm 1956).

°°

2— MỘT ĐẶC-SAN VỀ

# XUÂN ĐINH-DẬU

(tức là V. H. N. S. số 17, về dịp tết Nguyên-Đán).

---